

## LỜI MỞ ĐẦU

**H**àng tồn kho của doanh nghiệp là những hàng hóa: được dự trữ để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo; đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang; nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ để sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

Hàng tồn kho của doanh nghiệp có thể bao gồm: hàng mua về để bán, thành phẩm tồn kho, thành phẩm gửi đi bán, sản phẩm dở dang, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa gửi đi gia công chế biến và hàng đã mua đang đi trên đường, chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ dở dang, nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất gia công hàng xuất khẩu, thành phẩm, hàng bán được lưu trữ tại kho bảo thuế của doanh nghiệp.

Hàng tồn kho giữ vị trí, vai trò rất quan trọng trong sản xuất kinh doanh. Đối với doanh nghiệp thương mại, hàng tồn kho đảm bảo cho doanh nghiệp hoạt động được liên tục, bình thường...

Từ những nhận thức nêu trên, trong quá trình thực tập tại Công ty cổ phần thép Miền Bắc, em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu hàng tồn kho tại công ty và đã chọn đề tài làm khóa luận tốt nghiệp cho mình là: ***“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần Thép Miền Bắc”***.

↳ Khóa luận ngoài mở đầu và kết luận gồm 3 chương sau:

*Chương 1: Những vấn đề cơ bản về hàng tồn kho và kế toán hàng tồn kho tại các doanh nghiệp thương mại.*

*Chương 2: Hàng tồn kho và tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty cổ phần thép Miền Bắc.*

*Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty Cổ phần thép Miền Bắc.*

**Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần thép Miền Bắc**

Mặc dù bản thân đã cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu, song do thời gian có hạn vấn đề nghiên cứu rộng và phức tạp nên không thể tránh khỏi những thiếu sót, khiếm khuyết. Em mong được sự giúp đỡ, tham gia góp ý kiến của các anh chị trong phòng kế toán cùng các thầy cô để em sửa chữa, bổ sung, hoàn thiện bài khóa luận và nâng cao kiến thức cho bản thân em nhằm phục vụ tốt cho quá trình công tác thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 10 tháng 4 năm 2010

Sinh viên

Phạm Hoài Thu

## **CHƯƠNG I**

### **NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HÀNG TỒN KHO VÀ KẾ TOÁN HÀNG**

#### **HOÁ TỒN KHO TRONG CÁC DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI**

##### **1.1. Những vấn đề chung về hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại**

###### ***1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại***

###### **1.1.1.1. Khái niệm về hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại**

- Hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại là toàn bộ số hàng mà doanh nghiệp đang nắm giữ với mục đích kinh doanh thương mại hoặc dự trữ cho việc sản xuất sản phẩm hoặc thực hiện dịch vụ cho khách hàng.

- Hàng tồn kho bao gồm: hàng hóa mua về để bán như hàng hóa tồn kho, hàng mua đang đi trên đường, hàng gửi đi bán, hàng hóa gửi đi gia công chế biến; nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, thành phẩm tồn kho và thành phẩm gửi đi bán...

###### **1.1.1.2. Đặc điểm hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại**

-Hàng tồn kho rất đa dạng và phong phú

-Hàng tồn kho có đặc tính lý, hóa, sinh học: mỗi loại hàng hóa tồn kho có đặc tính lý, hóa, sinh học riêng. Những đặc tính này có ảnh hưởng đến số lượng, chất lượng hàng hóa trong quá trình thu mua, vận chuyển dự trữ, bảo quản và bán ra.

-Hàng hóa tồn kho luôn thay đổi về chất lượng mẫu mã, thông số kỹ thuật... Sự thay đổi này phụ thuộc vào trình độ phát triển của sản xuất, vào nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng. Nếu hàng hóa thay đổi phù hợp với nhu cầu tiêu dùng thì hàng hóa được tiêu thụ và ngược lại.

-Trong lưu thông, hàng hóa thay đổi quyền sở hữu nhưng chưa đưa vào sử dụng. Khi kết thúc quá trình lưu thông hàng hóa mới được đưa vào sử dụng để đáp ứng nhu cầu sản xuất hoặc nhu cầu tiêu dùng cá nhân.

-Tổng hợp các hoạt động thuộc quá trình mua bán, trao đổi và dự trữ hàng hóa trong doanh nghiệp kinh doanh thương mại được gọi là lưu chuyển hàng hóa.

-Quá trình bán hàng trong doanh nghiệp được thực hiện theo 2 phương thức:

+ Bán buôn: đặc trưng của bán buôn là bán với số lượng lớn, khi chấm

dứt quá trình mua, bán thì hàng hóa chưa đến tay người tiêu dùng mà phần lớn hàng hóa vẫn còn trong lĩnh vực lưu thông.

+ Bán lẻ: đặc trưng của bán lẻ hàng hóa là bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng, kết thúc quá trình bán lẻ thì hàng hóa đã vào lĩnh vực tiêu dùng.

↳ Trong các doanh nghiệp thương mại vốn hàng tồn kho là vốn chủ yếu nhất và nghiệp vụ kinh doanh hàng hóa là nghiệp vụ phát sinh thường xuyên, chiếm một khối lượng công việc rất lớn. Quản lý hàng tồn kho là nội dung quản lý quan trọng hàng đầu trong các doanh nghiệp thương mại.

### 1.1.1.3. Vai trò của hàng tồn kho trong doanh nghiệp th-ong mai

- Hàng hóa tồn kho có vị trí rất quan trọng trong các doanh nghiệp thương mại (DNTM). Nghiệp vụ lưu chuyển hàng hóa với các quá trình: mua hàng, dự trữ bảo quản hàng hóa, xuất bán hàng là nghiệp vụ kinh doanh cơ bản trong DNTM. Hàng hóa dự trữ để bán chiếm tỷ trọng lớn trong tổng hàng tồn kho, nên vốn dự trữ hàng hóa chiếm tỷ trọng lớn trong tổng vốn lưu động của doanh nghiệp ( 80% - 90%). Vốn lưu động của doanh nghiệp không ngừng vận động qua các giai đoạn của chu kỳ sản xuất là: dự trữ, sản xuất, lưu thông. Quá trình này diễn ra lặp đi lặp lại không ngừng gọi là sự tuần hoàn và chu chuyển vốn lưu động.

- Sau mỗi chu kỳ sản xuất kinh doanh thì vốn lưu động lại thay đổi hình thái, từ hình thái vốn tiền tệ ban đầu sang vốn vật tư hàng hóa và sau cùng lại trở về hình thái ban đầu là hình thái tiền tệ. Như vậy quá trình vận động của hàng hóa cũng là quá trình vận động của vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Việc tăng tốc độ luân chuyển vốn kinh doanh không thể tách rời việc dự trữ và tiêu thụ hàng hóa một cách có hiệu quả.

### **1.1.2. Phân loại hàng tồn kho trong các doanh nghiệp th-ong mai**

#### 1.1.2.1. Phân loại hàng hóa

Theo tính chất thương phẩm kết hợp với đặc trưng kỹ thuật thì hàng hóa được chia theo từng ngành hàng, trong từng ngành hàng bao gồm nhiều nhóm hàng, mỗi nhóm hàng có nhiều mặt hàng.

Hàng hóa gồm các ngành hàng:

+ Hàng kim khí điện máy

- + Hàng hóa chất mỡ
- + Hàng xăng dầu
- + Hàng dệt may, bông vải sợi
- + Hàng da cao su
- + Hàng gốm sứ, thủy tinh.
- + Hàng mây tre đan
- + Hàng rượu bia, thuốc lá

Theo nguồn gốc sản xuất gồm:

- ❖ Ngành hàng nông sản
- ❖ Ngành hàng lâm sản
- ❖ Ngành hàng thủy sản

Theo khâu lưu thông thì hàng hóa được chia thành:

- Hàng hóa ở khâu bán buôn
- Hàng hóa ở khâu bán lẻ

Theo phương thức vận động:

- ◆ Hàng hóa chuyên qua kho
- ◆ Hàng hóa chuyên giao bán thẳng

#### 1.1.2.2. Lập danh điểm hàng hóa

Hàng hóa của các DNTM mua về dự trữ để bán thường rất đa dạng về chủng loại, kích cỡ, nguồn cung cấp... Cho nên để phục vụ cho việc tổ chức hạch toán hàng tồn kho, đặc biệt là trong điều kiện ứng dụng tin học vào công tác kế toán, DNTM cần lập danh điểm hàng hóa một cách khoa học và hợp lý.

Lập danh điểm hàng tồn kho là quy định cho mỗi thứ hàng hóa tồn kho một ký hiệu riêng (mã số) bằng hệ thống các chữ số (có thể kết hợp với các chữ cái) để thay đổi tên gọi, quy cách, kích cỡ của nó.

Danh điểm hàng tồn kho phải được sử dụng thống nhất giữa các bộ phận quản lý liên quan trong doanh nghiệp nhằm thống nhất đối với từng hàng tồn kho. Lập danh điểm hàng tồn kho phải đảm bảo yêu cầu dễ nhớ, hợp lý, tránh nhầm lẫn hay trùng lặp.

Để lập danh điểm hàng tồn kho, kế toán căn cứ vào ký hiệu tài khoản cấp 1

và dựa vào việc phân chia theo cấp độ từ loại, nhóm hay thứ, nguồn hàng cung cấp, kho nhập hàng.

### ***1.1.3. Yêu cầu và nhiệm vụ cơ bản của kế toán hàng tồn kho***

#### ***1.1.3.1. Yêu cầu quản lý hàng hóa***

Có thể khẳng định rằng hàng hóa có một vị trí quan trọng trong hoạt động kinh doanh của các DNTM. Do đó, các DNTM phải đảm bảo tổ chức quản lý hàng hóa một cách chặt chẽ ở tất cả các khâu, từ thu mua, vận chuyển, dự trữ đến tiêu thụ. Đồng thời, quản lý chặt chẽ hàng hóa trên cả mặt hiện vật và giá trị.

Trong khâu thu mua, doanh nghiệp cần lập, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch cung ứng thu mua hàng hóa trên tất cả các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại, giá mua, chi phí mua... và cả tiến độ, thời gian thực hiện nhằm cung cấp đầy đủ kịp thời hàng hóa cho quá trình sản xuất kinh doanh.

Trong khâu bảo quản, doanh nghiệp phải tổ chức tốt hệ thống bến bãi, trang bị các phương tiện kỹ thuật, thiết bị đảm bảo an toàn cho hàng hóa, tránh bị mất mát, hư hỏng và kém phẩm chất gây nên sự lãng phí.

Trong khâu dự trữ để có thể vừa đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời cho quá trình sản xuất và tiêu dùng của xã hội, đồng thời vừa tránh được sự ứ đọng gây lãng phí, doanh nghiệp cần thường xuyên tiến hành kiểm tra số tồn kho để có thể điều chỉnh lại kế hoạch cung ứng, thu mua hàng hóa.

Trong khâu tiêu thụ, doanh nghiệp cần phải nâng cao chất lượng hàng hóa, giữ uy tín, áp dụng các chiến lược marketing nhằm thu hút nhiều khách hàng, tăng doanh thu lợi nhuận.. cho doanh nghiệp.

Kế toán hàng hóa là công cụ quan trọng và không thể thiếu của quản lý hàng hóa cả về mặt hiện vật và giá trị nhằm đáp ứng kịp thời, đầy đủ nhu cầu của xã hội, ngăn ngừa, hạn chế đến mức thấp nhất những mất mát, hao hụt hàng hóa trong các khâu của quá trình kinh doanh thương mại từ đó tăng lợi nhuận của doanh nghiệp.

#### ***1.1.3.2. Nhiệm vụ của kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp th-ong mai***

Để đáp ứng được yêu cầu quản lý hàng hóa từ khâu thu mua, vận chuyển đến khâu bảo quản, dự trữ và sử dụng, kế toán hàng hóa phải thường xuyên phản ánh ghi chép đầy đủ tình hình thu mua, nhập- xuất- tồn hàng hóa và tình hình dự

trữ hàng hóa cho quá trình kinh doanh. Thông qua kế toán hàng hóa, kế toán cung cấp thông tin cho nhà quản lý doanh nghiệp biết được về chất lượng chủng loại, giá cả...để từ đó ra quyết định cho phù hợp và đúng đắn.

Lựa chọn phương pháp kế toán chi tiết, phương pháp kế toán tổng hợp, phương pháp tính giá tồn kho khi xuất kho phù hợp với đặc điểm tình hình của doanh nghiệp nhằm một mặt nâng cao hiệu quả của quá trình quản lý; một mặt tiết kiệm nhân công giảm áp lực lên công việc của phòng kế toán...

Kế toán hàng hóa cần tổ chức đánh giá phù hợp với các nguyên tắc, yêu cầu quản lý thống nhất của Nhà nước và yêu cầu quản trị doanh nghiệp, vì vậy kế toán hàng hóa trong DNTM phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Tổ chức chứng từ, tài khoản, sổ kế toán phù hợp với phương pháp hàng tồn kho của doanh nghiệp, thực hiện đầy đủ chế độ hạch toán ban đầu về hàng hóa, mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết, thực hiện hạch toán đúng chế độ hiện hành, tạo điều kiện cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong phạm vi ngành và toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

+ Tổ chức ghi chép, phản ánh số liệu về tình hình nhập- xuất- tồn kho hàng hóa đầy đủ, kịp thời, tính giá thực tế hàng hóa mua, nhập, xuất, tồn kho. Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, thời gian sử dụng nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời cho quá trình tiêu thụ hàng hóa.

+ Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ hàng hóa, phát hiện ngăn ngừa và đề xuất những biện pháp xử lý những hàng hóa thừa, thiếu, ứ đọng, kém phẩm chất. Tính toán, xác định số lượng và giá trị hàng hóa thực tế đã xuất kho tiêu thụ để kịp thời kết chuyển giá vốn, ghi nhận doanh thu hàng bán.

+ Tham gia kiểm kê đánh giá hàng hóa theo chế độ Nhà nước quy định, lập báo cáo về tình hình nhập- xuất- tồn hàng hóa phục vụ công tác quản lý và lãnh đạo. Tiến hành phân tích kinh tế, tình hình cung cấp, tiêu thụ hàng hóa để tăng cường quản lý hàng hóa một cách có hiệu quả trong hoạt động kinh doanh doanh nghiệp, để đạt được mục tiêu tăng doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp.

Cung cấp thông tin tổng hợp và chi tiết cần thiết về hàng hóa kịp thời, phục vụ cho quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

## **1.2. Kế toán hàng tồn kho trong các doanh nghiệp thương mại**

### **1.2.1. Quy định chung về hạch toán hàng tồn kho**

#### **1.2.1.1. Yêu cầu đánh giá hàng hóa**

☞ Khi đánh giá hàng hóa phải đảm bảo các yêu cầu sau:

-Yêu cầu về tính chân thực: đòi hỏi việc tính giá hàng hóa phải được tiến hành dựa trên cơ sở tổng hợp đầy đủ đúng đắn và hợp lý các chi phí thực tế cấu thành lên trị giá vốn của hàng hóa và loại trừ được các chi phí bất hợp lý, các chi phí đã thu hồi (nếu có), giảm thiểu chi phí kém hiệu quả. Ngoài ra còn thể hiện việc sử dụng giá tính có phù hợp với giá cả thị trường hay không.

-Yêu cầu về tính thống nhất: tức là nội dung và phương pháp tính giữa các niên độ kế toán của đơn vị phải thống nhất, nếu có bất kỳ thay đổi nào phải giải trình trên thuyết minh báo cáo tài chính. Cách tập hợp chi phí, cách tính toán phân bổ, tiêu thức phân bổ chung để xác định chỉ tiêu về giá vốn hàng mua nhập kho và trị giá vốn xuất kho giữa các kỳ hạch toán phải nhất quán tránh ảnh hưởng của trị giá vốn đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **1.2.1.2. Xác định giá trị nhập -xuất hàng tồn kho**

##### **☼ Nguyên tắc đánh giá**

☞ Khi đánh giá hàng hóa phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

\*Nguyên tắc giá gốc: (Theo chuẩn mực 02 hàng tồn kho) vật tư, hàng hóa phải được đánh giá theo giá gốc. Giá gốc hay được gọi là trị giá vốn thực tế của vật tư hàng hóa- là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được các vật tư, hàng hóa ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

\*Nguyên tắc thận trọng:

- Vật tư, hàng hóa được đánh giá theo giá gốc, nhưng trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

-Thực hiện nguyên tắc thận trọng bằng cách trích lập dự phòng giảm giá



hàng tồn kho, kế toán đã ghi sổ theo giá gốc và phản ánh khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Do đó, trên báo cáo tài chính trình bày thông qua 2 chỉ tiêu:

- Trị giá vốn thực tế vật tư, hàng hóa
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho ( điều chỉnh giảm giá )

\*Nguyên tắc nhất quán: các phương pháp kế toán sử dụng trong đánh giá vật tư, hàng hóa phải đảm bảo tính nhất quán ; tức là kế toán đã chọn phương pháp nào thì phải áp dụng phương pháp đó nhất quán trong suốt niên độ kế toán. Doanh nghiệp có thể thay đổi thông tin kế toán một cách trung thực và hợp lý hơn, đồng thời phải giải thích được ảnh hưởng của sự thay đổi đó.

#### ❁ Tri giá nhập- xuất hàng tồn kho

- Trị giá vốn thực tế của hàng hóa bao gồm: Trị giá vốn thực tế nhập và xuất kho

\*Trị giá vốn thực tế nhập kho gồm: Giá mua ( giá ghi trên hóa đơn ) và chi phí thu mua ( chi phí vận chuyển, bốc dỡ. thuê bến bãi )

\*Trị giá vốn thực tế xuất kho: theo chế độ hiện hành, doanh nghiệp đánh giá hàng hóa theo mua thực tế. Theo cách này, chi phí mua hàng phải được tập hợp riêng cuối tháng tiến hành phân bổ cho hàng xuất bán và hàng còn lại.

#### ❁ Tri giá thuần

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 1.2.1.3. Xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

- Nguyên tắc xác định: khi xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, doanh nghiệp áp dụng một trong các phương pháp sau:

- + Phương pháp bình quân gia quyền
- + Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)
- + Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)
- + Phương pháp tính giá đích danh

#### 1.2.1.4. Đối với vật t- hàng hóa mua bằng ngoại tệ

- Đối với vật tư hàng hoá mua vào bằng ngoại tệ phải căn cứ vào tỷ giá giao

dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam để ghi giá trị hàng tồn kho đã nhập kho.

- Đến cuối niên độ kế toán, nếu xét thấy giá trị hàng tồn kho không thu hồi do bị hư hỏng, lỗi thời,... thì phải ghi giảm giá gốc hàng tồn kho cho bằng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thiện sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết. Việc này được thực hiện bằng cách lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 1.2.1.5. Kế toán chi tiết về giá trị và hiện vật theo từng loại hàng hóa tồn kho

- Tổ chức kế toán chi tiết hàng hóa tồn kho có ý nghĩa quan trọng đối với công tác bảo quản và kiểm tra tình hình cung cấp, sử dụng hàng tồn kho. Kế toán chi tiết hàng hóa tồn kho vừa được thực hiện ở kho, vừa được thực hiện ở phòng kế toán.

- Kế toán hàng tồn kho phải đồng thời kế toán chi tiết cả về giá trị và hiện vật theo từng thứ, loại, quy cách... theo từng địa điểm quản lý và sử dụng, luôn phải đảm bảo sự khớp giữa sổ sách và thực tế. Có 3 phương pháp kế toán chi tiết:

- + Phương pháp thẻ song song
- + Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- + Phương pháp sổ số dư.

#### ❁ Ph- ơng pháp thẻ song song

- Tại kho: thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ nhập, xuất để ghi số lượng hàng hóa vào thẻ kho và cuối ngày tính ra số tồn kho của từng loại hàng hóa trên thẻ kho.

- Tại phòng kế toán: sử dụng sổ chi tiết hàng hóa để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn của từng loại hàng hóa cả về mặt số lượng lẫn giá trị.

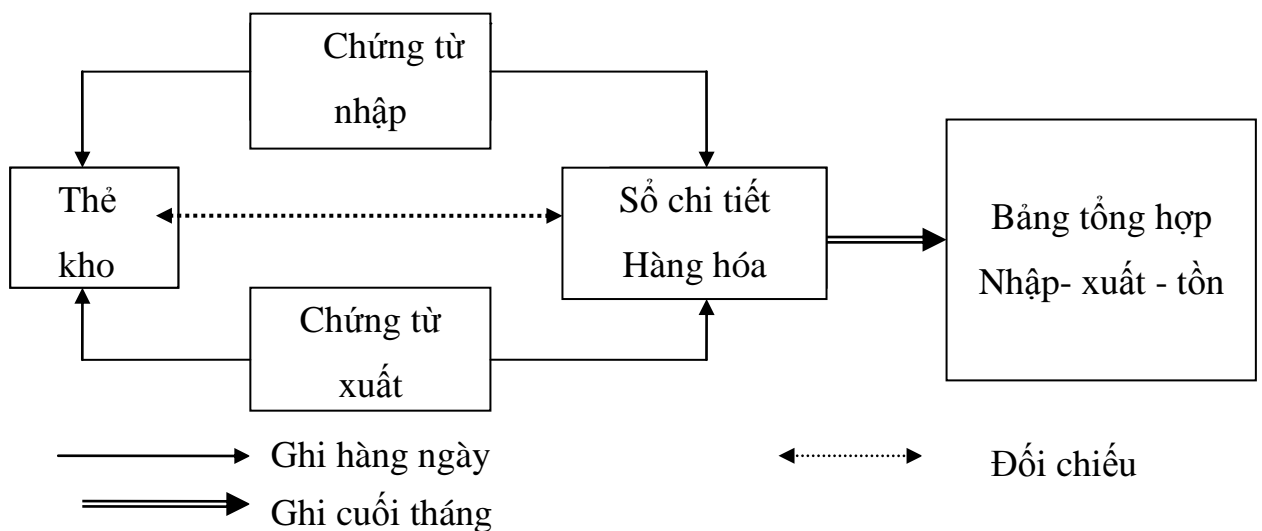
+ Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập, xuất hàng hóa thủ kho chuyển lên, kế toán phải tiến hành kiểm tra, ghi giá và phản ánh vào các sổ chi tiết. Cuối tháng căn cứ vào sổ chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn

hàng hóa.

+ Cuối tháng, kế toán lập bảng nhập – xuất – tồn sau đó đối chiếu:

- Số kế toán chi tiết với thẻ kho của thủ kho. Số tồn trên các sổ chi tiết phải khớp đúng với số tồn trên thẻ kho.
- Số liệu dòng tổng cộng trên bảng nhập – xuất – tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.
- Số liệu trên sổ kế toán chi tiết với số liệu kiểm kê thực tế.

- Quá trình luân chuyển chứng từ:



### Sơ đồ 1.1: Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp thẻ song song

\*Ưu điểm: Phương pháp thẻ song song đơn giản dễ thực hiện, đảm bảo sự chính xác của thông tin và có khả năng cung cấp thông tin nhanh cho quản trị hàng tồn kho. Hiện nay, phương pháp này được áp dụng phổ biến ở các doanh nghiệp.

\*Nhược điểm: Việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. Việc kiểm tra đối chiếu chủ yếu tiến hành vào cuối tháng, do vậy hạn chế chức năng của kế toán.

\*Điều kiện áp dụng: thích hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại vật liệu, khối lượng các nghiệp vụ nhập, xuất ít, phát sinh không thường xuyên và trình độ nghiệp vụ chuyên môn của các nhân viên kế toán chưa cao.

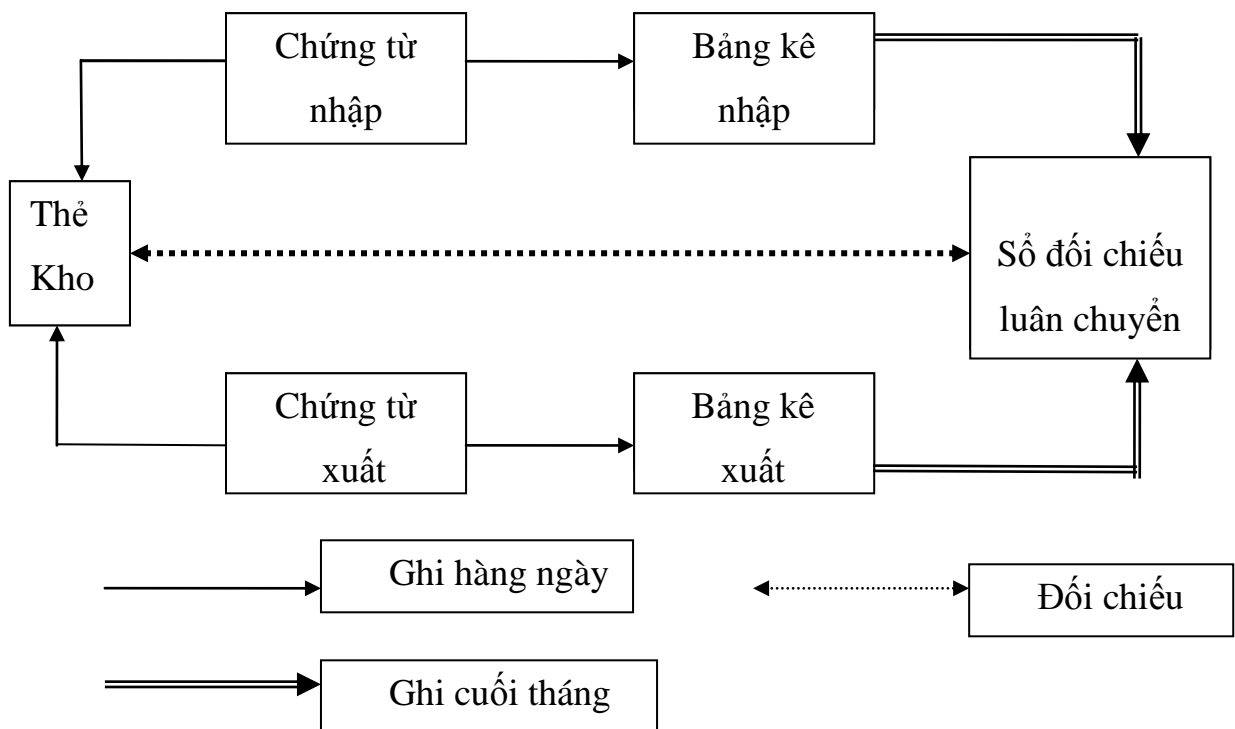
#### ❁ Ph- ơng pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- Tại kho: thủ kho vẫn sử dụng các thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn của từng loại hàng hóa về mặt số lượng.

- Phòng kế toán: để theo dõi từng loại hàng hóa nhập, xuất về số lượng và giá trị, kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển. Đặc điểm ghi chép là chỉ ghi chép một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập, xuất trong tháng và mỗi danh điểm hàng hóa được ghi một dòng trên sổ đối chiếu luân chuyển.

Cuối tháng tổng hợp số liệu từ các chứng từ (hoặc từ bảng kê) để ghi vào sổ “đối chiếu luân chuyển”, cột luân chuyển và tính ra tồn kho cuối tháng.

Quy trình luân chuyển chứng từ:



**Sơ đồ 1.2: Quy trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển**

\*Ưu điểm: Phương pháp đối chiếu luân chuyển cũng đơn giản, dễ thực hiện nhưng có nhược điểm là khối lượng ghi chép của kế toán dồn vào cuối tháng quá nhiều nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của việc cung cấp thông tin kế toán cho các đối tượng khác nhau.

\*Điều kiện áp dụng: thích hợp với các doanh nghiệp có chủng loại hàng hóa ít, không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn hàng ngày. Phương pháp này thường ít được áp dụng trong thực tế.

❁ Ph- ơng pháp sổ số dư-

- Phương pháp sổ số dư là phương pháp được sử dụng cho các doanh nghiệp

dùng giá hạch toán để hạch toán giá trị hàng hóa nhập, xuất, tồn kho. Đặc điểm của phương pháp này là ở kho chỉ theo dõi hàng hóa về số lượng còn phòng kế hoạch theo dõi về giá trị.

- Tại kho: thủ kho vẫn sử dụng thẻ kho để ghi chép số lượng hàng hóa nhập, xuất, tồn trên cơ sở các chứng từ nhập, xuất. Đồng thời vào cuối tháng thủ kho còn phải căn cứ vào số tồn của hàng hóa trên thẻ kho để ghi vào “sổ số dư” do phòng kế hoạch lập và gửi xuống cho thủ kho vào ngày cuối tháng để ghi sổ.

-“Sổ số dư” do kế toán lập cho từng kho, được mở cho cả năm. Trên “sổ số dư” hàng hóa được sắp xếp thứ, nhóm, loại. Sau mỗi nhóm loại có dòng cột nhóm, cộng loại, cuối mỗi tháng”sổ số dư” được chuyển cho thủ kho để ghi chép.

- Các chứng từ nhập, xuất sau khi đã ghi vào thẻ kho phải được thủ kho phân loại theo chứng từ nhập theo từng chứng từ nhập, xuất của từng loại hàng hóa để lập phiếu giao nhận chứng từ và chuyển giao cho phòng kế toán kèm theo các chứng từ nhập, xuất ở phòng kế toán.

-Phòng kế toán:

+ Nhân viên kế toán phải có trách nhiệm theo định kỳ (3-5 ngày) xuống kho để kiểm tra, hướng dẫn việc ghi chép của thủ kho và xem xét các chứng từ nhập, xuất đã được thủ kho phân loại. Sau đó ký nhận vào phiếu giao nhận chứng từ, thu nhận phiếu này cùng các chứng từ nhập, xuất có liên quan.

+ Căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất nhận được kế toán phải đối chiếu với các chứng từ khác có liên quan, sau đó căn cứ vào giá hạch toán đang sử dụng để ghi giá vào các chứng từ và vào cột số tiền của phiếu giao nhận chứng từ. Từ phiếu giao nhận chứng từ, kế toán tiến hành ghi vào bảng lũy kế nhập, xuất, tồn hàng hóa.

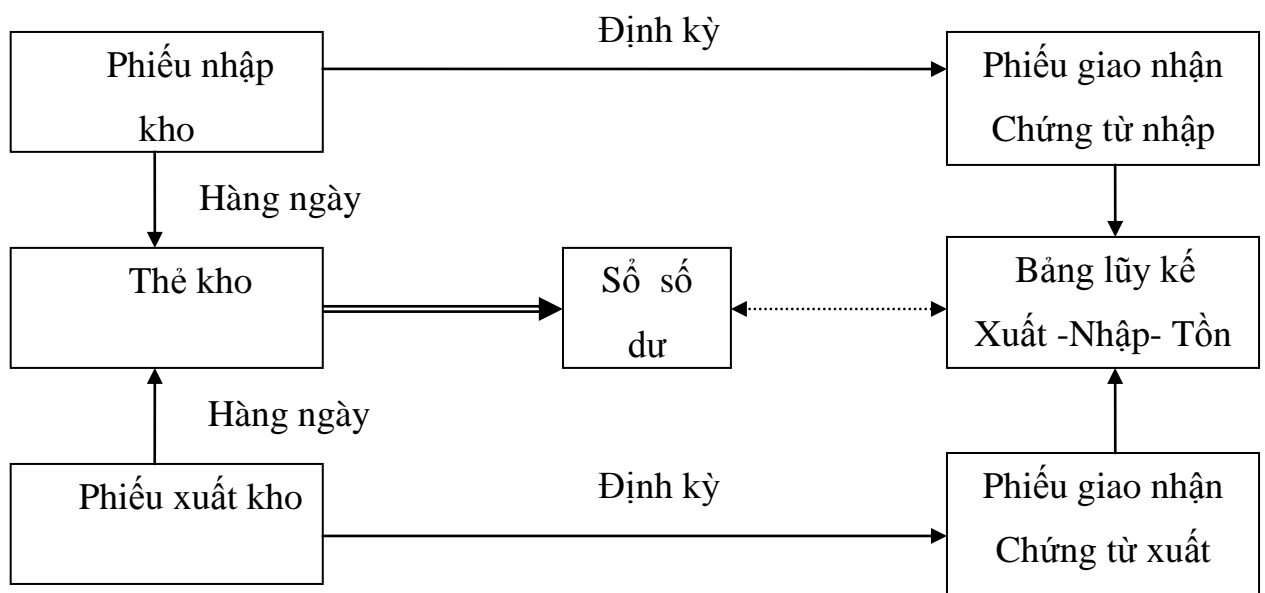
+ Bảng lũy kế nhập, xuất, tồn được mở riêng cho từng kho và mỗi danh điểm hàng hóa được ghi riêng một dòng. Vào cuối tháng, kế toán phải tổng hợp số tiền nhập, xuất trong tháng và tính ra số dư cuối tháng cho từng loại hàng hóa trên bảng lũy kế.

+Cuối tháng căn cứ vào bảng lũy kế nhập, xuất để cộng tổng số tiền theo từng nhóm hàng hóa để ghi vào “bảng kê nhập- xuất – tồn”. Đồng thời sau khi

nhau được “sổ số dư” do thủ kho chuyển lên, kế toán căn cứ vào cột số dư để ghi vào cột số dư bằng tiền. Sau đó đối chiếu số liệu trên cột số dư bằng tiền của “sổ số dư” với cột trên “ bảng kê nhập – xuất – tồn”, đối chiếu trên “ bảng kê nhập – xuất – tồn” với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.

Số dư trên bảng lũy kế phải khớp với số tiền được kế toán xác định trên sổ số dư do thủ kho chuyển về.

Sơ đồ quá trình luân chuyển chứng từ:



### Sơ đồ 1.3: Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp sổ số dư

\*Ưu điểm: Trong điều kiện thực hiện kế toán bằng phương pháp thủ công thì phương pháp sổ số dư được coi là phương pháp có nhiều ưu điểm: hạn chế việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, quản lý được hàng hóa, kế toán ghi chép đều đặn trong tháng bảo đảm cung cấp số liệu được chính xác và kịp thời, nâng cao công tác kế toán.

\*Điều kiện áp dụng: thường xuyên áp dụng cho các doanh nghiệp có nhiều chủng loại hàng hóa, việc nhập xuất diễn ra thường xuyên, doanh nghiệp xây dựng được hệ thống giá hạch toán và xây dựng hệ thống danh điểm hàng hóa hợp lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ kế toán vững vàng.

#### 1.2.1.6. Phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho

↪ Doanh nghiệp chỉ được áp dụng một trong hai phương pháp kế toán hàng tồn kho: + Phương pháp kê khai thường xuyên

+ Phương pháp kiểm kê định kỳ

**1.2.1.6.1.Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

1.2.1.6.1.1.Đặc điểm của phương pháp

- Phương pháp kê khai thường xuyên (KKTXX) là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn hàng hóa trên sổ kế toán.

- Khi doanh nghiệp áp dụng việc hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên thì các tài khoản kế toán hàng tồn kho được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng, giảm hàng hóa. Do vậy, trị giá hàng hóa tồn kho trên sổ sách kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

1.2.1.6.1.2.Công thức tính giá hàng tồn kho

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{HTK cuối} & = & \text{HTK} & + & \text{hàng nhập} & - & \text{xuất bán} \\ \text{kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{trong kỳ} \end{array}$$

1.2.1.6.1.3.Các phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Trị giá thực tế hàng hóa xuất kho có thể được xây dựng theo một trong các phương pháp:

\* *Phương pháp bình quân gia quyền*

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & = & \text{Lượng thực tế xuất} & \times & \text{Giá đơn vị bình} \\ \text{hoá xuất kho} & & \text{kho} & & \text{quân} \end{array}$$

Sử dụng phương pháp bình quân gia quyền đòi hỏi bạn phải tính đơn giá, giá vốn bình quân của các mặt hàng tồn kho đầu kỳ cộng với những vật liệu đã mua trong kỳ kế toán nhằm xác định giá vốn hàng bán và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ. Đơn giá vốn bình quân thường được cho là đơn giá đại diện cho toàn bộ mặt hàng có sẵn để bán trong kỳ kế toán. Thay v' đợi đến cuối kỳ kế toán để tính đơn giá vốn

bình quân, một số công ty dùng giá vốn đơn vị đã được xác định trước của tất cả các hoạt động xảy ra trong suốt thời kỳ kế toán. Đây là hệ thống định giá tiêu chuẩn và là biến thể của phương pháp bình quân gia quyền. Bất kỳ sự khác biệt nào giữa đơn giá vốn bình quân thực tế và đơn giá tiêu chuẩn đã được xác định trước trong suốt một kỳ thường được cộng vào hoặc trừ ra khỏi giá vốn hàng bán cho kỳ đó.

+Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị} \\ \text{BQGQ cả} \\ \text{kỳ} \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

+Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập:

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị BQGQ} \\ \text{sau lần nhập } i \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

*\* Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*

Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO) được thực hiện dựa trên cơ sở giả định rằng số hàng xuất ra khi có giao dịch mua bán là số hàng của lần nhập trước. Như vậy giá vốn hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của lần nhập sau.

*\* Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)*

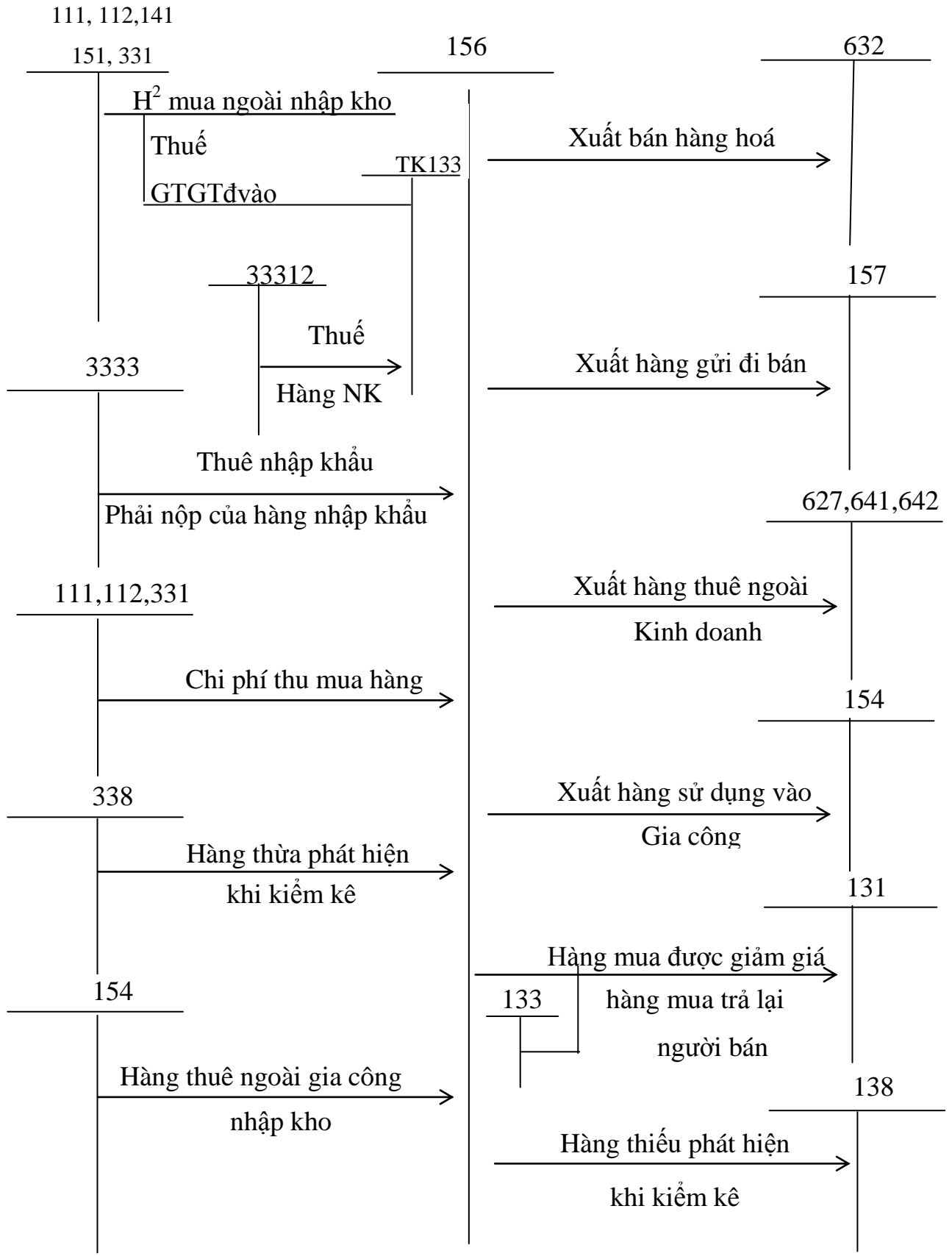
Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO) trái ngược với phương pháp FIFO. Phương pháp này được thực hiện dựa trên cơ sở giả định rằng số hàng xuất ra là số hàng của lần nhập sau. Như vậy, giá vốn hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của lần nhập trước.

*\* Phương pháp thực tế đích danh*

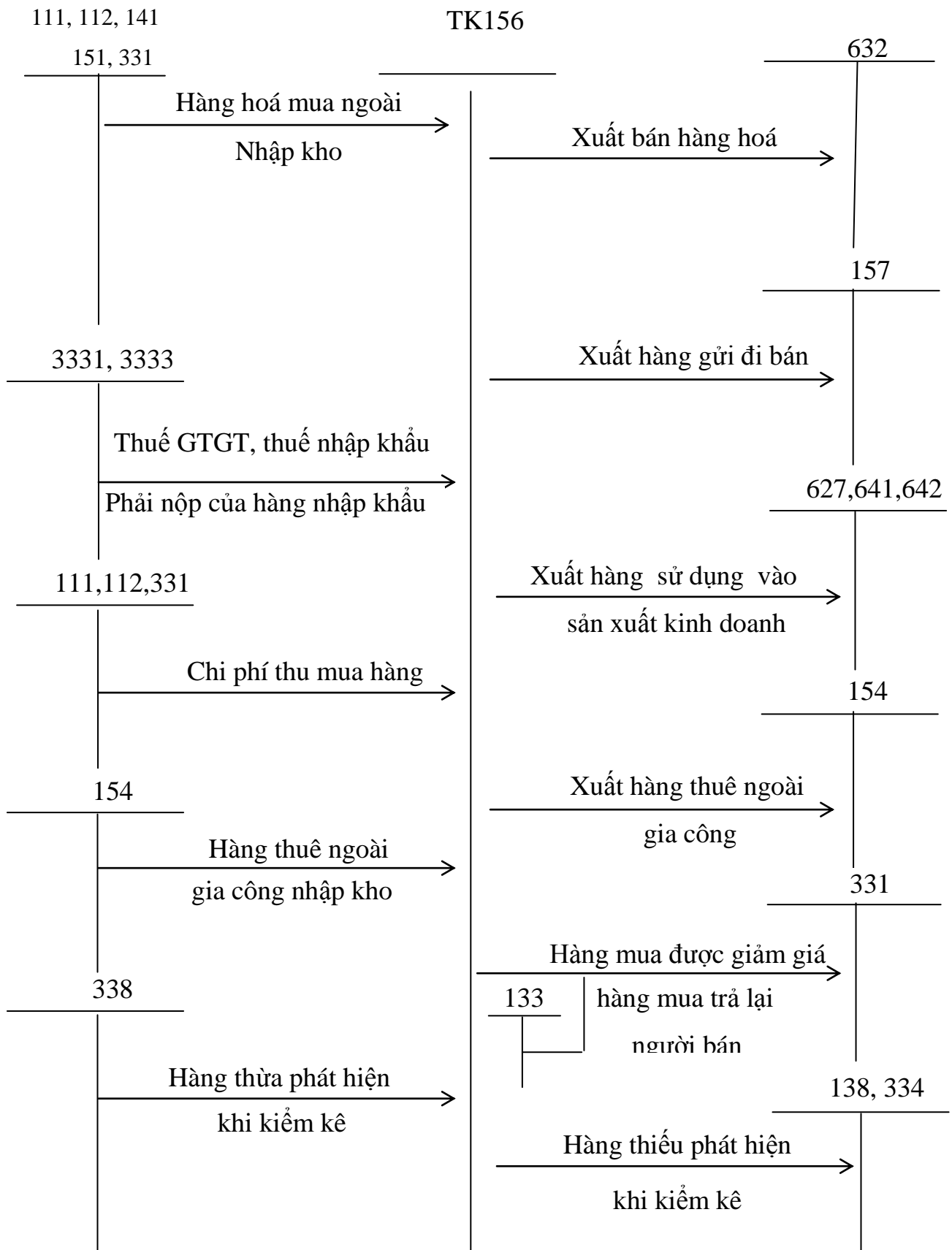
Theo phương pháp này giá của hàng nhập kho được giữ nguyên từ khi nhập vào cho đến lúc xuất ra. Khi xuất kho mặt hàng nào thì lấy theo giá của mặt hàng đó. Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp có điều kiện bảo quản riêng rẽ từng loại hàng, các loại hàng có giá trị lớn và tính tách biệt cao.



**Sơ đồ 1.2.1.6.1: Hạch toán hàng hóa tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên (doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)**



**Sơ đồ 1.2.1.6.1: Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên (Cơ sở nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)**



**1.2.1.6.2. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**

**1.2.1.6.2.1. Đặc điểm của phương pháp kiểm kê định kỳ**

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng đã xuất trong kỳ .

- Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của hàng tồn kho nói chung (hàng hóa nói riêng) không phản ánh trên tài khoản nhóm 15 (hay TK 156). Trị giá của hàng hóa mua và nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh trên TK 611 “Mua hàng” (TK 6112: mua hàng hóa).

- Khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán (để kết chuyển số dư đầu kỳ) và cuối kỳ kế toán (để phản ánh giá trị thực tế hàng tồn kho cuối kỳ).

- Phương pháp kiểm kê định kỳ thường áp dụng ở các đơn vị có nhiều chủng loại hàng hóa với mẫu mã rất khác nhau, giá trị thấp, tình hình nhập xuất liên tục, thường xuyên.

- Phương pháp này đơn giản, giảm nhẹ được khối lượng ghi chép kế toán nhưng độ chính xác về giá trị hàng hóa xuất kho bị ảnh hưởng của chất lượng, công tác quản lý tại kho quây, bên bãi.

**1.2.1.6.2.2. Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản sử dụng: 151, 156, 157, 611 (6112).

- Kết cấu và nội dung của tài khoản 611 (6112)

Bên Nợ: Trị giá thực tế hàng hóa tồn kho đầu kỳ.

+ Trị giá thực tế gửi bán nhưng chưa xác định tiêu thụ đầu kỳ.

+ Trị giá thực tế hàng mua đi đường đầu kỳ

+ Trị giá thực tế hàng hóa mua vào trong kỳ hay hàng hóa đã bán bị trả lại trong kỳ.

Bên có: Kết chuyển trị giá thực tế hàng hóa tồn kho cuối kỳ

+ Kết chuyển trị giá thực tế hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ cuối kỳ

+ Kết chuyển trị giá thực tế hàng đi đường cuối kỳ

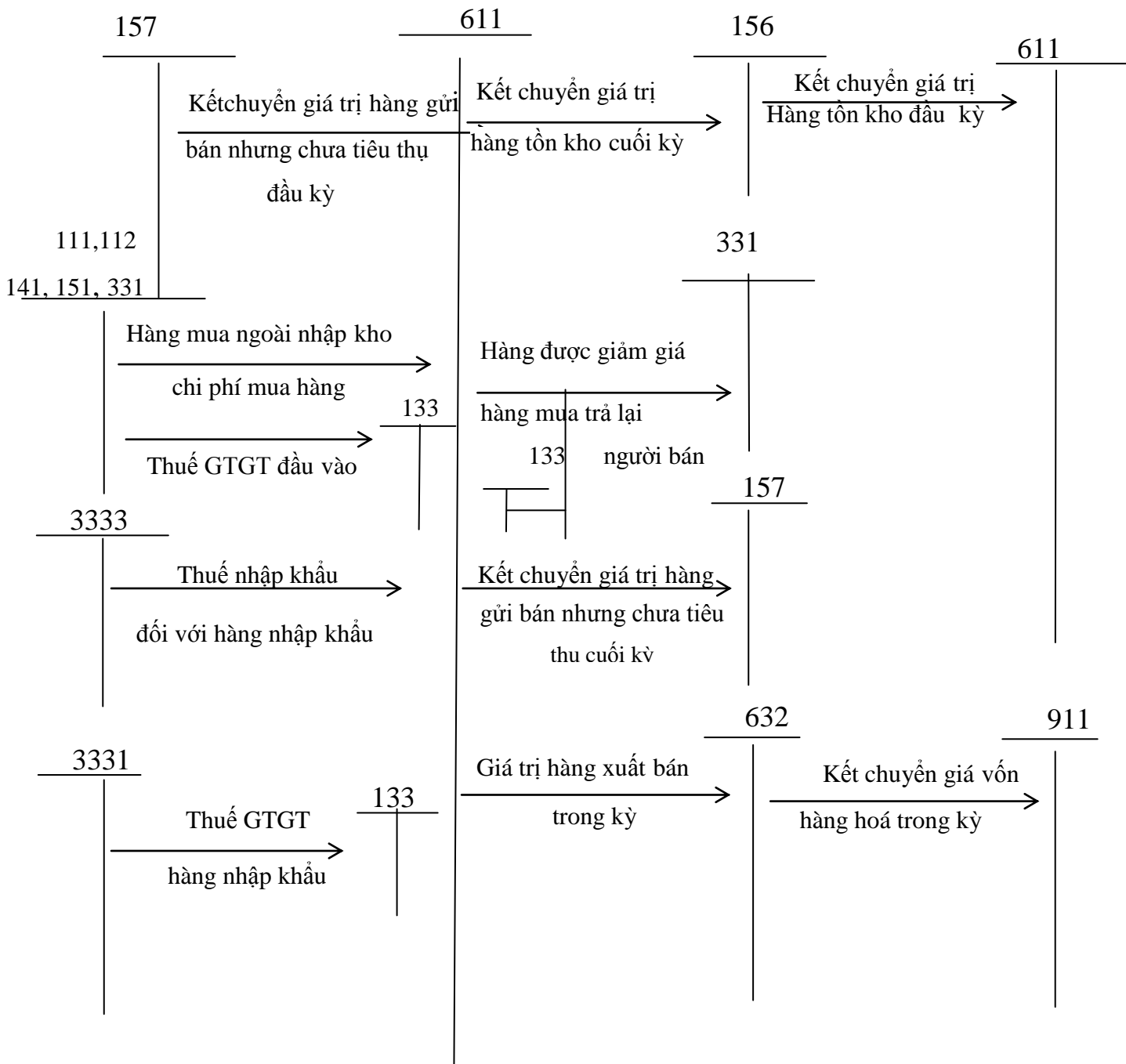
+ Trị giá hàng hóa xuất kho trong kỳ.

+ Số tiền được giảm giá về số hàng hóa đã mua không đúng quy cách, phẩm chất, tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

**1.2.1.6.2.3. Công thức trị giá hàng xuất dùng trong kỳ:**

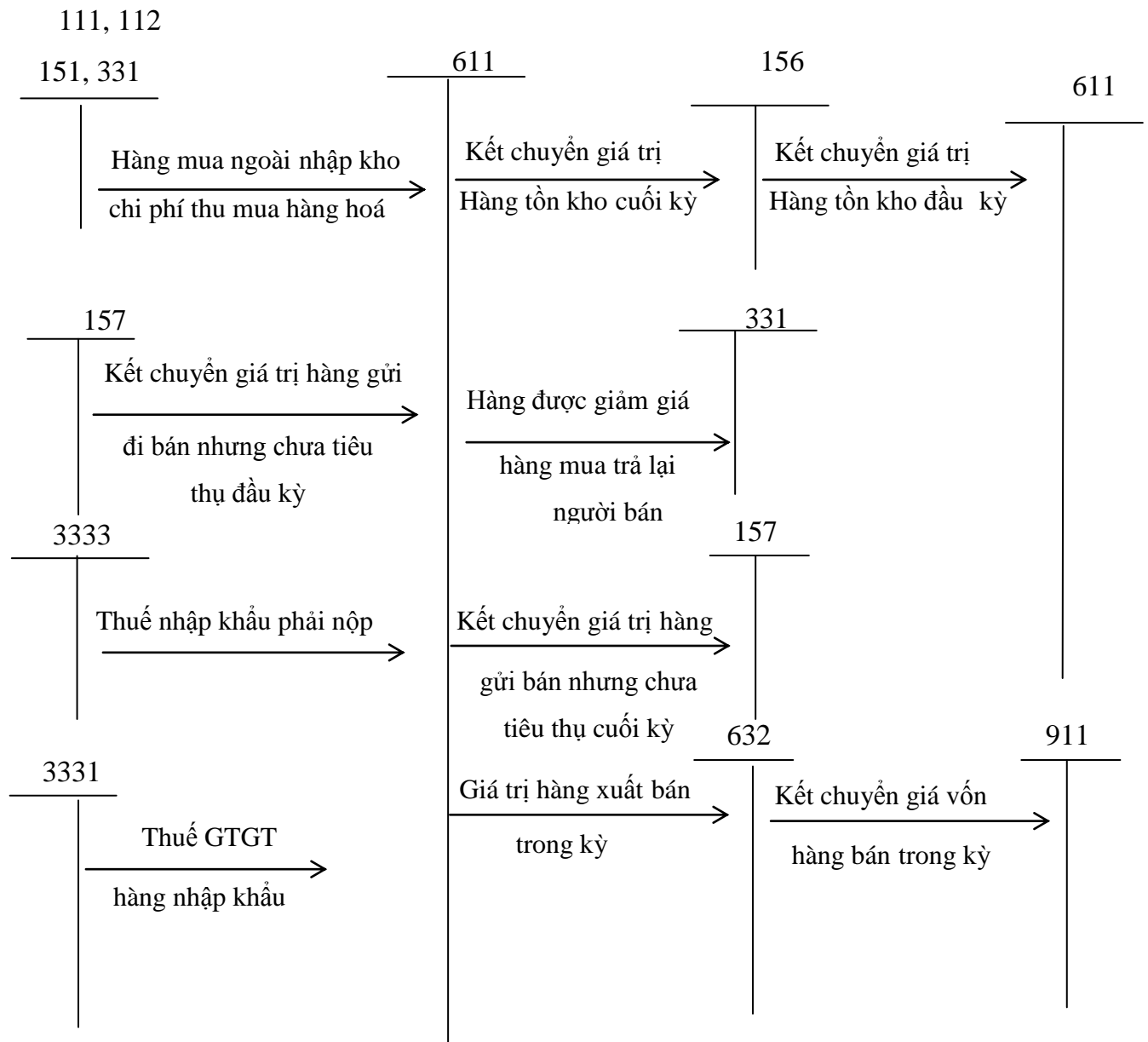
$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} \\ \text{xuất dùng} & = & \text{hàng tồn} & + & \text{hàng nhập} & - & \text{hàng tồn} \\ \text{trong kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

**Sơ đồ 1.2.1.6.2: Hạch toán hàng hoá theo phương pháp kiểm kê định kỳ  
(Doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)**



Sơ đồ 1.2.1.6.2: Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

(Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)



## 1.2.2 Kế toán chi tiết hàng tồn kho

### 1.2.2.1 Trị giá tồn kho đầu kỳ

Trị giá hàng tồn kho đầu kỳ được xác định bằng trị giá hàng tồn kho cuối kỳ trước chuyển sang.

### 1.2.2.2 Trị giá hàng nhập kho trong kỳ

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- + Hóa đơn giá trị gia tăng
- + Phiếu nhập kho
- + Biên bản kiểm nghiệm
- + ...

❖ Mua hàng trong n-ớc

\* Mua hàng trực tiếp: theo phương thức này doanh nghiệp cử nhân viên của mình trực tiếp đến mua hàng ở bên bán và trực tiếp nhận hàng chuyển về doanh nghiệp bằng phương tiện tự có hoặc thuê ngoài.

+ Sau khi nhận hàng và ký vào hóa đơn của bên bán, hàng hóa đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, mọi tổn thất xảy ra nếu có trong quá trình đưa hàng hóa về doanh nghiệp thì doanh nghiệp chịu trách nhiệm.

+ Chứng từ mua hàng trong trường hợp này là: hóa đơn bán hàng, hóa đơn kiêm phiếu xuất kho hoặc hóa đơn GTGT. Các chứng từ này do bên bán lập.

\* Mua hàng theo phương thức chuyển hàng: doanh nghiệp sẽ ký hợp đồng với bên bán, bên bán căn cứ vào hợp đồng sẽ chuyển hàng đến giao cho doanh nghiệp theo địa chỉ đã giao dịch trước trong hợp đồng bằng phương tiện tự có hoặc thuê ngoài. Chi phí vận chuyển bên nào phải trả tùy thuộc vào điều kiện quyết định trong hợp đồng. Khi chuyển hàng đi thì hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán, hàng mua chỉ thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp khi doanh nghiệp nhận được hàng và chấp nhận thanh toán. Chứng từ gồm có: hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng, hóa đơn kiêm phiếu xuất kho do bên bán lập gửi đến cho doanh nghiệp.

+ Trường hợp mua hàng hóa trên thị trường tự do, người bán không có hóa đơn, thì doanh nghiệp phải lập phiếu kê mua hàng để làm căn cứ lập phiếu nhập kho và làm thủ tục thanh toán đồng thời làm căn cứ khấu trừ thuế.

+ Hàng hóa mua về có thể làm thủ tục nhập kho hoặc chuyển bán thẳng. Nếu nhập kho thì bộ phận nhập kho và bộ phận mua hàng phải kiểm nhận hàng hóa nhập kho theo đúng thủ tục quy định. Chứng từ sử dụng trong trường hợp này là phiếu nhập kho do bộ phận mua hàng lập và thủ kho sẽ ghi số lượng thực nhập vào phiếu. Sau khi nhập kho xong thủ kho cùng người lập ký vào phiếu. Phiếu nhập kho được lập thành hai liên, thủ kho giữ liên 2 để ghi thẻ kho và sau đó chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ kế toán và liên 1 lưu ở nơi lập phiếu. Trường hợp kiểm nhận hàng có phát sinh tình hình thừa thiếu hàng hóa so với hóa đơn thì phải lập biên bản kiểm nghiệm hàng để phản ánh số hàng hóa thừa thiếu làm cơ sở tìm nguyên nhân và xử lý.

\*Phương pháp phản ánh nghiệp vụ mua hàng:

+Trong kỳ khi mua hàng hóa nhập kho, căn cứ vào hóa đơn mua hàng và phiếu nhập kho, ghi:

Nợ TK 156: Trị giá hàng mua theo hóa đơn (giá chưa thuế)

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111, 112, 331: Tổng giá thanh toán.

+ Trường hợp hàng mua về chuyển bán thẳng không qua nhập kho.

Nợ TK 632: Trị giá mua theo hóa đơn của hàng đã bán

Nợ TK 157: Trị giá mua theo hóa đơn hàng gửi bán

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111, 112, 331: Tổng giá thanh toán

+Trường hợp đã nhận được hóa đơn mua hàng nhưng đến cuối kỳ hàng mua vẫn chưa được kiểm nhận nhập kho theo địa điểm quy định thì căn cứ vào chứng từ ghi:

Nợ TK 151: Trị giá mua theo hóa đơn

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào

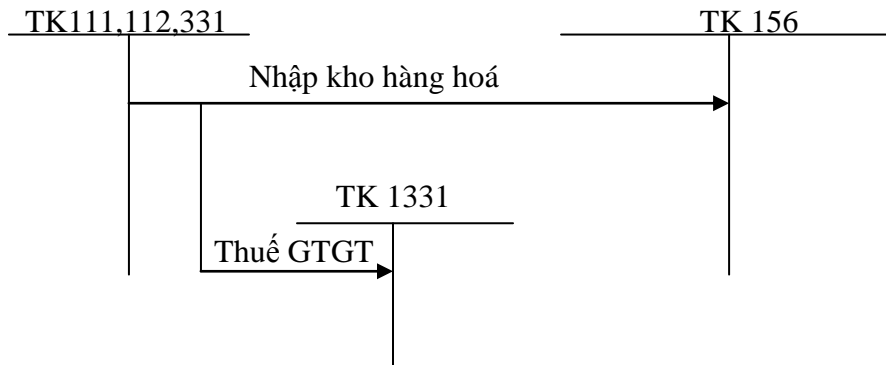
Có TK 111, 112, 331: Tổng giá thanh toán

+Tháng sau, khi hàng về nhập kho:

Nợ TK 156:

Có TK 151:

Sơ đồ 1.5: Quá trình mua hàng trong nước



❖ Mua hàng từ nước ngoài

\* Thủ tục, chứng từ nhập khẩu hàng hóa:

- Ký kết hợp đồng kinh tế:

Nếu hợp đồng quy định trả tiền bằng L/C thì người nhập khẩu phải làm đơn xin mở L/C đưa đến ngân hàng ngoại thương, thời gian mở L/C nếu hợp đồng không quy định thì phụ thuộc vào thời hạn giao hàng. Đơn vị căn cứ vào điều khoản của hợp đồng nhập khẩu tiến hành lập “Giấy xin mở tín dụng khoản nhập khẩu” kèm theo bản sao hợp đồng gửi đến ngân hàng ngoại thương cùng với hai UNC: Một ủy nhiệm chi trả thủ tục phí cho ngân hàng, một UNC về việc mở L/C. Trường hợp đơn vị không có số dư ở ngân hàng ngoại thương thì phải làm hợp đồng tín dụng xin vay ngoại tệ để ký quỹ mở L/C.

- Thuê phương tiện vận tải, mua bảo hiểm (Trường hợp mua theo giá FOB)
- Giao nhận hàng hóa nhập khẩu.
- Kiểm tra hàng nhập khẩu.
- Làm thủ tục khai báo hải quan, đóng thuế nhập khẩu.
- Thanh toán cho nhà cung cấp.

+ Trường hợp nhập khẩu ủy thác thì bên giao ủy thác cần làm thủ tục:

- Ký hợp đồng ủy thác.
- Cùng với bên nhận ủy thác làm thủ tục nhập khẩu.
- Chịu các chi phí nhân sự, chi phí bốc dỡ, lưu kho, kiểm nghiệm, giám định.
- Đóng thuế nhập khẩu.
- Nhập hàng khi có thông báo của bên nhận ủy thác nhập.



- Trả hoa hồng cho đơn vị nhận ủy thác.
- Cùng với bên nhận ủy thác tiến hành khiếu nại (nếu có).

\*Bộ hồ sơ chứng từ về nhập khẩu hàng hoá gồm:

- Hóa đơn
- Phiếu đóng gói.
- Tờ kê chi tiết.
- Vận đơn đường biển.
- Hóa đơn đường biển hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm.
- Các chứng từ liên quan khác.

\* Quá trình nhập khẩu hàng hóa:

(1) Ký quỹ mở L/C:

Nợ TK 144

Có TK 112, 1122, 311

(2) Căn cứ vào phiếu nhập kho và các chứng từ liên quan đến hàng nhập để phản ánh trị giá hàng hóa nhập khẩu trực tiếp đã được nhập kho.

Nợ TK 1561: Tỷ giá thực tế

Có TK 331: Theo tỷ giá thực tế hoặc tỷ giá hạch toán

Có TK 413: Chênh lệch tỷ giá

(3) Nộp thuế nhập khẩu và thuế GTGT hàng nhập khẩu

Nợ TK 3333

Nợ TK 33312

Có TK 111, 112

(4) Phản ánh thuế nhập khẩu phải nộp

Nợ TK 1561

Có TK 3333

(5) Thuế GTGT hàng nhập khẩu được khấu trừ.

Nợ TK 133

Có TK 33312

(6) Chi phí phát sinh trong quá trình mua hàng

Nợ TK 1562

Có TK 111, 112, 331

(7a) Nếu hàng nhập khẩu đã về đến cảng nhưng đến cuối kỳ chưa làm xong thủ tục hải quan để về nhập kho.

Nợ TK 151: Tỷ giá thực tế

Có TK 331: Tỷ giá thực tế hoặc tỷ giá hạch toán

Có TK 413: Chênh lệch tỷ giá

- Khi nhập kho, ghi :

Nợ TK 156

Có TK 151

(7b) Khi kiểm nhận không nhập kho mà bán thẳng cho khách hoặc bán trực tiếp tại ga.

Nợ TK 157: Trị giá hàng hóa nhập khẩu chuyển đi bán

Nợ TK 632: Trị giá hàng hóa nhập khẩu bán trực tiếp tại ga

Có TK 151:

❖ Chi phí thu mua hàng hóa

- Chi phí thu mua hàng hóa là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra có liên quan đến việc thu mua hàng hóa.

- Chi phí thu mua hàng hóa là một bộ phận chi phí quan trọng trong cơ cấu giá trị hàng hóa nhập kho. Vì vậy cần phải theo dõi chặt chẽ tình hình chi phí phát sinh, kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch thu mua hàng hóa nhằm lựa chọn được các phương pháp thu mua hàng hóa tối ưu, trên cơ sở đó tiết kiệm chi phí thu mua hàng hóa.

- Chi phí thu mua hàng hóa bao gồm:

- ◆ Chi phí vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa, bảo quản hàng hóa từ nơi mua đến kho doanh nghiệp.
- ◆ Chi phí bảo hiểm hàng hóa
- ◆ Các khoản hao hụt tự nhiên trong định mức ở quá trình thu mua
- ◆ Các chi phí khác phát sinh trong quá trình thu mua hàng hóa, công tác chi phí nhân viên thu mua, phí ủy thác nhập khẩu,...

↳ Do chi phí thu mua liên quan đến toàn bộ khối lượng hàng hóa trong kỳ và lượng hàng hóa đầu kỳ, nên cần phân bổ chi phí thu mua cho lượng hàng hóa đã bán ra trong kỳ và lượng hàng hóa còn lại cuối kỳ, nhằm xác định đúng đắn giá trị hàng xuất bán, trên cơ sở đó tính toán chính xác kết quả bán hàng. Đồng thời phản ánh được giá trị vốn hàng tồn kho trên báo cáo tài chính được chính xác.

- Tiêu thức phân bổ chi phí thu mua thường được lựa chọn là:

- Trị giá mua của hàng hóa
- Số lượng
- Trọng lượng
- Doanh số của hàng hóa

+ Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ nào là tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ.

+ Việc phổ biến được tiến hành theo công thức sau. Giả sử lấy trị giá mua làm tiêu thức phân bổ:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua phân} \\ \text{bổ cho hàng} \\ \text{hoá đã tiêu} \\ \text{thụ trong kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{liên quan HTK} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Trị giá mua của hàng hiện còn cuối} \\ \text{kỳ và hàng xuất bán xác định tiêu} \\ \text{thụ trong kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Trị giá của} \\ \text{hàng hoá} \\ \text{đã xác định} \\ \text{tiêu thụ} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

**Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần thép Miền Bắc**

Chi phí thu mua liên quan đến HTK cuối kỳ	=	Chi phí thu mua liên quan đến HTK đầu kỳ	+	Chi phí thu mua liên quan đến hàng nhập kho trong kỳ	-	Chi phí thu mua liên quan đến hàng đã tiêu thụ trong kỳ
---	---	---	---	--	---	--

**\*Chú ý:** Hàng hóa hiện còn cuối kỳ ở đây bao gồm: hàng hóa tồn trong kho (TK 156), hàng hóa gửi bán chưa xác định tiêu thụ vào cuối kỳ (TK157), và hàng đã mua nhưng vẫn đang còn đi trên đường (TK151).

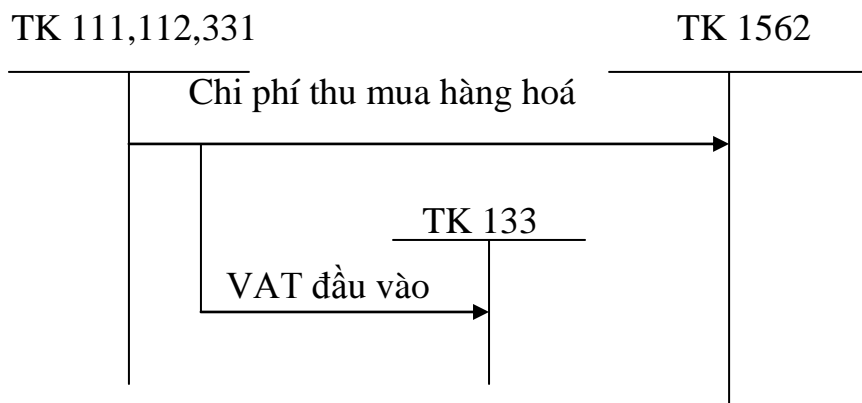
-Phản ánh chi phí thu mua hàng hóa phát sinh:

Nợ TK 1562: Giá chưa thuế

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111, 112, 331: Tổng giá thanh toán

**Sơ đồ 1.6: Chi phí thu mua hàng hoá phát sinh trong kỳ**



### 1.2.2.3 Trị giá hàng xuất bán trong kỳ

#### ✿ Chứng từ kế toán sử dụng

- + Hóa đơn giá trị gia tăng
- + Phiếu xuất kho
- + Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- + Phiếu xuất vật tư theo hạn mức
- + Thẻ kho
- + ...

#### ✿ Hàng xuất bán, gửi bán

+ Trị giá hàng xuất bán được xác định là tiêu thụ, căn cứ vào Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng, phiếu xuất kho:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 1561: Hàng hoá

+ Phản ánh doanh thu bán hàng:

- Nếu doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và hàng hoá xuất bán thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 111, 112, 131, ... (Tổng giá thanh toán)

Có TK 511 (Giá bán chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 (Thuế GTGT phải nộp)

- Nếu hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, hàng hoá không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT :

Nợ TK 111, 112, 131, ... (Tổng giá thanh toán)

Có TK 511 (Tổng giá thanh toán)

+ Khi xuất kho hàng hoá gửi bán:

Nợ TK 157 - Hàng gửi đi bán

Có TK 1561 - Hàng hoá

❁ Hàng thuê ngoài, gia công chế biến

+Khi xuất kho:

Nợ TK 154 (Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang)

Có TK 1561 (Hàng hoá)

+Chi phí gia công, chế biến:

Nợ TK 154 (Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang)

Nợ TK 133 (Thuế GTGT được khấu trừ)

Có TK 111,112,331,...

+Gia công xong nhập lại kho:

Nợ TK 1561

Có TK 154

### 1.2.3 Kế toán tổng hợp hàng tồn kho

#### 1.2.3.1 Tài khoản sử dụng

Nhóm tài khoản hàng tồn kho có 9 tài khoản:

- + TK 151: Hàng mua đang đi đường
- + TK 152: Nguyên liệu, vật liệu
- + TK 153: Công cụ, dụng cụ
- + TK 154: Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang
- + TK 155: Thành phẩm
- + TK 156: Hàng hóa
- + TK 157: Hàng gửi đi bán
- + TK 158: Hàng hóa kho bảo thuế
- + TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Kết cấu cơ bản của nhóm tài khoản này như sau:

*Bên Nợ: <ul style="list-style-type: none"><li>◆ Trị giá hàng hóa mua vào</li><li>◆ Chi phí mua hàng</li><li>◆ TG hàng thuê ngoài gia công</li><li>◆ TG hàng bị trả lại</li><li>◆ TG hàng phát hiện thừa kiểm kê</li></ul>	*Bên Có: <ul style="list-style-type: none"><li>❖ Trị giá hàng xuất kho để bán</li><li>❖ Chi phí mua hàng phân bổ hàng bán</li><li>❖ Chiết khấu thương mại</li><li>❖ Khoản giảm giá hàng bán</li><li>❖ Hàng mua trả lại</li><li>❖ TG hàng thiếu khi kiểm kê</li></ul>
--	--

### 1.2.3.2 Chứng từ kế toán sử dụng

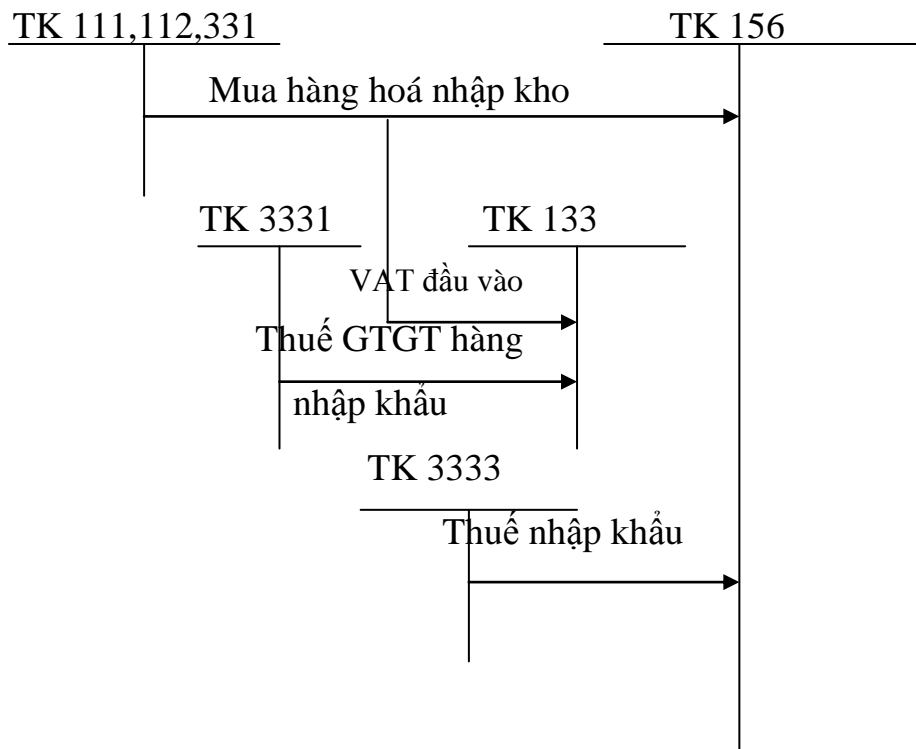
Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập xuất hàng hóa đều phải lập chứng từ đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định.

Các chứng từ kế toán bao gồm:

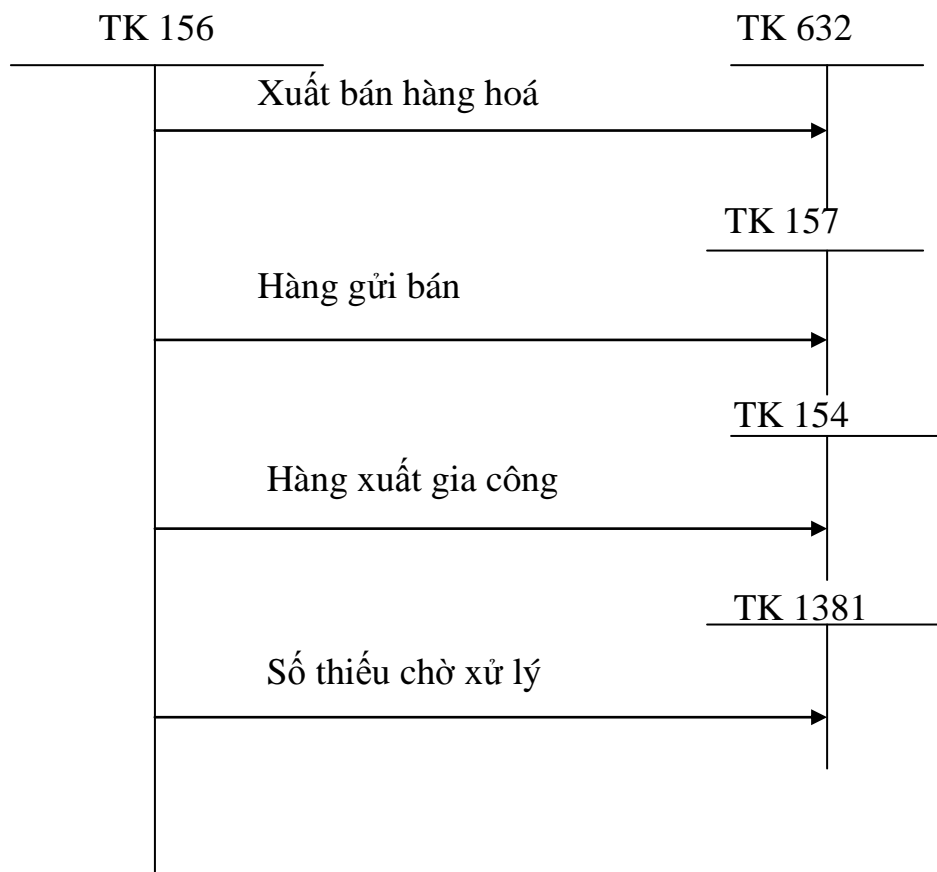
- + Phiếu nhập kho ( Mẫu 01 – VT)
- + Phiếu xuất kho ( Mẫu 02 – VT)
- + Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ ( Mẫu 03/VT-3LL)
- + Biên bản kiểm kê hàng hóa ( Mẫu 08- VT)
- + Hóa đơn (GTGT) (Mẫu 01 GTKT- 3LL)
- + Hóa đơn bán hàng ( Mẫu 02 GTKT- 2LN)
- + Hóa đơn cước vận chuyển (Mẫu 03- BH)

Đối với các chứng từ này phải lập kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định về mẫu biểu, nội dung, phương pháp lập, người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh.

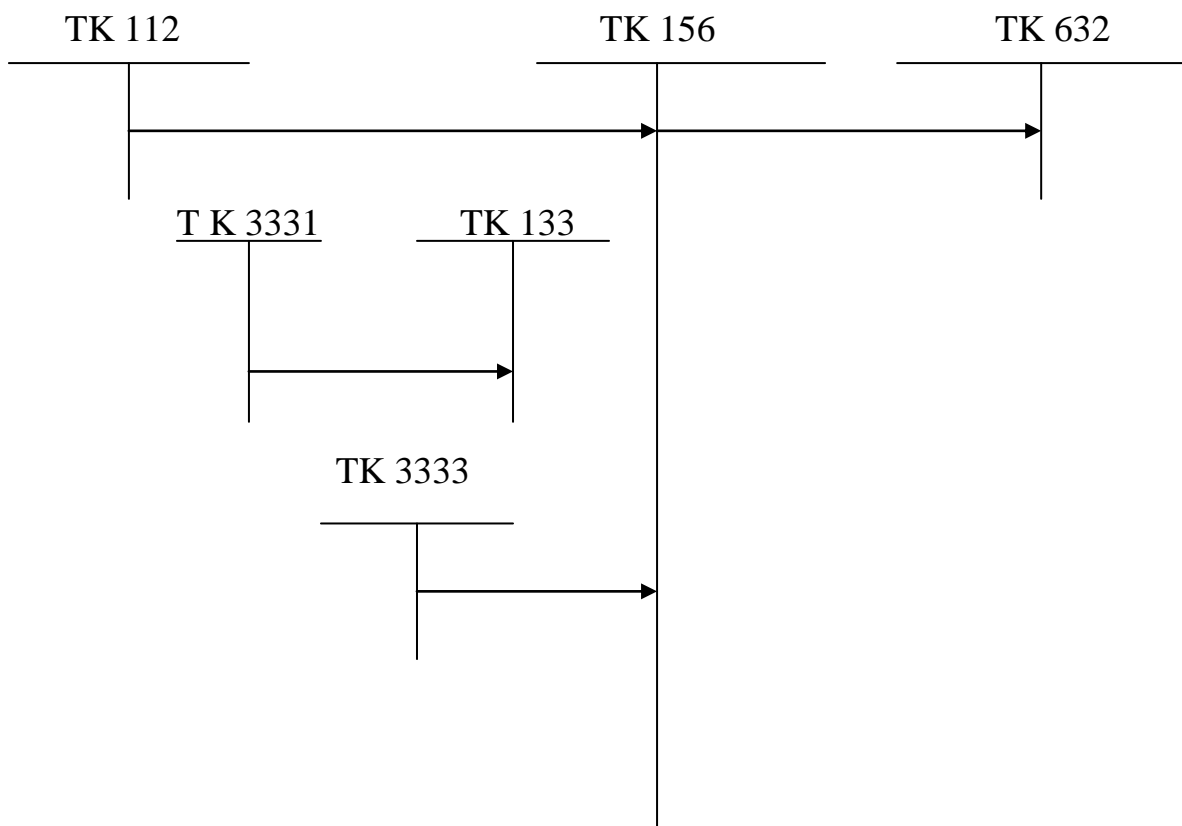
### 1.2.3.3 Mô hình hạch toán tổng hợp



Sơ đồ 1.2.3.3.1: Mô hình hạch toán tổng hợp quá trình nhập kho hàng hoá



Sơ đồ 1.2.3.3.2: Mô hình hạch toán tổng hợp quá trình xuất kho hàng hoá



Sơ đồ 2.2.3 : Tổng hợp hàng nhập, xuất trong kỳ tại Công ty



## **1.2.4 Vấn đề kiểm kê và đánh giá lại hàng tồn kho**

### **1.2.4.1 Khái niệm**

Kiểm kê hàng hóa là việc tiến hành kiểm tra trực tiếp tại chỗ số hiện có tại thời điểm tiến hành kiểm kê thông qua việc cân, đong, đo, đếm. Được thực hiện bởi ban kiểm kê của doanh nghiệp với sự giám sát và tham gia của phòng kế toán. Mục đích của việc kiểm kê là nhằm đối chiếu số hàng hóa hiện có tại kho với số dư trên sổ sách kế toán xác định số thừa, thiếu. Cũng qua đó kiểm tra chất lượng của hàng hóa, kiểm tra việc tôn trọng dự trữ tồn kho để quản lý chặt chẽ có hiệu quả hàng tồn kho, tránh tham ô, lãng phí, mất mát và đảm bảo tính thực tế của số liệu báo cáo về hàng hóa tồn kho.

Kiểm kê hàng hoá tồn kho là nhằm xác định chính xác số lượng, chất lượng, giá trị từng loại hàng hoá hiện có của doanh nghiệp, kiểm tra tình hình bảo quản nhập - xuất và sử dụng hàng hoá, phát hiện và xử lý kịp thời những hàng hoá hao hụt, hư hỏng, ứ đọng, kém phẩm chất, ngăn ngừa hiện tượng tham ô lãng phí hàng hoá. Có biện pháp xử lý kịp thời những hiện tượng tiêu cực nhằm chấn chỉnh và đưa vào nền nếp công tác và hạch toán hàng hoá ở doanh nghiệp.

Đánh giá lại hàng hoá thường được thực hiện trong trường hợp Nhà nước quy định nhằm bảo toàn vốn kinh doanh khi có sự biến động lớn về giá cả và đem hàng hoá đi góp vốn liên doanh.

Tuỳ theo yêu cầu quản lý, kiểm kê hàng hoá có thể được thực hiện theo phạm vi từng bộ phận, đơn vị hoặc toàn doanh nghiệp, kiểm kê định kỳ hoặc kiểm kê bất thường.

Khi kiểm kê doanh nghiệp phải thành lập hội đồng hoặc ban kiểm kê phải có thành phần của đại diện lãnh đạo những người chịu trách nhiệm vật chất về bảo quản hàng hoá, phòng kế toán và cán bộ quản lý doanh nghiệp khi kiểm kê phải thực hiện cân, đong, đo, đếm và phải lập biên bản kiểm kê (08 - VT). Xác định chênh lệch giữa số liệu kiểm kê và số liệu ghi trong sổ sách kế toán, đề xuất ý kiến xử lý khoản chênh lệch (nếu có). Có thể tiến hành kiểm kê theo định kỳ hoặc bất thường, cho cả doanh nghiệp hoặc một bộ phận...

#### 1.2.4.2. Ph- ơng pháp hạch toán khi kiểm kê

Trường hợp kiểm nhận hàng hoá mua về nhập kho, nếu số kiểm nhận lớn hơn hoặc nhỏ hơn số ghi hoá đơn, Hội đồng hoặc ban kiểm nhận phải lập biên bản kiểm nghiệm (MS 05 - VT) và xác định nguyên nhân cụ thể để ghi sổ kế toán.

❁ Trường hợp kiểm nhận phát hiện thừa :

+Căn cứ vào biên bản kiểm kê hàng hoá xác định thừa chưa rõ nguyên nhân:

Nợ TK 156: Hàng hoá

Có TK 3381: Hàng hoá thừa chờ xử lý

+Khi bên bán đã nhận được biên bản cho biết hàng đã giao thừa và đồng ý bán luôn số hàng đã giao thừa. Căn cứ vào hóa đơn do bên bán lập bổ sung cho số hàng thừa, ghi:

Nợ TK 156: Trị giá hàng thừa chờ xử lý theo giá bán chưa thuế.

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào.

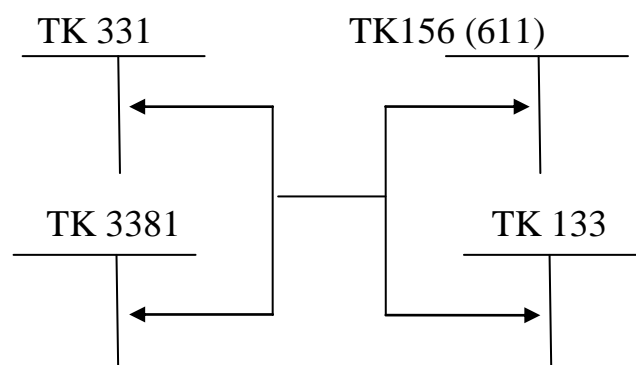
Có TK 3381: Tổng số tiền phải thanh toán thêm.

+Trường hợp bên bán không đồng ý bán mà sẽ nhận lại số hàng giao thừa, doanh nghiệp xuất kho trả lại bên bán căn cứ phiếu xuất kho, ghi:

Nợ TK 3381:

Có TK 1561- Thừa so với với hóa đơn

+Nếu thừa với số lượng lớn do bên giao nhầm kế toán ghi vào TK 002: “Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, gia công” và phải có trách nhiệm báo cho bên bán biết để xử lý. Trong thời gian giữ hộ, doanh nghiệp cần có trách nhiệm bảo quản số hàng hoá đó.



❁ Trường hợp kiểm nhận phát hiện thiếu :

Kế toán chi ghi tăng hàng hóa nhập kho theo giá trị giá của số hàng thực

nhận, số hàng thuế, căn cứ vào biên bản kiểm nhận để thông báo cho bên liên quan biết và xác định nguyên nhân.

Trường hợp thiếu hàng hoá chưa rõ nguyên nhân:

Nợ TK 156: Số thực nhập

Nợ TK 138: Số thiếu

Có TK 111, 112, 331: Số theo hoá đơn

Phản ánh số hàng thiếu chưa rõ nguyên nhân:

Nợ TK 1381: Hàng hoá thiếu chờ xử lý

Có TK 156: Hàng hoá

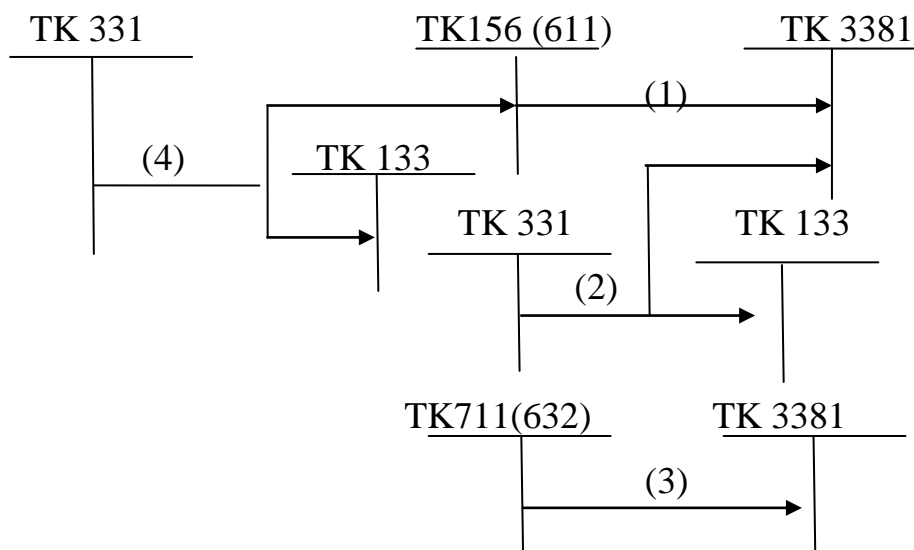
#### 1.2.4.3. Xử lý kết quả kiểm kê

Căn cứ vào quyết định của hội đồng xử lý hàng hoá:

✧ Số hàng hoá thừa:

Nợ TK 3381: Số thừa chờ xử lý

Có TK 711: Thu nhập khác



- (1) Căn cứ vào quyết định xử lý nếu doanh nghiệp trả lại cho người bán
- (2) Nếu doanh nghiệp đồng ý mua tiếp số hàng thừa, đơn vị bán phải viết hóa đơn bổ sung.
- (3) Nếu thừa không xác định được nguyên nhân, ghi tăng thu nhập khác
- (4) Nếu chỉ nhập kho theo số ghi trên hóa đơn

+ Số hàng thừa coi như giữ hộ đơn vị bán: ghi Nợ TK 002

+ Khi xử lý số hàng thừa, kế toán ghi: Có TK 002

✘ Số hàng hoá thiếu:

+ Nếu thiếu hụt, tổn thất trong định mức:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 1381: Phải thu khác

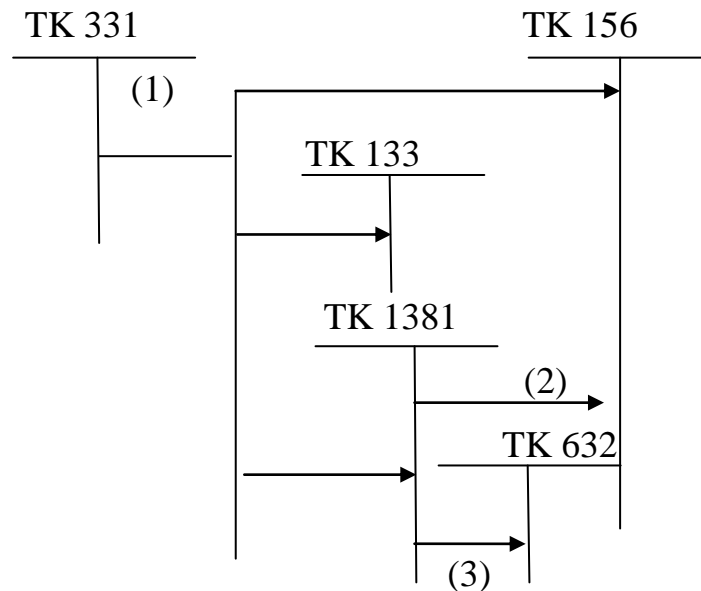
+ Nếu số hàng hoá thiếu mà người chịu trách nhiệm vật chất phải bồi thường thì ghi:

Nợ TK 1388: Phải thu khác

Nợ TK 334: Trừ vào lương

Nợ TK 111: Tiền Mặt

Có TK 1381: Số thiếu chờ xử lý



(1) Căn cứ vào chứng từ, khi nhập kho kế toán ghi

(2) Nếu do đơn vị bán giao thiếu và phải giao tiếp số hàng thiếu, khi đơn vị đã giao hàng căn cứ vào chứng từ, kế toán ghi.

(3) Nếu không xác định được nguyên nhân

- Đối với kiểm kê chênh lệch do đánh giá lại, nếu được phép ghi tăng, giảm nguồn vốn kinh doanh:

+ Nếu ghi tăng nguồn vốn kinh doanh:

Nợ TK 412: Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Có TK 411: Nguồn vốn kinh doanh

+ Nếu ghi giảm nguồn vốn kinh doanh:

Nợ TK 411: Nguồn vốn kinh doanh

Có TK 412: Chênh lệch đánh giá lại tài sản

**1.2.4.4. Đánh giá lại hàng hóa**

\* Đánh giá lại hàng hóa nhằm xác định giá trị phù hợp của hàng hóa tại thời điểm đánh giá lại.

\*Đánh giá lại hàng hóa thường được thực hiện :

- Khi có quyết định của Nhà nước.
- Khi đem góp vốn liên doanh
- Khi chia, tách, hợp nhất, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động hoặc mua bán, khoán, cho thuê của doanh nghiệp.
- Khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp

\*Khi đánh giá lại hàng hóa doanh nghiệp phải thành lập hội đồng hoặc ban đánh giá lại. Căn cứ vào biên bản đánh giá lại:

+ Nếu đánh giá lại nhỏ hơn giá ghi sổ kế toán, phân chênh lệch ghi:

Nợ TK 412: Chênh lệch đánh giá lại hàng hoá

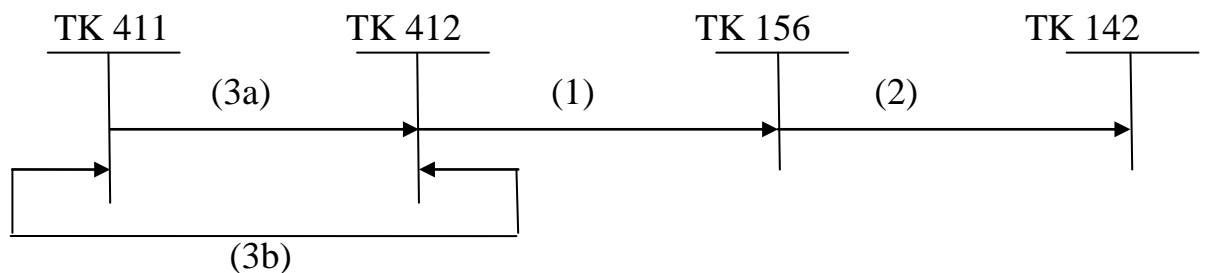
Có TK 156: Hàng hoá

+ Nếu đánh giá lại lớn hơn giá ghi sổ kế toán, phân chênh lệch ghi:

Nợ TK 156: Hàng hoá

Có TK 412: Chênh lệch đánh giá lại hàng hoá

hoặc đánh giá theo sơ đồ sau:



(1) Nếu đánh giá tăng

(2) Nếu đánh giá giảm

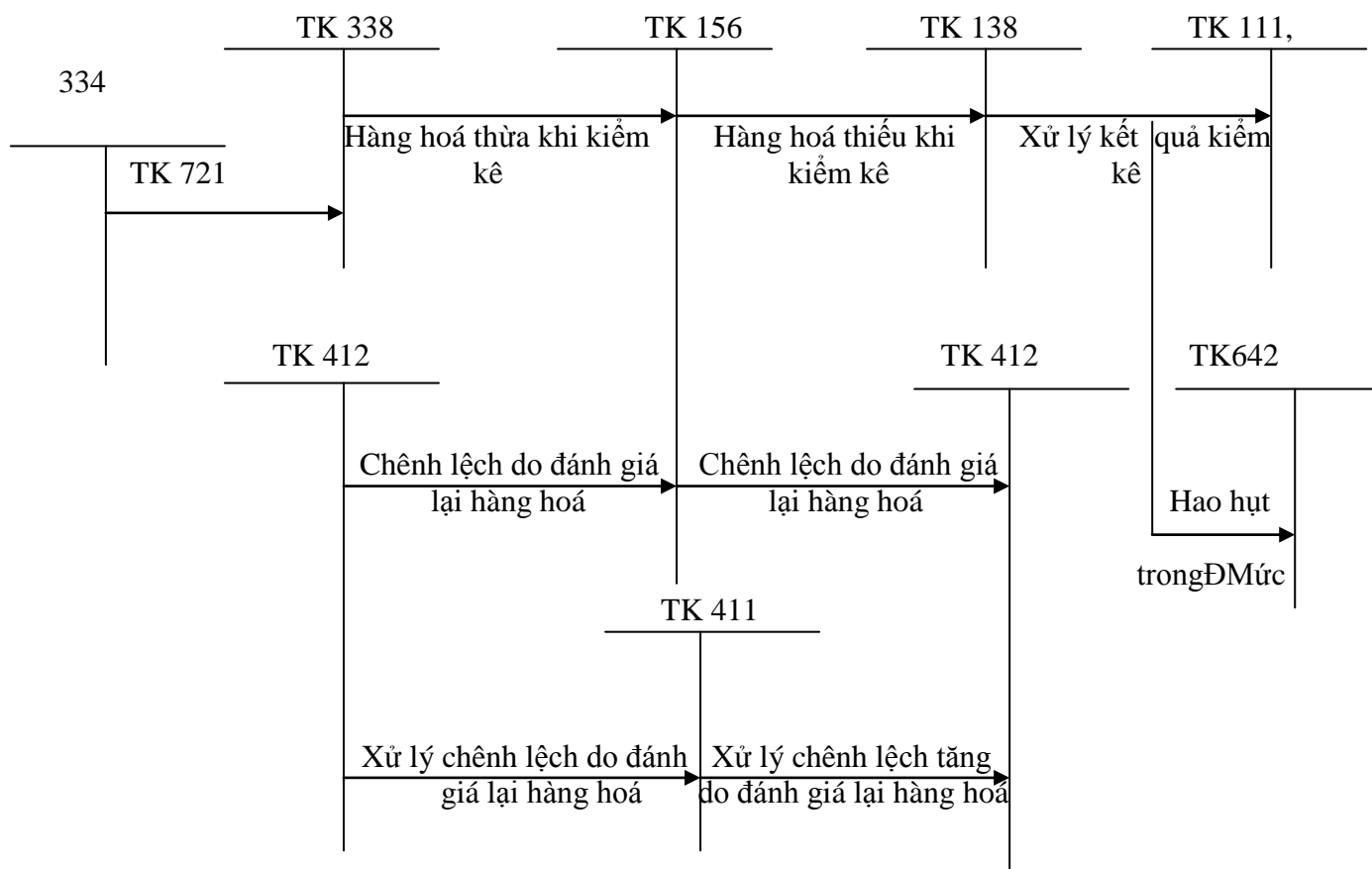
(3) Căn cứ quyết định của cơ quan có thẩm quyền xử lý khoản chênh lệch do đánh giá lại

(3a) Chênh lệch tăng

(3b) Chênh lệch giảm

### Sơ đồ 1.2.4: Kiểm kê và đánh giá lại hàng hoá

(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)



## 1.2.5. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

### 1.2.5.1. Khái niệm

Dự phòng phần giá trị dự kiến bị tổn thất sẽ ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh do giảm giá hàng tồn kho có thể xảy ra trong năm kế hoạch. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do hàng hoá tồn kho bị giảm giá, đồng thời cũng để phản ánh đúng trị giá thực tế

thuần tuý hàng tồn kho trong doanh nghiệp, nhằm đưa ra một giá trị thực về tài sản của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ hạch toán.

Giá trị thuần của hàng hoá được xác định trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp là giá trị điều chỉnh giữa trị giá tồn kho thực tế trên sổ kế toán và trị giá dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ hạch toán.

#### **1.2.5.2. Thời điểm lập**

Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện ở thời điểm khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm.

#### **1.2.5.3. Đối tượng lập**

Hàng hoá tồn kho để bán mà giá trị trên thực tế nhỏ hơn giá trị đang hạch toán trên sổ kế toán.

#### **1.2.5.4. Điều kiện lập**

- Hàng hoá tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính có giá trị thị trường nhỏ hơn giá ghi sổ kế toán.
- Hàng hoá là mặt hàng kinh doanh, thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp.
- Có chứng từ, hoá đơn hợp lý, hợp lệ hoặc các chứng từ khác chứng minh giá vốn hàng hoá tồn kho.

#### **1.2.5.5. Phương pháp xác định mức dự phòng**

Căn cứ vào tình hình giảm giá, số lượng tồn kho thực tế của hàng hoá để xác định mức dự phòng.

Mức dự phòng giảm giá hàng hoá cho năm kế hoạch	=	Lượng hàng hoá tồn kho giảm giá tại thời điểm 31/12 năm BC	X	Giá hạch toán trên sổ kế toán	-	Giá thực tế trên thị trường tại thời điểm 31/12
---	---	--	---	-------------------------------	---	---

Giá thực tế trên thị trường của hàng hoá bị giảm giá tại thời điểm 31/12 là giá có thể mua bán được trên thị trường.

Việc lập dự phòng phải tiến hành riêng cho từng loại hàng hoá bị giảm giá

và tổng hợp bảng kê chi tiết khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho của doanh nghiệp. Bảng kê là căn cứ để hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **1.2.5.6. Phương pháp hạch toán kế toán**

##### **☼ Mục đích:**

Mục đích của việc lập dự phòng là bù đắp các khoản tổn thất do giảm giá hàng tồn kho. Nhưng theo nguyên tắc hạch toán hiện hành, các khoản tổn thất do giảm giá hàng hoá tồn kho đã được phản ánh trong kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy, doanh nghiệp phải hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho vào thu nhập của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp phải hoàn nhập toàn bộ khoản dự phòng đã lập cuối năm trước vào khoản thu nhập bất thường để xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời tiến hành lập dự phòng mới cho năm sau theo các quy định trên đây.

Thời điểm hoàn nhập dự phòng đã lập và lập dự phòng mới được tiến hành tại thời điểm khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm.

##### **☼ Phương pháp hạch toán kế toán:**

- Cuối niên độ kế toán, doanh nghiệp căn cứ vào tình hình giảm giá số lượng tồn kho thực tế của từng hàng hoá kế toán xác định mức trích lập dự phòng cho niên độ kế toán.(1)

Nợ TK 6426: chi phí dự phòng

Có TK 159: dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Cuối niên độ kế toán sau, kế toán hạch toán toàn bộ khoản dự phòng để lập cuối niên độ kế toán trước vào thu nhập bất thường.(2a)

Nợ TK 159: dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 711: thu nhập khác

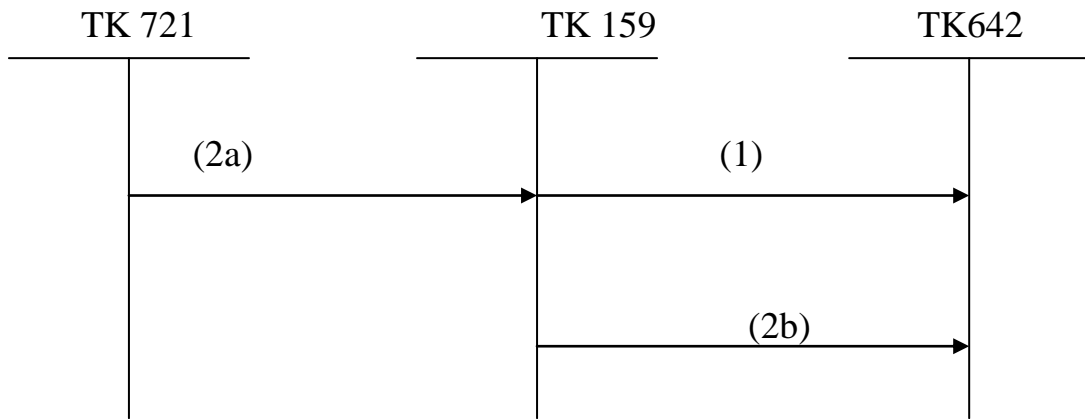
Đồng thời tính, xác định mức trích lập dự phòng mới phải lập cho niên độ kế toán sau.(2b)

Nợ TK 642: chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 159: dự phòng giảm giá hàng tồn kho



Sơ đồ 1.4: Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho



## **CHƯƠNG II**

### **HÀNG TỒN KHO VÀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC**

#### **2.1 Khái quát chung về Công ty cổ phần thép Miền Bắc**

##### ***2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần thép Miền Bắc***

Công ty cổ phần thép Miền Bắc với tên viết tắt là: Công ty CPTM & XDTH Miền Bắc tiền thân là mô hình của ban dịch vụ Quân đội bộ tham mưu Quân khu 3. Sau một thời gian dài làm việc có hiệu quả được sự cho phép của Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng, Công ty được thành lập và mang tên ban đầu là Công ty cổ phần thương mại và xây dựng tổng hợp Miền Bắc. Tên giao dịch quốc tế viết tắt là : MIBACO. Sau khi chuyển đổi cơ chế thương mại hóa thành Công ty Cổ phần thép Miền Bắc với tên giao dịch: MB STEEL.

Giấy chứng nhận kinh doanh số 0203000087 ngày 23 tháng 7 năm 2001 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

*Trụ sở chính* : của Công ty đặt tại Km89 – Đường 5 mới – Hồng Bàng – Hải Phòng

Tel: (031)3.589.036/36/38 \* (031)2.240.277

Fax:(031)3 589036/3871371

Đại diện: Ông Nguyễn Văn Thủy – Chủ tịch HĐQT

Website: [www.thepmienbac.com.vn](http://www.thepmienbac.com.vn)

*Chi nhánh 1: TP.Hải Phòng:*

Địa chỉ: Km88 – Thôn Lương Quán – Đường 5 mới – Nam Sơn – HP

Tel & Fax:(031)3.598.039

*Chi nhánh 2: TP Hồ Chí Minh:*

Địa chỉ: Ngã tư An Sương- Phường Trung Mỹ Tây -Quận 12 -TP.HCM

Tel & Fax:(08)3.592.398

*Chi nhánh 3: TP.Hải Phòng:*

Địa chỉ: Số 4 – Đường Hồng Bàng – Quận Hồng Bàng – TP.Hải Phòng

Tel & Fax: (031) 3.536.517

Xuất phát từ những đồng vốn 4.5 tỷ đến nay Công ty đã có tổng vốn điều lệ là 150 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần thép Miền Bắc là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có quyền và nghĩa vụ dân sự theo luật quy định. Hạch toán kế toán độc lập có tài khoản bằng Việt Nam đồng và ngoại tệ tại ngân hàng công thương Hải Phòng và ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Phòng, được sử dụng con dấu riêng theo quy định của Nhà nước và hoạt động theo điều lệ của công ty.

Một số chỉ tiêu kinh tế phản ánh kết quả hoạt động của công ty qua 3 năm:

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Tổng doanh thu	65.340.000.000	84.000.000.000	148.193.055.838
Giá vốn	60.110.000.000	71.400.000.000	141.669.362.498
Nộp NS Nhà nước	1.673.000	3.528.000	50.029.356
Lợi nhuận sau thuế	3.556.400	9.072.000	128.646.915

Nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy công ty đang ngày càng kinh doanh phát triển hơn từ năm 2007 đến năm 2009. Cụ thể doanh thu năm 2008 tăng gấp hơn 1 lần so với năm 2007, còn năm 2009 doanh thu tăng gấp gần 2 lần so với năm 2008. Lợi nhuận sau thuế cũng tăng mạnh qua 3 năm, đóng góp một phần lợi nhuận của mình vào ngân sách Nhà nước. Có được những bước phát triển như vậy là do công ty biết phát huy sức mạnh của mình, mạnh dạn đưa phương pháp mới vào ứng dụng, không ngừng mở rộng quan hệ hợp tác với khách hàng trong nước mà còn cả nước ngoài.

### **2.1.2. Những thành tích cơ bản của doanh nghiệp**

☀ Tình hình sản xuất của Công ty trong các năm là rất khả quan, các chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế, doanh thu, nộp ngân sách Nhà nước đều tăng so với năm trước. Cán bộ công nhân viên đều có việc làm ổn định, được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước ban hành và được hưởng mức lương bình quân

năm 2009 là 2.500.000. Đây là dấu hiệu rất tốt cho Công ty phát triển ở những năm tiếp theo. Công ty thực sự đứng vững và phát triển trên cơ chế thị trường với những khó khăn thử thách lớn. Toàn bộ tập thể cán bộ công nhân viên của Công ty đã nỗ lực phấn đấu đưa Công ty ngày càng lớn mạnh không ngừng cùng với sự phát triển kinh tế hội nhập của cả nước.

❁ Công ty đã có quan hệ kinh doanh buôn bán với nhiều bạn hàng trong và ngoài nước như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ba Lan... Các sản phẩm, hàng hoá của Công ty không chỉ được phân phối tiêu dùng ở các tỉnh miền Bắc mà còn được tiêu thụ tại các tỉnh miền Trung từ Hà Tĩnh trở ra.

❁ Những năm qua mặc dù thị trường thép có sự biến động mạnh (do sự tranh chấp thương mại giữa các nước lớn) đã tác động không nhỏ đến thị trường thép trong nước nói chung và công ty cổ phần thép Miền Bắc nói riêng. Nhưng bằng sự nỗ lực, nhạy bén kinh doanh của ban lãnh đạo công ty luôn đứng vững và không ngừng mở rộng quy mô hoạt động và quy mô vốn. Cụ thể công ty đã đầu tư mua sắm nhiều trang thiết bị máy móc hiện đại phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh: dây chuyền sản xuất lưới thép tự động hoá của Nhật Bản, Đức.

❁ Kể từ ngày hoạt động tới nay Công ty đã gặt hái được nhiều thành công, sản phẩm của Công ty mang tính cạnh tranh cao có được chỗ đứng trên thị trường sản phẩm có thương hiệu là **Thép Miền Bắc** đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Hàng năm Công ty đã nộp thuế đóng góp không nhỏ vào ngân sách của Nhà nước.

↳ Suốt quá trình hình thành và phát triển, Công ty cổ phần thép Miền Bắc đã trải qua bao thăng trầm thay đổi nhưng tập thể cán bộ công nhân viên trong công ty đã luôn đoàn kết, chủ động, sáng tạo khắc phục những khó khăn, cải tiến kỹ thuật vào sản xuất đưa công ty đi lên trở thành một công ty thép hàng đầu của Việt Nam và được xếp doanh nghiệp hạng nhất vững mạnh như ngày nay.

### **2.1.3 Những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp**

#### **2.1.3.1.Thuận lợi:**

➤ Thương mại quốc tế của Việt Nam đã tăng trưởng nhanh chóng trong vòng 15 năm trở lại đây từ sau khi mở cửa, hội nhập với nền kinh tế thế giới, đặc biệt từ sau khi Việt Nam trở thành thành viên của tổ chức thương mại thế giới (WTO). Cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế đều đặn khoảng 8 – 8.5% năm là tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu khoảng từ 20% đến 25% năm. Giao thương hàng hóa tăng trưởng nhanh chóng,... là những tiền đề quan trọng trong phát triển ngành kinh doanh xuất nhập khẩu thép.

➤ Ngành sản xuất thép là một trong những ngành nghề luôn phát triển mạnh mẽ, tạo nhiều cơ hội lớn cho các doanh nghiệp trong ngành nói chung và công ty cổ phần thép Miền Bắc nói riêng.

➤ Từ năm 2001 đến nay tuy chỉ có 9 năm nhưng công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ, năng động có trình độ đại học, cao đẳng, có kinh nghiệm cao, ngoại ngữ và trình độ giao tiếp tốt đã giúp công ty hoạt động kinh doanh tốt được nhiều bạn hàng biết đến nhất là những công trình trọng điểm, các công trình giao thông cầu đường cầu cảng, các tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước như các tập đoàn đóng tàu VINASHIN, LILAMA, Xi măng, Dầu khí, Than, Xăng dầu, Điện lực, Tổng công ty cấp thoát nước... đã coi thép Miền Bắc là những bạn hàng truyền thống từ nhiều năm nay.

➤ Hải Phòng là một thành phố Cảng biển của đất nước ta đây cũng chính là một thị trường tiềm năng của công ty. Điều đó đòi hỏi phải có một cơ sở vật chất tiên tiến hiện đại, đầu tư cho dịch vụ vận chuyển rất nhiều và nhanh chóng bắt kịp với quá trình phát triển của thành phố. Bên cạnh đó việc hình thành lên các quận huyện mới, các khu công nghiệp mở rộng, các nhà máy kỹ thuật, các công trình xây dựng mới đòi hỏi phải có sự giúp sức của ngành thép nói chung và của công ty nói riêng.

2.1.3.2. Khó khăn:

❖ Khó khăn đầu tiên phải nói đến là đối thủ cạnh tranh, nền kinh tế Việt Nam hiện nay phát triển do đó có rất nhiều Doanh Nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thép đặc biệt với vị trí địa lý là đường 5 mới – nơi có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh thép lớn quy tụ như: Công ty Đồng Đạt, Nam Vang, Hùng Cường, Thái Sơn, Công ty cổ phần kim khí Hải Phòng. Bên cạnh đó là sức ép của các Công ty nước ngoài tại thị trường là rất lớn.

❖ Khách hàng của công ty đa số là người nước ngoài do đó có sự bất đồng ngôn ngữ lớn lên đôi khi quy trình phục vụ chưa được tốt. Đòi hỏi nhà quản lý phải nâng cao chất lượng dịch vụ của mình đồng thời là nâng cao trình độ ngoại ngữ cho nhân viên để phục vụ cho việc kinh doanh, thương mại của công ty...

↳ Để khắc phục những khó khăn trên, công ty phải tăng cường bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên, không ngừng nâng cao chất lượng hàng hóa dịch vụ để thu hút khách hàng.

**2.1.4 Định hướng phát triển của công ty cổ phần thép Miền Bắc**

Trong tình hình nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế nước ta nói riêng đang có những thay đổi lớn, Công ty cổ phần thép Miền Bắc đã có những định hướng phát triển trong tương lai để kịp thời bắt nhịp được với sự thay đổi trong nền kinh tế nhằm đưa Công ty ngày càng phát triển hơn nữa.

Hiện nay, công ty có ba chi nhánh, hai chi nhánh ở Hải Phòng, một chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong tương lai công ty sẽ phát triển các chi nhánh ngày một vững mạnh. Mở rộng thêm các khách hàng tiềm năng, góp phần vào sự phát triển của ngành công nghiệp thép ở Việt Nam. Sản phẩm thép nhập khẩu của Công ty sẽ đa dạng và phong phú hơn đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong nước với mong muốn phục vụ tốt nhất cho các công trình trọng điểm với phương châm uy tín và chất lượng.

Tiến tới, Công ty cũng sẽ có kế hoạch chăm lo cho đời sống của toàn bộ công nhân trong Công ty, giúp họ có một cuộc sống đảm bảo để có thể phục vụ cho Công ty được tốt nhất. Đồng thời Công ty cũng sẽ tạo điều kiện để mọi công nhân

## Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần thép Miền Bắc

trong công ty được nâng cao trình độ để tiếp cận với khoa học công nghệ.

Trước thềm hội nhập của nền kinh tế Việt Nam với thế giới, Công ty cổ phần thép Miền Bắc hy vọng sẽ được hợp tác lâu dài với các đối tác trong và ngoài nước để thương hiệu “Thép Miền Bắc” ngày càng được nhiều khách hàng biết đến.

### KẾ HOẠCH NHẬP KHẨU ĐẦU NĂM 2010

Hiện tại, NOSCO đang có kế hoạch nhập khẩu một số mặt hàng cho quý 1 năm 2010, cụ thể như sau:

<b>HÀNG CHÍNH PHẨM</b>	
<b>MẶT HÀNG</b>	<b>TRỌNG LƯỢNG (MT)</b>
Thép cuộn cán nóng (SS400, SPHT1) 1.0~2.0mm x 1250mm x Cuộn	5,000
Thép H / I / thép góc	1,500
Thép cọc cừ	1,000
Thép ống	1,000
<b>Tổng</b>	<b>8,500</b>
<b>HÀNG LOẠI 2 / TỒN KHO / CÁN KÉO</b>	
<b>MẶT HÀNG</b>	<b>TRỌNG LƯỢNG (MT)</b>
Thép cuộn cán nóng (Hàng loại 2, mềm) 1.0~8.0mm x 900mm trở lên x Cuộn	8,000
Thép đầu tấm	8,000
Thép ống lỗi Đường kính 114mm trở lên	7,000
Thép tấm chính phẩm tồn kho	5,000
Thép cuộn bẹp	3,000
Tôn tếc và các loại thép cán kéo khác	2,000
Thép H / I, cọc cừ đã qua sử dụng	5,000
<b>Tổng</b>	<b>38,000</b>

### **2.1.5 Đặc điểm sản xuất kinh doanh th- ơng mại của Công ty**

#### **2.1.5.1 Hình thức pháp lý**

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần
- Hình thức sở hữu vốn: Vốn điều lệ

#### **2.1.5.2 Ngành nghề kinh doanh, lĩnh vực và phạm vi hoạt động**

- Kinh doanh:
  - + Kim khí sắt thép các loại.
  - + Sắt thép phế liệu các loại.
  - + Vật liệu xây dựng, khí đốt, xăng dầu.
  - + ...
- Lĩnh vực hoạt động:
  - + Lĩnh vực hoạt động của Công ty ngành hàng mũi nhọn chủ yếu là kinh doanh các sản phẩm sắt thép các loại như thép tấm, thép lá, thép ống, thép xây dựng, thép ray, thép hình chữ U-I -H- L...các mặt hàng sắt thép trên là ngành công nghiệp có giá trị cao, sản phẩm của Công ty chủ yếu cung cấp cho các nhà máy đóng tàu, xăng dầu, các công trình xây dựng kết cấu nhà thép...
- Phạm vi hoạt động:
  - + Hàng hóa của Công ty cung cấp ở thị trường Miền Bắc và thành phố Hồ Chí Minh là chủ yếu. Tại thị trường này có thuận lợi về mặt vận chuyển hàng hóa đường thủy sẽ tiết kiệm được chi phí vận chuyển, ở hai thị trường này có nhiều khu công nghiệp lớn, tốc độ đô thị phát triển nhanh, các công trình xây dựng nhiều nên nhu cầu tiêu thụ hàng hóa là rất lớn.



**2.1.5.3 Nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất**

**☼ Nguồn lực tài chính:**

Nguồn lực tài chính của công ty được biểu hiện ở bảng số 2.1.4:

<b>STT</b>	<b>Các nguồn lực</b>	<b>Trị giá</b>
1	Về vốn:	10.000.000.000
	- Tiền mặt	2.000.000.000
	- Tiền gửi ngân hàng	8.000.000.000
2	Nhà cửa cơ sở vật chất	3.100.000.000
3	Dụng cụ văn phòng	520.000.000
4	Tài sản khác	200.000.000

**Bảng số 2.1.4**

☞ Qua bảng số liệu trên ta thấy Công ty có một số vốn tương đối lớn đối với một doanh nghiệp tư nhân, cơ sở vật chất kỹ thuật tốt đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, bên cạnh đó công ty luôn chú trọng khai thác những sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Nguồn vốn của Công ty được hình thành từ vốn của các cổ đông góp vốn, vốn vay Ngân hàng và các khoản nợ phải trả khác.

Công ty là một đơn vị nhập khẩu trên 80% giá trị nhu cầu hàng hoá cần cho quá trình kinh doanh. Vốn kinh doanh của Công ty phải đầu tư vào TSCĐ chiếm nhiều, vì vậy nhu cầu vốn kinh doanh còn thiếu Công ty phải vay vốn từ các Ngân hàng để nhập hàng, đối tác cung cấp hàng hoá cho Công ty là các đối tác từ thị trường nước ngoài, khi nhập hàng Công ty phải thanh toán trả cho khách hàng nước ngoài 100% trước khi nhập hàng về kho. Khoản tiền này Công ty phải vay vốn từ các Ngân hàng 80% số tiền thanh toán cho đối tác nước ngoài, hàng tháng Công ty phải thanh toán lãi suất chi phí tài chính lên đến hàng trăm triệu đồng bên cạnh đó các khách hàng cung cấp hàng hoá cho Công ty tại thị trường nội địa đều là những khách hàng truyền thống của Công ty cho nên không chiếm dụng được vốn lâu.

**☼ Cơ sở vật chất:**

Tài sản cố định của Công ty bao gồm văn phòng toà nhà hai tầng với diện tích mặt bằng 120M<sup>2</sup>, kho bãi tại trụ sở chính bằng 12.000M<sup>2</sup> (trong đó diện tích

đất thô cư là  $3.258M^2$ ), kho đường Hồng Bàng cạnh trung tâm Metro có diện tích bằng  $6.000M^2$ , và kho chi nhánh Sài Gòn có diện tích bằng  $4.000M^2$ . Với số vốn đầu tư cho nhu cầu tài sản cố định là rất lớn, các kho Hồng Bàng và Sài Gòn Công ty thuê của các đơn vị bạn từ khi là kho bãi trống, Công ty phải dãi đá làm đường đầu tư xây dựng văn phòng, chỗ ở cho cán bộ nhân viên.

Tài sản lưu động của Công ty bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi các Ngân hàng, vật tư hàng hoá tồn kho, các khoản phải thu của khách hàng, đầu tư tài chính góp vốn liên doanh liên kết.

Công ty luôn tìm ra những biện pháp sử dụng vốn có hiệu quả mang lại kinh tế cao giảm được các chi phí lãng phí, nâng cao lợi nhuận kỳ sau cao hơn kỳ trước.

#### 2.1.5.4 Nguồn nhân lực

Công ty có số lượng lao động rất đơn giản trong đó bộ phận gián tiếp chiếm tỉ lệ 60% trong tổng số lao động do Công ty chuyên về lĩnh vực thương mại. Ngoài ra Công ty còn có đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ nhân viên có nghiệp vụ chuyên môn giỏi giàu kinh nghiệm, năng động sáng tạo.

Đứng trước sự cạnh tranh gay gắt về chất lượng của các sản phẩm cả trong và ngoài nước hiện nay, song song với việc thực hiện chính sách khác, Công ty tiến hành chính sách về quản lý lao động theo hướng giảm số lượng lao động dư thừa trong các bộ phận quản lý. Cơ cấu tổ chức quản lý bố trí sắp xếp lao động được xem xét điều chỉnh hàng năm, nhằm đảm bảo bộ máy hoạt động có hiệu quả cao nhất.

Nguồn nhân lực của Công ty được biểu hiện ở bảng số 2.1.5:

STT	Chức năng	Tổng số	Trình độ công nhân viên				
			Sau Đ.Học	Đại học	Trung cấp	Sơ cấp	LĐPT
1	Hội đồng quản trị	4		4			
2	Ban giám đốc	3		3			
3	Phòng TCHC	7		2	2	1	2
4	Phòng XNK	4		4			
5	Phòng kế toán	4		3	1		
6	Phòng kinh doanh	5		3	2		
6A	Bộ phận các kho	19		2	7		10
6B	Chi nhánh TP.HCM	5		1	2		2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>51</b>		<b>22</b>	<b>14</b>	<b>1</b>	<b>14</b>

**Bảng số 2.1.5**

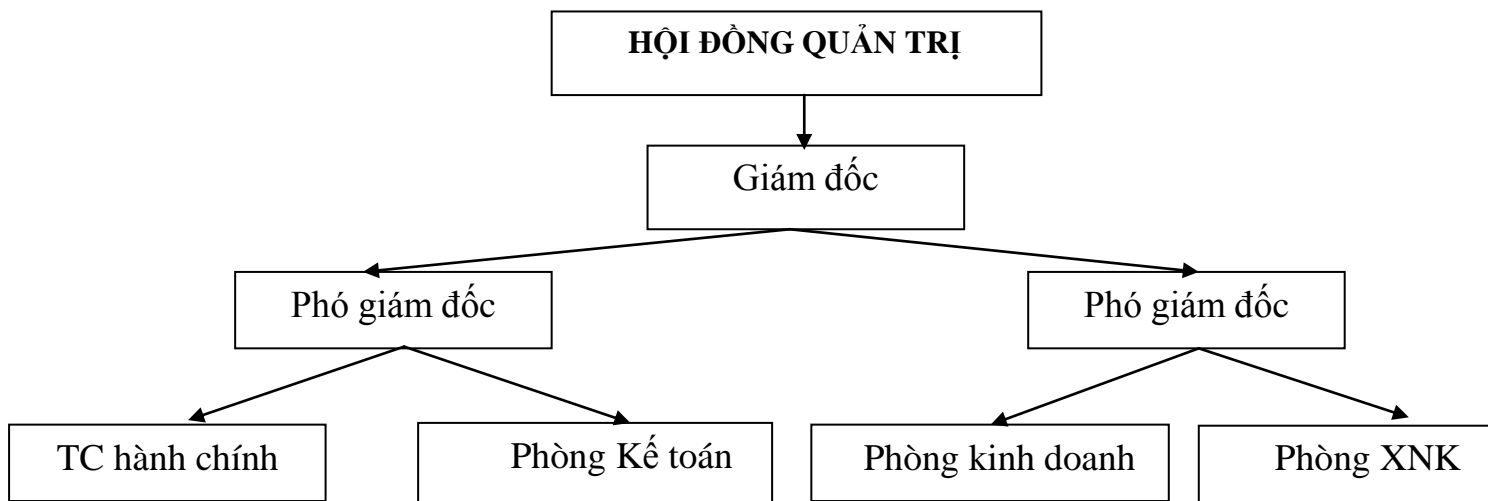
↳ Nhìn vào bảng số 2 ta thấy công ty có số lượng tương đối ít trong đó bộ phận gián tiếp chiếm tỷ lệ 45%, bộ phận lao động trực tiếp chiếm 55% do công ty chuyên về lĩnh vực thương mại. Ngoài ra công ty còn có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, nhân viên quản lý giàu kinh nghiệm, năng động.

Đứng trước sự cạnh tranh gay gắt về chất lượng của các sản phẩm cả trong và ngoài nước hiện nay, song song với việc thực hiện chính sách khác, công ty tiến hành chính sách về quản lý lao động theo hướng giảm số lượng lao động dư thừa trong các bộ phận quản lý. Cơ cấu tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất, bố trí sắp xếp

lao động được xem xét điều chỉnh hàng năm, nhằm đảm bảo bộ máy hoạt động có hiệu quả nhất.

Hàng năm, công ty luôn có chương trình đào tạo nâng bậc, thi thợ giỏi, cử công nhân giỏi đi học lớp kỹ thuật nâng cao tay nghề, Công ty luôn có chính sách khuyến khích học tập đối với toàn bộ cán bộ công nhân viên, công nhân sản xuất trẻ, năng động, sáng tạo, trình độ văn hóa 12/12 đáp ứng nhu cầu mới. Ngoài ra Công ty luôn có các hoạt động phong trào bề nổi như bóng bàn, cầu lông, bóng chuyền và các chương trình giao lưu văn hoá văn nghệ với các công ty bạn và địa phương trên địa bàn hoạt động của Công ty. Công ty thường xuyên tổ chức các chuyến thăm quan du lịch cho cán bộ công nhân tạo nên khí thế sôi nổi trong công tác và quan hệ.

### **2.1.6 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý**



**Sơ đồ 2.1.6: Sơ đồ bộ máy quản lý**

#### **2.1.6.1. Ban giám đốc**

**\*Hội đồng Quản trị:**

- Hoạch định chiến lược, đề ra những giải pháp cho công ty.
- Đầu tư vốn, cơ sở vật chất.

**\*Ban giám đốc:**

- Quản lý công ty, chịu trách nhiệm về toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất

kinh doanh của công ty trước hội đồng quản trị.

- Đề ra các phương án sản xuất kinh doanh trình HĐQT.
- Tổ chức thực hiện các phương án được đề ra.
- Kiểm tra việc thực hiện các phương án, đưa ra những biện pháp khắc phục khi cần thiết.
- Thường xuyên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho HĐQT.

**\*Phó giám đốc:**

- Chịu trách nhiệm về hoạt động của phòng hành chính, trung tâm dịch vụ tổng hợp, công tác xây dựng cơ bản(nếu có)...
- Thay mặt giám đốc trong công tác tìm kiếm khách hàng, phụ trách trực tiếp phòng thị trường.
- Thay mặt giám đốc giải quyết công việc được ủy quyền khi giám đốc đi vắng.

**2.1.6.2.Các phòng ban**

**\*Phòng tổ chức hành chính:**

- Phòng tổ chức hành chính có nhiệm vụ quản lý toàn bộ nhân lực con người trong nhà máy, thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ công nhân viên đảm bảo quyền lợi cho công nhân.
- Sắp xếp thay đổi nhân lực sao cho phù hợp với tay nghề và sức khỏe của từng người.

**Trưởng phòng hành chính:**

- + Là người trực tiếp tham mưu cho Giám đốc về tổ chức bộ máy quản lý Công ty. Đề xuất đào tạo cán bộ trước mắt và lâu dài.
- + Quản lý theo dõi và giao nhiệm vụ cho cán bộ trong phòng, kiểm tra việc xây dựng kế hoạch tiền lương an toàn lao động, nâng cấp cho cán bộ công nhân viên.
- + Xây dựng kế hoạch nhân lực đào tạo ngắn hạn và dài hạn cho công ty phục vụ cho việc xây dựng và duy trì các hệ thống chất lượng lao động.

**\*Phòng kế toán:**

- Phòng kế toán có nhiệm vụ lập ghi chép và phân loại sắp xếp các chứng từ

kế toán, các hợp đồng kinh tế.

- Lập kế hoạch vay vốn và thực hiện các phương án vay vốn Ngân hàng để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất và kinh doanh của công ty.
- Ghi chép và cập nhật sổ sách phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh kịp thời chính xác, lập báo cáo tài chính theo chế độ quản lý tài chính của Bộ tài chính ban hành và theo quy định của Công ty theo định kỳ.
- Đảm bảo lưu trữ chứng từ của Công ty theo quy định của Bộ tài chính và cơ quan thuế.
- Lập kế hoạch tài chính hàng tuần, tháng, quý, năm báo cáo ban giám đốc, hội đồng quản trị và cơ quan chức năng.
- Hướng dẫn các bộ phận lập chứng từ theo đúng quy định của Công ty và theo hệ thống kế toán hiện hành.
- Kết hợp phòng kinh doanh đối chiếu và thu hồi công nợ đúng hạn.

**\*Phòng kinh doanh:**

Phòng kinh doanh của công ty có nhiệm vụ chào bán hàng, ôn đốc thu hồi công nợ đúng hạn, lập phương án kinh doanh cụ thể từng lô hàng nhập và thảo các hợp đồng kinh tế mua bán nội địa trình ban giám đốc trước khi nhập hàng và bán hàng.

- Giao nhận hàng hoá phục vụ khách hàng kịp thời, thường xuyên mở rộng tiếp thị khách hàng trên thị trường trong nước để tạo ra các kênh phân phối hàng hoá của Công ty.

Trưởng phòng kinh doanh:

- Tham mưu cho giám đốc trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị về vai trò, nhiệm vụ được giao, trực tiếp điều hành quản lý phòng.
- Đề ra nhiệm vụ cho từng cán bộ nhân viên trong phòng.
- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh kinh doanh dài hạn, ngắn hạn và báo

cáo trực tiếp cho giám đốc.

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm, quý, tháng cho các đơn vị trong công ty.

Lập kế hoạch mua bán vật tư hàng hoá đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty thực hiện tuyên truyền quảng cáo sản phẩm và thương hiệu sản phẩm của Công ty.

- Lập kế hoạch bán hàng và kế hoạch thu hồi công nợ kịp thời.
- Báo cáo với giám đốc về tình hình chất lượng hàng hoá, giá cả của thị trường để có phương án bán hàng được tốt cạnh tranh trên thị trường.
- Tìm kiếm đối tác và nguồn khách hàng mới cho công ty.
- Tìm hiểu nhu cầu thị trường, và mở rộng thị trường
- Đề ra chiến lược thích ứng cho từng thời kỳ và dự báo tình hình giá cả lên, xuống của thị trường qua từng năm.
- Thiết lập mối quan hệ bạn hàng trong và ngoài nước. Tìm hiểu nắm bắt thị trường hàng hoá trong nước và nước ngoài.
- Thực hiện các chương trình quảng cáo khuyến khích trưng sản phẩm hàng hoá.
- Đánh giá và chấp thuận các nhà thầu trình giám đốc.
- Soạn thảo và thực hiện các văn bản liên quan tới việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Công ty có 3 kho trong đó 1 kho chính nằm ở khu vực mặt đường QL 5 thành phố Hải Phòng, một kho phụ tại Đường Hồng Bàng gần siêu thị Metro Hải Phòng, một kho chi nhánh đặt ngay tại thành phố Hồ Chí Minh. Ba kho này thuộc phòng kinh doanh quản lý và chịu trách nhiệm điều hành. Các kho là nơi tập kết hàng hoá của Công ty.

**\*Phòng xuất nhập khẩu :**

- Tìm hiểu thị trường sắt, thép trong nước và quốc tế.
- Chịu trách nhiệm khai thác nguồn hàng từ nước ngoài qua các kênh thông

tin.

- Theo dõi diễn biến thị trường, khai thác nguồn hàng, dự báo khả năng tiêu thụ, dự kiến các sản phẩm mới, Xây dựng các hợp đồng ngoại nhập theo dõi thực hiện các hợp đồng ngoại nhập với khách hàng nước ngoài.

- Soạn thảo và dịch thuật các văn bản tài liệu liên quan đến việc mua bán hàng hoá với các đối tác nước ngoài .

### **2.1.7. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty**

#### **2.1.7.1. Tổ chức công tác kế toán :**

Hạch toán giữ vai trò quan trọng trong việc điều hành và quản lý sản xuất kinh doanh, là công cụ hữu hiệu trong việc kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh tế tài chính trong đơn vị cơ sở cũng như toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Phòng kế toán của Công ty mang hoạt động mang tính chất nghiệp vụ kinh tế có tính khoa học độc lập, trực tiếp chịu sự quản lý điều hành của Chủ tịch điều hành, chịu sự giám sát kiểm tra của cơ quan tài chính và các cơ quan chức năng cấp trên của Nhà nước về mặt tài chính trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

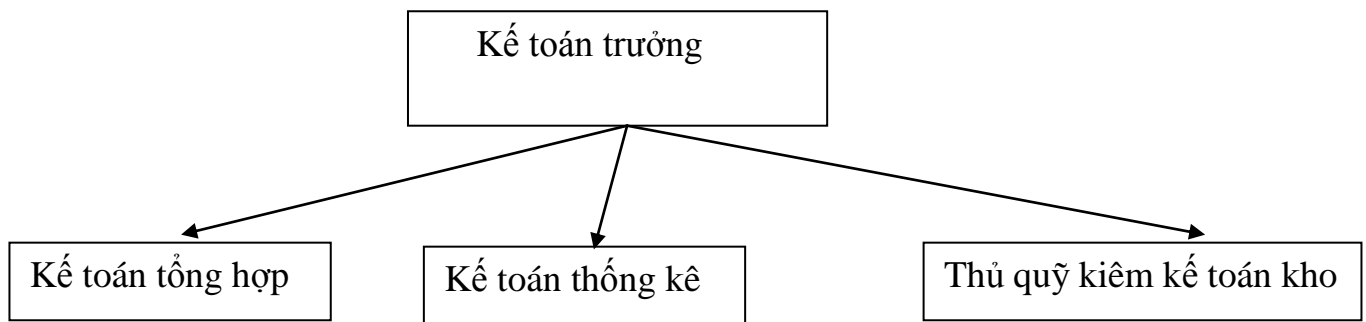
#### **2.1.7.2. Nhiệm vụ bộ máy kế toán**

- Tổ chức mọi công việc kế toán để thực hiện đầy đủ có chất lượng các nội dung trong công việc kế toán của công ty.
- Hướng dẫn đôn đốc kiểm tra thực hiện đầy đủ kịp thời chứng từ kế toán của công ty.
- Ngoài ra bộ máy kế toán còn phân công kiểm kê tài sản, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ theo đúng quy định.
- Mô hình tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung tức là chỉ có một phòng kế toán duy nhất chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kế toán của công ty.

- Phòng kế toán của công ty gồm 4 người: 01 kế toán trưởng, 01 kế toán



tổng hợp, 01 kế toán thống kê và 01 thủ quỹ kiêm kế toán kho.



### **2.1.7 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán**

#### Kế toán trưởng :

- Kế toán trưởng là người giúp giám đốc Công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác hạch toán kế toán, nắm bắt thông tin kinh tế tài chính doanh nghiệp. Quản lý phân công cụ thể chức năng nhiệm vụ cho từng cán bộ nhân viên trong phòng phù hợp năng lực và trình độ chuyên môn của từng người.
- Chịu sự kiểm tra giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán của cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan chức năng của Nhà nước.
- Kiểm soát toàn bộ các chứng từ sổ sách liên quan phát sinh đến tài chính của Công ty.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ghi chép hệ thống sổ sách chứng từ kế toán theo đúng quy định của Nhà nước.

#### Kế toán tổng hợp :

- Giúp kế toán trưởng kiểm soát cập nhật hạch toán số liệu thông qua các chứng từ ghi chép ban đầu hợp pháp vào sổ sách kế toán có liên quan kịp thời phải đảm bảo độ chính xác để báo cáo với kế toán trưởng.
- Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, phát hiện kịp thời những sai sót vi phạm về nguyên tắc, nghiệp vụ quản lý KTTC...

## Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần thép Miền Bắc

- Căn cứ vào chứng từ thanh toán đã được Chủ tịch điều hành duyệt và kế toán trưởng kiểm soát, lập phiếu thu và phiếu chi theo quy định sau đó chuyển cho thủ quỹ thực hiện.
- Lập phiếu nhập, xuất hàng hóa theo lệnh của chủ tịch điều hành. Lập biên bản công nợ cho khách hàng. Chủ động liên hệ với khách hàng thu hồi công nợ.
- Theo dõi công tác thuế, lập bảng kê khai thuế hàng tháng. Quản lý hóa đơn, viết hóa đơn bán hàng.
- Giúp kế toán trưởng hướng dẫn các phòng ban ghi chép các nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh đảm bảo chính xác đúng mẫu biểu quy định.

### Kế toán thống kê:

- Lập hợp đồng kinh tế, lập báo giá bán hàng cho khách hàng, lập giấy giới thiệu cho các CBCNV trong Công ty một cách kịp thời chính xác.
- Theo dõi tình hình nhập xuất vật liệu xây dựng, theo dõi chi tiết chi phí XD CB.
- Quản lý con dấu và đóng dấu vào các văn bản của Công ty, không được tự ý đưa dấu cho người khác đóng dấu.
- Mở sổ theo dõi công văn đi, công văn đến. Bảo mật các nội dung văn bản, công văn theo đúng nguyên tắc hành chính văn phòng.
- Hỗ trợ kế toán tổng hợp để hoàn thiện chứng từ đầu vào, đầu ra và các nghiệp vụ kế toán trong phòng kế toán.

### Thủ quỹ kiêm kế toán kho:

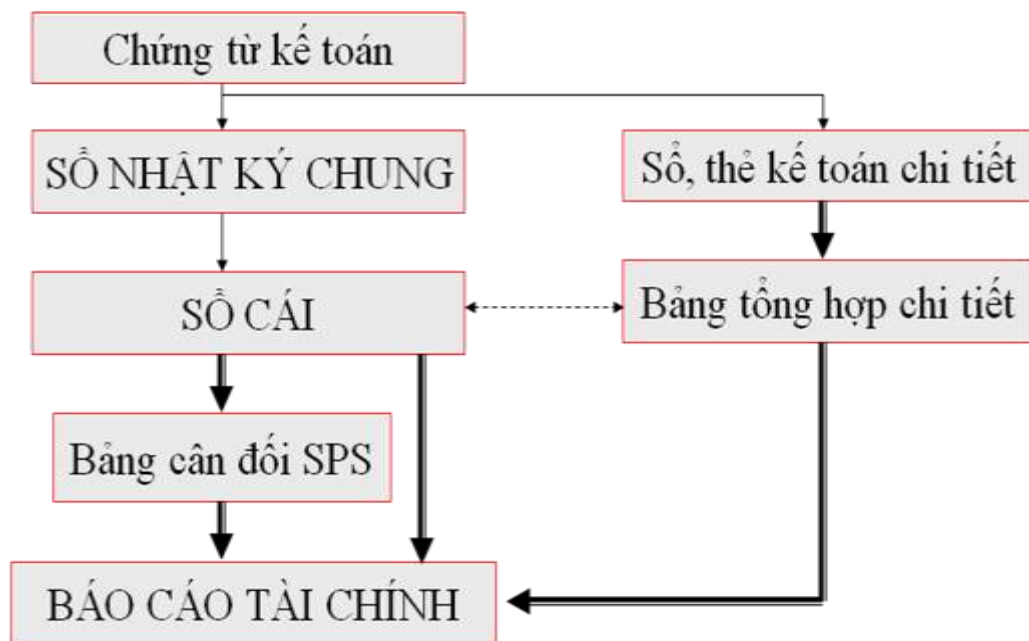
- Phải tuyệt đối đảm bảo nguyên tắc về thu, chi tiền trong két quỹ theo chế độ hiện hành.
- Kiểm tra các phiếu thu, chi khi các phiếu thu đã đầy đủ chữ ký duyệt kèm theo chứng từ gốc thủ quỹ mới được mở két cấp phát tiền.
- Thường xuyên cập nhật sổ quỹ kịp thời cuối ngày rút số dư báo cáo tồn

quỹ. Cuối tháng lập biên bản kiểm kê quỹ đối chiếu số tiền tồn quỹ thực tế và tồn quỹ trên sổ kế toán.

- Mở sổ kế toán chi tiết cho từng loại NVL theo yêu cầu quản lý, căn cứ vào phiếu nhập xuất NVL, phiếu thu, chi tiền có liên quan cập nhật ghi chép vào sổ kế toán chính xác kịp thời.

**2.1.7.3 Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty**

Trình tự hạch toán theo hình thức “nhật ký chung” tại Công ty cổ phần Thép Miền Bắc được thể hiện qua sơ đồ sau:



**Sơ đồ 2.3: Sơ đồ luân chuyển chứng từ**

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng:  $\longrightarrow$
- Quan hệ đối chiếu:  $\longleftrightarrow$

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối

số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

Công ty là đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng, sản xuất kinh doanh hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp Nhà nước, nay được cổ phần hóa. Do vậy, công tác kế toán ở Công ty được thực hiện theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Cụ thể như sau:

- ❖ Niên độ kế toán bắt đầu từ 01/01 đến 31/12.
- ❖ Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam.
- ❖ Nguyên tắc và phương pháp quy đổi các đồng tiền khác: Theo tỷ giá hối đoái của ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam.
- ❖ Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.
- ❖ Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.
- ❖ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- ❖ Tính GTGT theo phương pháp khấu trừ .
- ❖ Hàng quý kế toán lập báo cáo theo quý, hàng năm lập báo cáo tổng hợp và quyết toán thuế.

## **2.2. Hạch toán kế toán hàng hoá tồn kho tại Công ty cổ phần thép Miền Bắc**

Với đặc thù là kinh doanh thương mại trong lĩnh vực sắt thép loại hàng hóa luôn có sự biến động rất lớn trên thị trường. Do đó, yêu cầu bảo đảm quản lý, theo dõi nguồn hàng là công việc vô cùng quan trọng và cần thiết của người làm quản lý kho bãi, người làm công tác kế toán, sự kết hợp tốt giữa hai nhiệm vụ trên đã đảm bảo được chất lượng hàng hoá luôn trong tình trạng bảo quản tốt, số lượng, chủng loại đúng quy cách và nhất là tính toán, phân bổ kịp thời giá trị vật liệu xuất dùng cho các đối tượng khác nhau.

## Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần thép Miền Bắc

Tại công ty, hàng tồn kho được phản ánh theo phương pháp kê khai thường xuyên, được ghi theo số giá gốc .

### ***2.2.1. Những mặt hàng kinh doanh chủ yếu và l- ợng hàng tồn kho của Công ty***

#### ***2.2.1.1. Những mặt hàng chủ yếu***

STT	Tên hàng	Quy cách	STT	Tên hàng	Quy cách
1	Thép tấm	40;1500;6000	7	Thép I	I100x55x4.5x7
2	Thép ống	16;15-3;6	8	Thép H	H100x100x6x8
3	Thép góc	50x50x5	9	Thép U	U80x40x4.5
...	...	...	...	...	...

#### ***2.2.1.2. L- ợng và giá trị HTK theo định mức và theo thực tế của tháng 11/2009***

Loại thép	Theo định mức		Theo thực tế	
	Số lượng (Kg)	Giá trị (Đồng)	Số lượng (Kg)	Giá trị (Đồng)
Thép tấm	500.000	3.500.000.000	300.000	3.000.000.000
Thép ống	200.000	2.000.000.000	100.000	1.200.000.000

Nhìn chung số lượng hàng thực tế mà Công ty tiêu thụ được gần được bằng định mức, điều này chứng tỏ Công ty đang hoạt động tương đối tốt.

Hàng hóa mua về được làm thủ tục kiểm nhận nhập kho (số ít trường hợp bán thẳng cho khách), hàng hoá được nhập kho sẽ được thủ kho và bộ phận mua hàng kiểm nhận hàng hóa nhập kho theo đúng thủ tục quy định về kiểm nhận hàng hóa, bộ phận mua hàng sẽ lập phiếu nhập kho và thủ kho sẽ ghi số lượng thực nhập vào phiếu, sau khi nhập kho thủ kho và người nhập sẽ kí vào phiếu. Phiếu nhập kho lập thành hai liên, thủ kho giữ liên 2 để ghi thẻ kho và sau đó chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ kế toán, còn liên 1 lưu ở nơi lập phiếu. Trường hợp hàng nhập thừa hoặc thiếu so với hóa đơn thì thủ kho sẽ lập biên bản kiểm nhận hàng thừa hoặc thiếu làm cơ sở để truy tìm nguyên nhân và đưa ra các biện pháp xử lý thích hợp.

Trường hợp xuất kho để bán, hàng hóa cũng được kiểm duyệt và làm các thủ tục cần thiết, trên cơ sở yêu cầu về số lượng xuất của khách hàng hoặc phân xưởng sản xuất.

Căn cứ vào đơn đặt hàng của khách hàng từ Công ty gửi xuống kho, căn cứ vào tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu khách hàng (về mặt kích cỡ, trọng lượng, số lượng...), thủ kho sẽ tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện việc xuất, nhập kho theo yêu cầu.

### **2.2.2 Kế toán chi tiết hàng tồn kho**

#### **2.2.2.1 Xác định trị giá tồn kho**

##### **☼ Về mặt số lượng**

Là số lượng hàng hoá còn lại trong kho hàng của công ty, được thể hiện trên sổ sách của công ty: Thẻ kho, sổ chi tiết các mặt hàng...

##### **☼ Về mặt giá trị**

Công thức :

Trị giá HTK cuối kỳ	=	Trị giá HTK đầu kỳ	+	Trị giá hàng nhập trong kỳ	-	Trị giá hàng xuất bán trong kỳ
---------------------	---	--------------------	---	----------------------------	---	--------------------------------

#### **2.2.2.2 Trị giá hàng tồn kho đầu kỳ**

Trị giá hàng tồn kho của mặt hàng thép ống chuyển sang kỳ trước: 800.000.000đ.

#### **2.2.2.3 Trị giá hàng mua vào trong kỳ**

##### **☼ Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu nhập kho
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản giao nhận kiêm giấy cam kết thanh toán
- Hoá đơn thương mại (Commercial Invoice)
- Vận đơn đường biển (Bill of lading)
- Giấy chứng nhận trọng lượng (Certificate of Weight)

Phiếu đóng gói (Parking list).

....

❖ *Mua hàng trong n-ớc*

++ Phương thức mua hàng:

\* Mua hàng trực tiếp: theo phương thức này doanh nghiệp cử nhân viên của mình trực tiếp đến mua hàng ở bên bán và trực tiếp nhận hàng chuyển về doanh nghiệp bằng phương tiện tự có hoặc thuê ngoài.

\* Mua hàng theo phương thức chuyển hàng: doanh nghiệp sẽ ký hợp đồng với bên bán, bên bán căn cứ vào hợp đồng sẽ chuyển hàng đến giao cho doanh nghiệp theo địa chỉ đã giao dịch trước trong hợp đồng bằng phương tiện tự có hoặc thuê ngoài. Chi phí vận chuyển bên nào phải trả tùy thuộc vào điều kiện quyết định trong hợp đồng. Khi chuyển hàng đi thì hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán, hàng mua chỉ thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp khi doanh nghiệp nhận được hàng và chấp nhận thanh toán. Chứng từ gồm có: hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng, hóa đơn kiêm phiếu xuất kho do bên bán lập gửi đến cho doanh nghiệp.

++ Quy trình lập phiếu nhập kho:

\* Tại đơn vị lập tờ trình xin mua hàng hóa. Phòng quản lý trình lên giám đốc ký xét duyệt thì phòng kinh doanh xin phiếu từ bên bán và trình lên giám đốc duyệt giá. Sau khi giám đốc duyệt mức giá phù hợp, các phòng có liên quan về việc ký hợp đồng mua bán. Khi hàng về đến Công ty phải được kiểm tra chủng loại, số lượng, chất lượng và cho tiến hàng nhập kho. Sau khi kiểm tra về tính hợp lý, hợp pháp của hóa đơn GTGT của hàng mua về, tiến hàng viết phiếu nhập kho hàng hóa. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

+ Liên 1: Lưu lại quyền

+ Liên 2: Cán bộ cung ứng nhập giữ hàng

+ Liên 3: Giao cho thủ kho để ghi bảng kê giao nhận

↳ Khi nhận được hóa đơn GTGT kế toán ghi biên bản giao nhận hàng kèm giấy cam kết thanh toán, phiếu nhập kho, từ phiếu nhập kho vào thẻ kho, bảng kê nhập

**Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần thép Miền Bắc**

và các chứng từ có liên quan.

**Ví dụ 1:**

Ngày 16/01/09 mua của công ty TNHH ống thép Hòa Phát thép ống đen phế về nhập kho với số lượng 17.240,00 và đơn giá 7,181. Thuế GTGT 10%. Đã trả bằng tiền mặt. Kế toán dựa vào HĐ GTGT viết phiếu nhập kho.

Đơn vị:.....

**PHIẾU NHẬP KHO**

**Số :1**

Bộ phận:.....

Ngày 16 tháng 01 năm 2009

Mã đơn vị:.....

Số:PN 01

Nhập của Ông(Bà): Cty TNHH ống thép Hòa Phát

Địa chỉ: Công ty Cổ phần thép Miền Bắc

Nội dung: Nhập ống đen phế - Cty Hòa Phát

STT	VẬT TƯ- HÀNG HÓA				ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
	Mã hiệu	Tên-Nhãn hiệu	ĐVT	Số lượng		
1	TO17	Thép ống đen phế	Kg	17.240,00	7,181	123.814.577
<b>TỔNG CỘNG</b>						123.814.577

Tổng số tiền( Viết bằng chữ):*Một trăm ba mươi sáu triệu một trăm chín mươi sáu ngàn ba mươi lăm đồng*

Người lập

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

**CÔNG TY TNHH ỐNG THÉP HÒA PHÁT**

Địa chỉ: Thị trấn Như Quỳnh –Huyện Văn Lâm- Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: (84-4) 9.762403 / 6. 781725

Số tài khoản: 12210000086497 tại Ngân hàng Đầu tư &Phát triển VN-CN Hà Thành

**BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG KIỂM GIẤY CAM KẾT THANH TOÁN**

Ngày 16 tháng 01 năm 2009

Căn cứ vào:.....



Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần thép Miền Bắc

Hôm nay tại: Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát

Chúng tôi gồm có:

**Bên A:** Ông(bà): Hoàng Văn Nam..... Chức vụ.....

Đại diện: Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát – Bên bán hàng

**Bên B:** Ông(bà): Lê Hữu Sáng..... Chức vụ.....

Đại diện: Công ty cổ phần thép Miền Bắc – Bên mua hàng

Địa chỉ: Km 89- Đường 5 mới –Hồng Bàng- Hải Phòng

Cùng nhau tiến hành giao nhận lượng hàng hóa sau:

STT	Tên hàng hóa	Số lượng	Trọng lượng(kg)	Đơn giá VNĐ	Thành tiền VNĐ
1	Thép ống đen phế		17.240,00	7,181	136.196.035
	<b>Cộng</b>		17.240,00		136.196.035

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm ba mươi sáu triệu một trăm chín mươi sáu nghìn không trăm ba mươi lăm đồng.

Đã thanh toán:.....Nợ lại:.....

Có trách nhiệm thanh toán dứt điểm cho Cty Ống thép Hòa Phát trước ngày 19 tháng 01 năm 2009.

**BÊN GIAO**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ KHO**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**BÊN NHẬN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

❖ *Mua hàng từ n- ớc ngoài*

\* Chứng từ hạch toán:

- Hoá đơn thương mại (Commercial Invoice)
- Vận đơn đường biển (Bill of lading)
- Giấy chứng nhận trọng lượng (Certificate of Weight)
- Phiếu đóng gói (Packing list).

Ví dụ2:

Ngày 17/01/2009, Công ty có nhập khẩu lô hàng thép ống có giá trị ghi trên hoá đơn thương mại là 100.000USD. Thuế suất thuế nhập khẩu 20%, thuế suất thuế GTGT của hàng nhập khẩu là 10%. Tỷ giá giao dịch là 15.000đ/USD.

### **Packing list**

From: tianjin port, china

To: haiphong main port, vietnam

Description of goods

prime welded steel round pipe astm a53 gr.b or      used for oil and gas  
transpostation

price terms: cfr haiphong main port, vietnam by bulk (incoterms 2000)

standard: astm a53 gr, b or api 5lgr.b

origin: china

quality: (1) steel pipes are strictly followed astm a53 gr.b or api5gr.b used for oil and gas

2) new pipes, wall thickness should be identical with beveled ends.

(3) pipes are varnished on the surface.

(4) the surface of pipes and both ends should be smooth.

(5) welding lines should be removed and smoothed absolutely.

(6) the actual average thickness of pipes should be allowed from more 0.1mm to less 0.6mm.

in comparison with specification states in the description of goods and the printed.

specification on the body pipes.

invoicing: based on actual net weight by scale:

packing and marking: (1) packing of goods should not be nested strictly

(2) printing standard (astm a53 gr. B or api 5l gr. b) and specification (od x thickness x length)

on the body pipes as follows.

Total actual net weight for the whole lot by scale.

\* gross weight = Net weight

### **Phiếu đóng gói**

Mô tả về sản phẩm:

Dùng để vận chuyển dầu và ga.

Điều khoản về giá: CFR cảng Hải Phòng (Incoterms 2000)

Tiêu chuẩn: ASTM A53 GR.B OR API 5L GR.B

Xuất xứ: Trung Quốc

Chất lượng:

- (1) Thép ống đã được duyệt theo tiêu chuẩn nghiêm ngặt sử dụng cho dầu và ga.
- (2) ống mới, thành dày nên in được các thông số.
- (3) ống đã được làm sạch bề mặt.
- (4) Bề mặt ống và cả bên trong ống đều được làm nhẵn.
- (5) Đường hàn được cố định và nhẵn tuyệt đối.
- (6) Thực tế, độ dày trung bình của ống được cho phép từ 0,1mm đến 0,6mm; so sánh với điều kiện kỹ thuật trong việc miêu tả hàng hoá và in các thông số kỹ thuật trên thân ống.

Tính giá hoá đơn: Dựa trên trọng lượng tịnh thực tế được cân.

Đóng gói và ghi ký hiệu:

- (1) Đóng gói hàng hoá không được rời rạc.
- (2) In tiêu chuẩn và chỉ số kỹ thuật trên thân ống theo quy định.

STT	Kích cỡ(OdxWTxL)	Số lượng	Đơn giá
1.	34x8x6	50.000	30.000

Policy: Customer first, service supreme

**commercial invoice**

From: tianjin port, china

To: haiphong main port, vietnam

Marks:n/m

Description of goods

prime welded steel round pipe astm a53 gr .b 0                      used for oil and gas  
transportation

price terms: cfr haiphong main port, viet nam by bulk (incoterms 2000)

standard: astm a53 gr.b or api 5l gr.b

origin: china

quality: (1): steel pipes are strictly followed astm a53 gr.b or api 5l gr.b used for  
oil and gas

(2) new pipes, wall thickness should be identical with beveled ends

(3) pipes are varnished on the surface.

(4) the surface of pipes and both ends should be smooth.

(5) welding lines should be removed and smoothed absolutely.

(6) the actual average thickness of pipes should be allowed from more  
0.1mm to less 0.6mm

in comparison with specification stated in the description of goods and the printed  
specification on the body pipes

weighing: based on actual net weight by scale

packing and marking: (1) packing of goods should not be netted strictly

(2) printing standard (astm a53 gr. b or api 5l gr.b) and specification (od x  
thickness x length) on the body pipes as follows:

\* BASED ON ACTUAL NET WEIGHT BY SCALE FOR EACH SIZE AND THE WHOLE LOT TO BE SHIPP

Đơn vị:.....

**PHIẾU NHẬP KHO**

Mẫu số C21 - HD

Bộ phận: .....

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC

Mã đơn vị: .....

Ngày 17 tháng 1 năm 2009

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Số: PN 5

Họ tên người nhận hàng: Đỗ Văn Anh.

Địa chỉ: Công ty cổ phần thép Miền Bắc

Lý do nhập kho: Nhập khẩu hàng .

Nhập tại kho: K3

Số TT	Tên nhãn hiệu	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
1	Thép ống	ONG	Kg	50.000	50.000	30.000	1.500.000.000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Một tỷ năm trăm triệu đồng.

Số chứng từ kèm theo:

Ngày 17 tháng 01 năm 2009

Người lập

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

<p><b>Hoá đơn</b></p> <p><b>Giá trị gia tăng</b></p> <p>Liên 2 : Giao khách hàng</p> <p>Ngày 17 tháng 01 năm 2009</p>		<p>Mẫu số 01</p> <p>GTKT-3LL</p> <p>KL/2009B</p>			
<p>Đơn vị bán hàng</p> <p>Địa chỉ : Trung Quốc</p> <p>Số tài khoản :12210000086497.....</p> <p>Điện thoại:(84-4) 9.762475 /6.781742.....</p>					
<p>Họ tên người mua hàng : Đỗ Văn Anh</p> <p>Tên đơn vị : : Công ty cổ phần Thép Miền Bắc</p> <p>Địa chỉ: Đặt tại Km89 - Đường 5 mới - Quận Hồng Bàng - Hải Phòng</p> <p>Số tài khoản :.....</p> <p>Hình thức thanh toán : TM ... MS: 0800245369</p>					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thép ống	Kg	50.000	30.000	1.500.000.000
Thành tiền					1.500.000.000
Thuế suất GTGT: 10 %		Tiền thuế GTTG :			150.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán :					1.650.000.000
Số tiền viết bằng chữ : <i>Một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng.</i>					

Người mua hàng

( Ký, ghi rõ họ tên )

Người bán hàng

( Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng

( Ký, ghi rõ họ tên)

✿ *Chi phí mua hàng*

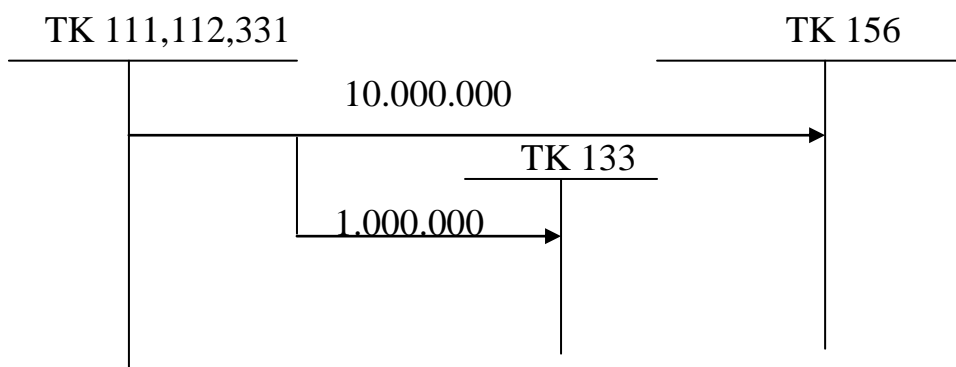
☆ Chi phí thu mua hàng hóa của Công ty bao gồm:

- ◆ Chi phí vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa, bảo quản hàng hóa từ nơi mua đến kho doanh nghiệp.
- ◆ Chi phí bảo hiểm hàng hóa
- ◆ Các khoản hao hụt tự nhiên trong định mức ở quá trình thu mua
- ◆ Các chi phí khác phát sinh trong quá trình thu mua hàng hóa, công tác chi phí nhân viên thu mua, phí ủy thác nhập khẩu,...

**Ví dụ 3:**

Chi phí vận chuyển hàng từ Cảng về đến kho hàng của Công ty là 11.000.000đ trong đó thuế suất thuế GTGT 10%.

**Sơ đồ 2.2.2.3: Chi phí thu mua hàng hoá**





2.2.2.4 Tri giá hàng xuất bán trong kỳ

✿ *Chứng từ kế toán sử dụng*

- + Hóa đơn giá trị giá tăng
- + Phiếu xuất kho
- + Biên bản giao nhận vật tư, hàng hóa
- + Thẻ kho
- + ....

✿ *Hàng xuất bán, gửi bán*

Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và hàng hoá xuất bán thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ.

Khi nhận được đơn đặt hàng của khách hàng kế toán tiến hành lập phiếu báo giá để gửi cho khách hàng. Khi cả hai bên đồng ý với mức giá theo thỏa thuận thì mới tiến hành xuất hàng đi bán.

Khi hàng xuất kho đi bán Thủ kho đã tiến hành lập phiếu xuất kho để xuất kho lô hàng này, sau đó thủ kho lập biên bản giao nhận vật tư, hàng hóa, đồng thời cũng là theo dõi loại hàng này mỗi khi có nghiệp vụ xuất nhập liên quan. Theo trình tự, phiếu xuất kho được lập thành 2 liên: 1 liên lưu tại kho và 1 liên chuyển cho kế toán tổng hợp tiến hành ghi sổ. Thủ kho thực hiện việc giao nhận và vào thẻ kho.

Trên cơ sở phiếu xuất kho do thủ kho chuyển lên, kế toán tiến hành ghi sổ kế toán theo dõi hàng hoá thông qua sổ chi tiết 156, sổ cái 156.

Hàng tháng, thủ kho theo dõi và báo cáo số lượng hàng hóa tồn kho lên Công ty nhằm đáp ứng kịp thời thông tin cho lãnh đạo Công ty, đảm bảo hàng hoá luôn trong tình trạng được bảo quản tốt về chất lượng, số lượng cũng như giá cả...

**Ví dụ4:**

Ngày 05/01/2009 PT8 bán thép ống Ø114 cho công ty CP kim khí vật liệu xây dựng, HĐ số 0036176 tổng số tiền là 14.279.996 thuế suất GTGT 10%. Khi nghiệp vụ kết thúc kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT bán hàng dưới đây lập phiếu xuất kho và biên bản giao nhận vật tư hàng hóa.

Đơn vị:.....

## PHIẾU XUẤT KHO

Số :1

Bộ phận:.....

Ngày 05 tháng 01 năm 2009

Mã đơn vị:.....

Số:PN 01

Họ tên người nhận hàng: Cty CP kim khí vật liệu xây dựng

Địa chỉ: E1B tổ 91, phường Ô chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

Nội dung: Bán thép ống Ø114

STT	VẬT TƯ- HÀNG HÓA				ĐƠN	THÀNH
	Mã hiệu	Tên-Nhãn hiệu	ĐVT	Số lượng	GIÁ	TIỀN
1	TO114	Thép ống Ø114	Kg	1.020,00	12.727,27	<b>12.981.815</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>12.981.815</b>

Tổng số tiền( Viết bằng chữ):*Mười hai triệu chín trăm tám mươi một ngàn tám trăm mười lăm đồng/.*

Người lập

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC

**Địa chỉ** : Km 89- Đường 5 mới- thành phố Hải Phòng  
**Điện thoại** : (031) 3589038- 3536517 **Fax:** (031)3536517  
**Tài khoản** : 0031 2222 47 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Hải Phòng  
**Email** : [thepmienbac@vnn.vn](mailto:thepmienbac@vnn.vn)- Website: [www.thepmienbac.com.vn](http://www.thepmienbac.com.vn)

## PHIẾU BÁO GIÁ

**Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

**Địa chỉ:** E1B tổ 91, phường Ô chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

**Điện thoại:** (04)589723 – Fax: (04)458271

Công ty cổ phần Thép Miền Bắc xin gửi tới Quý Công ty bản báo giá thép sau:

STT	Tên quy cách hàng hóa	ĐVT	Số Lượng	Trọng Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép ống Ø114*6*11,8M	Kg	20 cây	1020,00	12.727,27	14.279.181
	<b>TỔNG CỘNG</b>		20 cây	1020,00		<b>14.279.181</b>

**\*Ghi chú:**

- Giá trên bao gồm cả thuế VAT 10%, và chi phí vận chuyển đến công trình. Chất lượng hàng mới 100%.
- Phương thức giao hàng: Giao hàng theo trọng lượng lý thuyết.
- Thời gian giao hàng: Giao hàng trong vòng 02 kể từ ngày xác nhận đặt hàng.
- Thời hạn thanh toán: Thanh toán 100% giá trị hợp đồng bằng chuyển khoản, trong thời gian 07 ngày kể từ ngày giao nhận hàng.
- Báo giá có giá trị đến hết ngày 03/01/2009.
- Xin trân trọng cảm ơn và hợp tác ! Mọi thông tin xin liên hệ **Mr Hung**  
**0904064177**

Hải Phòng, ngày 01 tháng 01 năm 2009

CÔNG TY CP KIM KHÍ VẬT LIỆU XD

(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CP THÉP MIỀN BẮC

(Ký, ghi rõ họ tên)

**BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ, HÀNG HÓA**

Hôm nay ngày 05 tháng 01 năm 2009

Số.....

**Chúng tôi gồm:**

**BÊN A (BÊN GIAO HÀNG) CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC**

**Địa chỉ:** Km 89 Đường 5 mới- Quận Hồng Bàng- Thành phố Hải Phòng

**Điện thoại:** (031)3589038/2240277 Fax: (031)3536517

**Người đại diện:** Vũ Duy Đan

**Chức vụ:** Thủ Kho

**BÊN B (BÊN NHẬN HÀNG) CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

**Địa chỉ:** E1B tổ 91, phường Ô chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

**Người đại diện:** Nguyễn Trung Thành

**Chức vụ:** Cán bộ vật tư

**Hai bên cùng tiến hành lập biên bản giao nhận vật tư hàng hóa như sau:**

STT	Tên hàng và quy cách	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Thép Ống Ø114	Kg	1020	12.727,27	14.279.996
	<b>Tổng Cộng</b>		1020	12.727,27	14.279.996

Số tiền (ghi bằng chữ): *Mười bốn triệu hai trăm bảy mươi chín ngàn chín trăm chín mươi sáu đồng/.*

Bên B đã thanh toán cho bên A số tiền là: Chuyển khoản

Bên B còn nợ lại bên A số tiền là: Nợ 100% chưa thanh toán

Thời hạn thanh toán chậm nhất là vào ngày 06 tháng 01 năm 2009. Nếu quá thời hạn bên B phải chịu lãi suất ngân hàng tại thời điểm quy định nhưng không quá 10 ngày. Quá 10 ngày hai bên phải nhờ đến Pháp luật Nhà nước giải quyết.

Biên bản lập xong vào hồi.....giờ.....ngày 05 tháng 01 năm 2009

**Đ.D BÊN NHẬN HÀNG**

*(Ký ghi rõ họ tên)*

**Đ.D BÊN GIAO HÀNG**

*(Ký ghi rõ họ tên)*

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

(Trích tháng 01 năm 2009)

ĐVT: Đồng

Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ	Nội dung chứng từ	TK đối ứng		Đã ghi số cái	Số tiền Nợ	Số tiền Có
			Nợ	Có			
		Số TT chuyển sang				90.156.317.121	90.156.317.121
....	.....	.....	...	....	....	....	...
05/01/2009	PX01	Bán thép ống F114	632	156	x	10.236.368	10.236.368
05/01/2009	HD01	Bán thép ống F114	131	5111 3331		14.279.996	12.981.815 1.298.181
...	.....	....		....	...		.....
16/01/2009	PN01	Nhập ống đen phế	156 1331	331		123.814.577 12.381.458	136.196.035
17/01/2009	PN05	Nhập kho thép ống	156 1331	112		1.363.636.364 136.363.636	1.500.000.000
25/01/2009	PX05	Xuất kho thép ống	632	156		1.800.000.000	1.800.000.000
25/01/2009	PX05	Xuất kho thép ống	131	5111 3331		2.500.000.000	2.272.727.273 227.272.727
....	....	....	...	...	...	....	....
		Cộng phát sinh				5.106.496.949	5.106.496.949
		Lũy kế số phát sinh				492.262.814.070	492.262.814.070

## THẺ KHO

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Thép ống

Mã số vật tư: ONG

Tên kho: K3

Đvt: kg

STT	NTCT	Chứng từ		Diễn giải	Số Lượng			Ký XN
		Nhập	Xuất		Nhập	Xuất	Tồn	
				SĐĐK			<u>100.000</u>	
1	05/01		PX01	Xuất kho hàng hoá		1.020	98.980	
2	16/01	PN01		Nhập kho	17.240		116.220	
3	17/01	PN05		Nhập kho hàng hoá	50.000		166.220	
4	25/01		PX05	Xuất bán		40.000	126.220	
				Cộng PS tháng	67.240	41.020		
				SĐCK			<u>126.220</u>	

Đơn vị: Công ty CP thép Miền Bắc

Địa chỉ: Km 89- Đường 5 mới- Hồng Bàng- HP

## SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 01 năm 2009

Tài khoản: 156 Tên kho: K3

Tên quy cách: thép ống

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Số dư đầu kỳ							<u>100.000</u>	800.000.000
1	05/01	Xuất bán thép ống Ø114	632	12.727,27			1.020	12.981.815	98.980	787.018.185
2	16/01	Nhập kho ống thép đen phế	112	7.181,82	17.240	123.814.577			116.220	910.832.762
3	17/01	Nhập kho thép ống	112	30.000	50.000	1.500.000.000			166.220	2.410.832.762
4	25/01	Xuất bán thép ống	632	45.000			126.220	1.800.000.000	126.220	610.832.762
		Cộng tháng							126.220	610.832.762

Người ghi sổ  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, ghi rõ họ tên)

## SỔ CÁI

TK 156-hàng hoá

(Trích tháng 01 năm 2009)

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn Giải	TKĐƯ	Số PS	
Ngày CT	Số CT			Nợ	Có
		SĐĐK		<u>800.000.000</u>	
		Số PS			
<b>05/01</b>	<b>PX01</b>	<b>Xuất bán thép ống</b>	<b>632</b>		<b>12.981.815</b>
<b>16/01</b>	<b>PN01</b>	<b>Nhập ống thép đen phế</b>	<b>112</b>	<b>123.814.577</b>	
<b>17/01</b>	<b>PN05</b>	<b>Nhập kho thép ống</b>	<b>112</b>	<b>1.500.000.000</b>	
<b>25/01</b>	<b>PX05</b>	<b>Xuất bán thép ống</b>	<b>632</b>		<b>1.800.000.000</b>
...	...	....	...	...	....
		Cộng PS		1.623.814.577	1.812.981.815
		<u>SDCK</u>		<u>610.832.762</u>	



### **2.2.3 Kế toán tổng hợp hàng tồn kho**

#### **2.2.3.1 Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 156: “Hàng hóa” tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động của các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại kho hàng, quầy hàng.

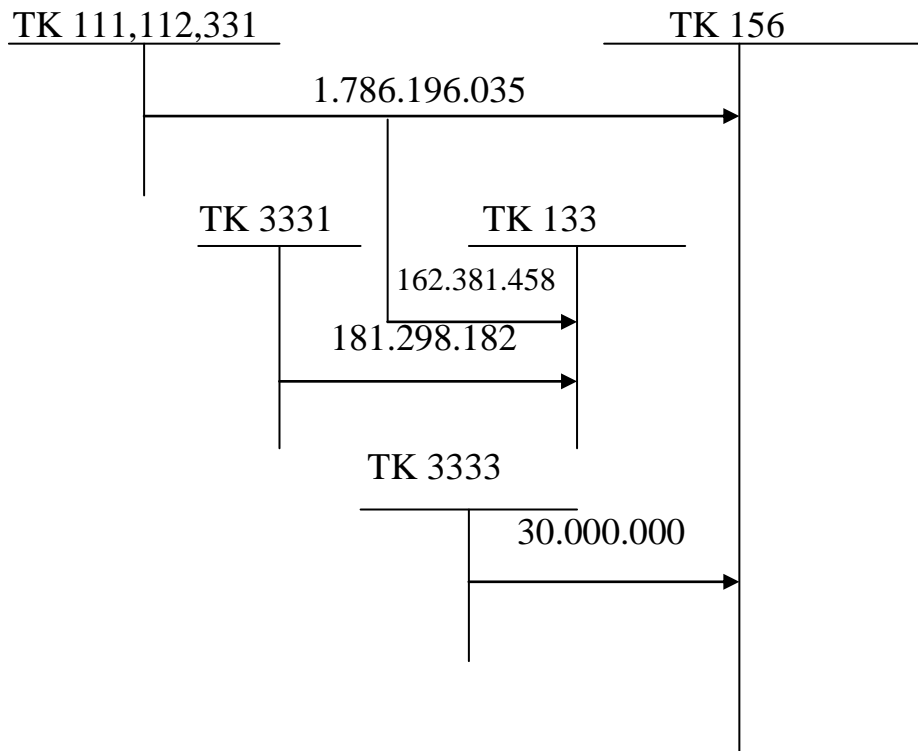
+ Tài khoản 1561: “Giá mua hàng hóa” phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động của hàng hóa mua vào và đã nhập kho.

+ Tài khoản 1562: “chi phí thu mua hàng hóa” Phản ánh chi phí thu mua hàng hóa thực tế phát sinh liên quan tới số hàng hóa đã nhập kho trong kỳ và tình hình phân bổ chi phí thu mua hàng hóa hiện có trong kỳ cho khối lượng hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ và tồn kho thực tế cuối kỳ, bao gồm chi phí bảo hiểm, tiền thuê kho bến bãi, chi phí vận chuyển bốc xếp bảo quản đưa hàng hóa từ nơi mua về đến kho, các khoản hao hụt tự nhiên (trong định mức) phát sinh trong quá trình thu mua hàng hóa.

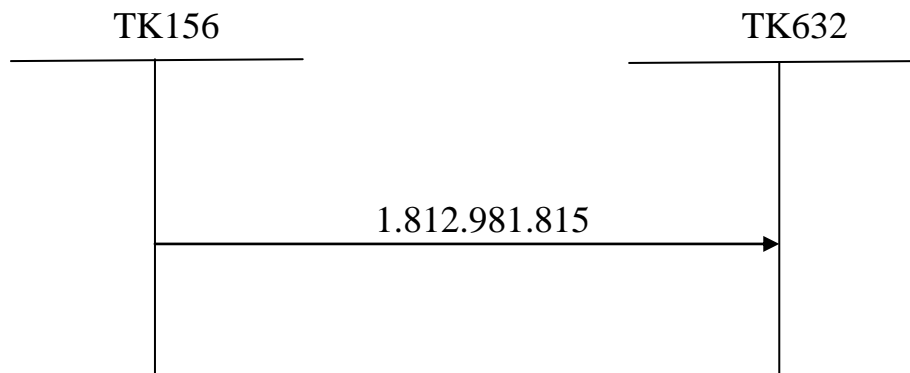
#### **2.2.3.2 Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu nhập kho
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản giao nhận kiêm giấy cam kết thanh toán
- Hoá đơn thương mại (Commercial Invoice)
- Vận đơn đường biển (Bill of lading)
- Giấy chứng nhận trọng lượng (Certificate of Weight)
- Phiếu đóng gói (Parking list).
- Phiếu xuất kho
- Biên bản giao nhận vật tư, hàng hóa
- Thẻ kho

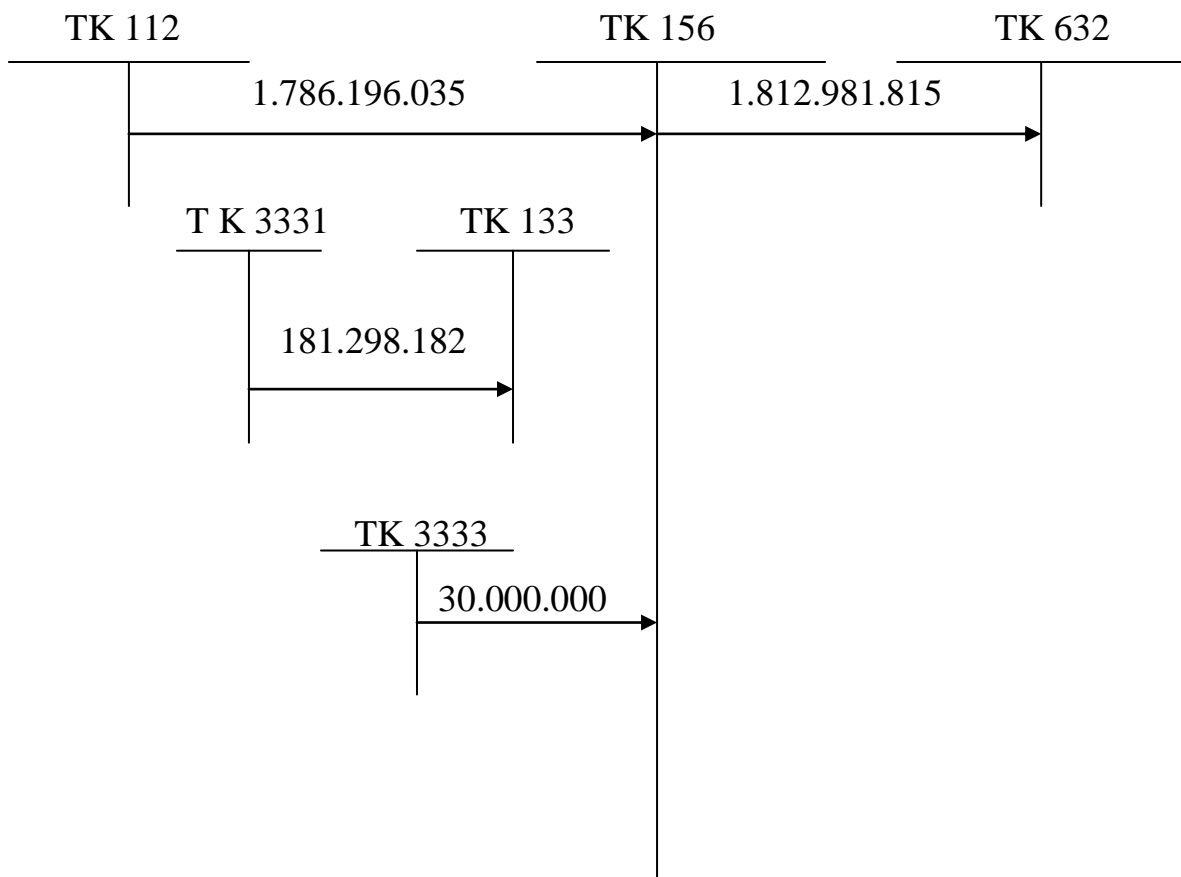
2.2.3.3 Mô hình hạch toán tổng hợp



Sơ đồ 2.2.3.1: Mô hình hạch toán tổng hợp quá trình mua hàng



Sơ đồ 2.2.3.2: Mô hình hạch toán tổng hợp quá trình xuất kho hàng hóa



**Sơ đồ 2.2.3 : Tổng hợp hàng nhập, xuất trong kỳ tại Công ty**

**2.2.4 Kiểm kê và đánh giá lại hàng hóa**

**2.2.4.1 Kiểm kê thừa, thiếu hàng hóa**

Trường hợp kiểm nhận hàng hoá mua về nhập kho, nếu số kiểm nhận lớn hơn hoặc nhỏ hơn số ghi hoá đơn, Hội đồng hoặc ban kiểm nhận phải lập biên bản kiểm nghiệm (MS 05 - VT) và xác định nguyên nhân cụ thể để ghi sổ kế toán.

☛ Trường hợp kiểm nhận phát hiện thừa :

**Ví dụ 5:**

Hàng hóa mua về nhập kho, khi làm thủ tục kiểm nghiệm nhập kho thép hộp 30\*60\*2.3\*6M phát hiện thấy thừa 5 cây, trọng lượng 18,3 kg, đơn giá 14.850 (thuế VAT 10%)

↳ Thủ tục:

\*Bộ phận kiểm nhận hàng đã lập biên bản kiểm kê thành 3 bản: 1 bản giao cho phòng ban cung- tiêu; 1 bản giao cho phòng kế toán và 1 bản giao cho đơn vị

bán hàng. Kèm theo chứng từ liên quan để giải quyết.

+Khi bên bán đã nhận được biên bản cho biết hàng đã giao thừa và đồng ý bán luôn số hàng đã giao thừa. Căn cứ vào hóa đơn do bên bán lập bổ sung cho số hàng thừa, ghi:

Nợ TK 156: 1.235.250

Nợ TK 133: 123.525

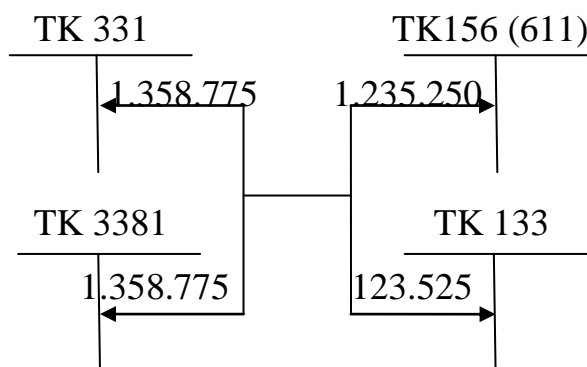
Có TK 3381: 1.358.775

+Trường hợp bên bán không đồng ý bán mà sẽ nhận lại số hàng giao thừa, doanh nghiệp xuất kho trả lại bên bán căn cứ phiếu xuất kho, ghi:

Nợ TK 3381: 1.358.775

Có TK 1561: 1.358.775

+Nếu thừa với số lượng lớn do bên giao nhầm kế toán ghi vào TK 002: “Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, gia công” và phải có trách nhiệm báo cho bên bán biết để xử lý. Trong thời gian giữ hộ, doanh nghiệp cần có trách nhiệm bảo quản số hàng hoá đó.



❁ Trường hợp kiểm nhận phát hiện thiếu :

**Ví dụ 6:**

Hàng hóa mua về nhập kho, khi làm thủ tục kiểm nghiệm nhập kho 168 cây thép góc L50\*50\*5\*6M phát hiện thấy thiếu 3 cây, trọng lượng 67,9 kg, đơn giá 11.550 ( thuế VAT 10%)

↳ Thủ tục:

+ Kế toán chi ghi tăng hàng hóa nhập kho theo giá trị giá của số hàng thực nhận, số hàng thuế, căn cứ vào biên bản kiểm nhận để thông báo cho bên liên quan biết và xác định nguyên nhân.

+Trường hợp thiếu hàng hoá chưa rõ nguyên nhân:

Nợ TK 156: 129.400.425

Nợ TK 138: 2.352.735

Có TK 111, 112, 331: 131.753.160

+Phản ánh số hàng thiếu chưa rõ nguyên nhân:

Nợ TK 1381: 2.138.850

Nợ TK 133: 213.885

Có TK 156: 2.352.735

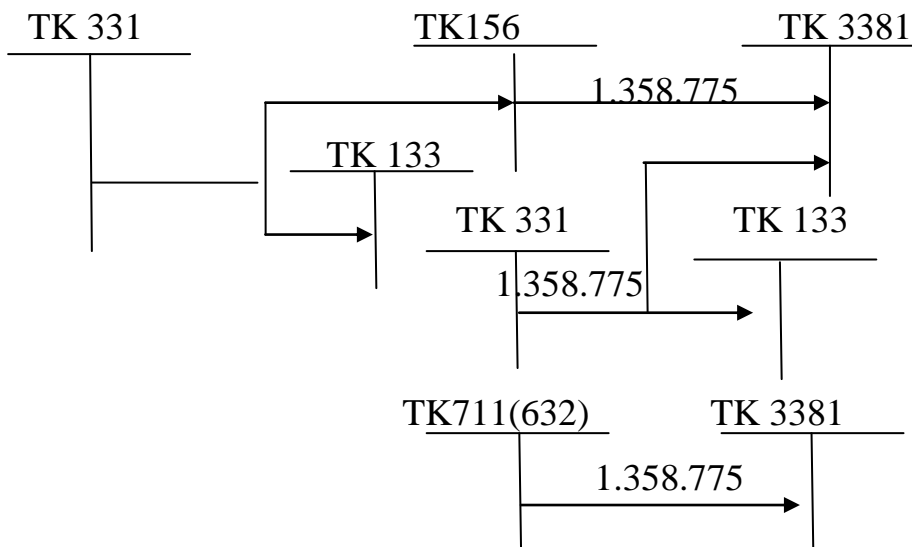
2.2.4.2. Xử lý kết quả kiểm kê

Căn cứ vào quyết định của hội đồng xử lý hàng hoá:

✧ Số hàng hoá thừa:

Nợ TK 3381: 1.358.775

Có TK 711: 1.358.775



✦ Số hàng hoá thiếu:

+ Nếu thiếu hụt, tổn thất trong định mức:

Nợ TK 642: 2.352.735

Có TK 1381: 2.352.735

+ Khi có kết quả xử lý: lỗi là do bên bán giao thiếu, và được bên bán giao thêm số hàng hóa thiếu, ghi:

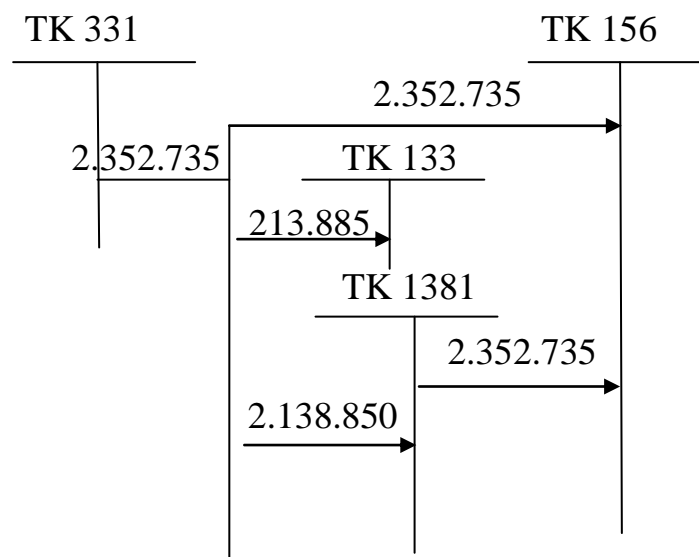
Nợ TK 1561: 2.352.735

Có TK 1381: 2.352.735

+ Nếu số hàng hoá thiếu mà người chịu trách nhiệm vật chất phải bồi thường thì ghi:

Nợ TK 1388,(TK 334, TK 111): 2.352.735

Có TK 1381: 2.352.735



Công ty cổ phần Thép Miền Bắc

Bộ phận:

Mẫu số: 05 – VT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC

**BIÊN BẢN KIỂM KÊ HÀNG HOÁ**

- Thời điểm kiểm kê: 9h10 ngày 28 tháng 12 năm 2009
- Ban kiểm kê gồm:
  - + Ông: Phạm Trung Hưng                      Chức vụ: Phó giám đốc                      làm trưởng ban
  - + Bà: Nguyễn Thị Hằng                      Chức vụ: Kế toán trưởng                      làm uỷ viên
  - + Ông: Nguyễn Văn Tú                      Chức vụ: Thủ kho                      làm uỷ viên.
- Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây:

ST T	Tên hàng hoá	M S	Đ V T	Đơn Giá	Theo số		Theo kiểm		Chênh lệch				Phẩm chất		
					Kê toán		Kê		Thừa		Thiếu		Tốt 100%	Kém P.C	Mất P.C
					SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT			
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.	Thép hộp	HOP	Kg	13.500	1.226	16.552.350	1.135	15.317.100	91.5	1.358.775	0	0	X		
2.	Thép góc	GOC	Kg	10.500	11.407	119.775.600	11.204	117.636.750	0	0	204	2.352.735	X		
	Cộng				12.633	136.327.950	12.339	132.953.850	91.5	1.358.775	204	2.352.735			

Ngày 28 tháng 12 năm 2009

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ kho

Trưởng ban kiểm kê

### 2.2.5 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

#### Ví dụ 7:

Cuối niên độ kế toán lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho thép tấm:

Lượng hàng hoá tồn kho giảm giá tại 31/12/2009 (Kg)	Giá hạch toán trên sổ kế toán	Giá thực tế trên thị trường tại 31/12/2009 (đ/kg)
30.000	14.750	13.750

**Mức dự phòng giảm giá hàng hoá cho năm kế hoạch (2010)**

$$= 30.000 \times (14.750 - 13.750)$$
$$= 30.000 \times 1.000$$
$$= 30.000.000$$

- Cuối niên độ kế toán, doanh nghiệp căn cứ vào tình hình giảm giá số lượng tồn kho thực tế của từng hàng hoá kế toán xác định mức trích lập dự phòng cho niên độ kế toán.(1)

Nợ TK 6426: 20.000.000

Có TK 159: 20.000.000

- Cuối niên độ kế toán sau, kế toán hạch toán toán bộ khoản dự phòng để lập cuối niên độ kế toán trước vào thu nhập bất thường.(2a)

Nợ TK 159: 20.000.000

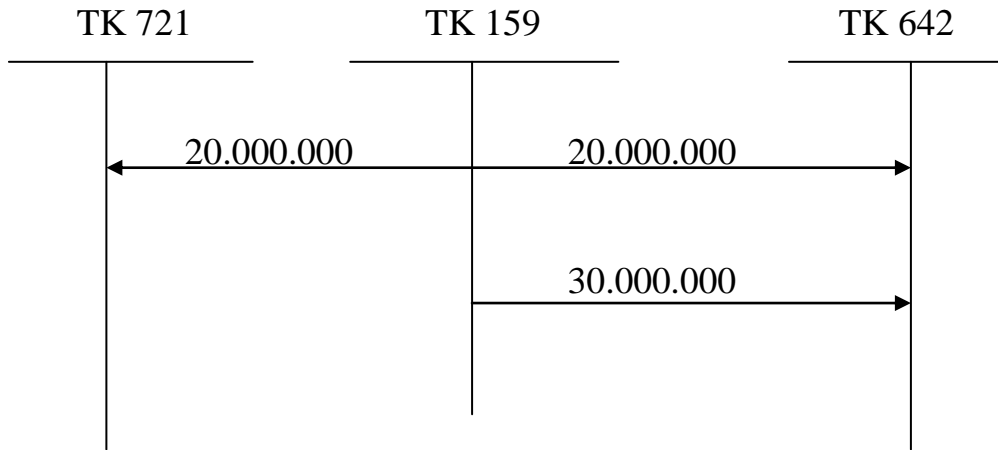
Có TK 711: 20.000.000

Đồng thời tính, xác định mức trích lập dự phòng mới phải lập cho niên độ kế toán sau.(2b)

Nợ TK 642: 30.000.000

Có TK 159: 30.000.000





Sơ đồ 2.2.5 : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

## **CHƯƠNG III**

### **MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC**

#### **3.1. Những đánh giá chung về công tác tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, tổ chức công tác kế toán và tổ chức kế toán hàng tồn kho**

**\*Nhân xét chung:**

- Trong nền kinh tế thị trường ngày nay và đặc biệt là nước ta đã gia nhập các tổ chức kinh tế quốc tế ( như WTO, APEC...), việc hội nhập này đòi hỏi tất cả các doanh nghiệp phải thay đổi cách nhìn nhận về một sàn chơi mới và có tính chuyên nghiệp cao.

- Trước những thách thức và cơ hội này, Công ty cổ phần thép Miền Bắc đã từng bước khẳng định tính độc lập và tự chủ trong kinh doanh. Công ty đã biết khai thác, phát huy, sử dụng có hiệu quả nội lực, khai thác tiềm năng từ bên ngoài thu được những thắng lợi rõ rệt về mọi mặt:

- + Sản xuất kinh doanh có hiệu quả
- + Đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên
- + Làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà Nước
- + Sắp xếp, tổ chức tốt bộ máy quản lý
- + Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có tay nghề và trình độ.

- Công ty cổ phần thép Miền Bắc mới được thành lập 9 năm nên có thể nói thành tích mà công ty đạt được trong thời gian qua có ý nghĩa rất quan trọng với sự phát triển trong tương lai của Công ty.

- Một doanh nghiệp với đặc điểm là công ty thương mại xuất nhập khẩu nên công tác quản lý, sử dụng và hạch toán hàng hóa có vị trí hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất. Qua quá trình nghiên cứu thực tế về công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán hàng tồn kho tại công ty cho thấy công ty gặp không ít các khó khăn thử thách. Sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thép làm cho cung vượt quá cầu. Song với

sự nỗ lực phấn đấu không ngừng công ty đã khẳng định được vị thế và đứng vững trên thị trường, làm nên thương hiệu riêng cho từng sản phẩm của mình.

- Công ty cổ phần thép Miền Bắc là lá cờ đầu trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu thép. Những sản phẩm của Công ty luôn đạt chất lượng cao, đáp ứng được những đòi hỏi khắt khe của thị trường trong nước và ngoài nước. Có được những thành tích này là nhờ vào bộ máy điều hành và quản lý của Công ty nói chung và bộ máy kế toán của Công ty nói riêng

- Hàng hóa là khoản mục chi phí quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, khẳng định vị thế của doanh nghiệp trên thị trường. Do vậy việc tổ chức quản lý và sử dụng tốt khoản mục chi phí này sẽ góp phần thực hiện được mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận của Công ty. Điều này thể hiện ở khâu quản lý của Công ty, khâu tiêu thụ...

- Qua thời gian tìm hiểu thực tế công tác hạch toán kế toán hàng tồn kho tại Công ty cổ phần thép Miền Bắc em nhận thấy công tác hạch toán kế toán hàng tồn kho của Công ty có những ưu điểm nhưng cũng tồn tại một số hạn chế. Em xin mạnh dạn đưa ra dưới đây rất mong Công ty tiếp tục phát huy những ưu điểm đồng thời nhanh chóng khắc phục những nhược điểm nhằm mục đích hoàn thiện hơn nữa công tác tổ chức quản lý và hạch toán kế toán hàng tồn kho trong thời gian tới.

### **3.1.1. Ưu điểm:**

Cũng như tất cả các doanh nghiệp khác, để tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường trong môi trường cạnh tranh là một khó khăn rất lớn đối với Công ty cổ phần thép Miền Bắc. Nhưng với sự năng động của bộ máy quản lý cùng với sự cố gắng quyết tâm của toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty. Công ty đã nhanh chóng hòa nhập và đứng vững trên thị trường trong nước cũng như quốc tế. Trong những năm qua Công ty đã đạt được những kết quả nhất định trong sản xuất kinh doanh, hoàn thành mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận mà Công ty đã đề ra, không ngừng nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên.

Ngoài ra trong công tác quản lý, công tác hạch toán kế toán hàng tồn kho của Công ty cũng đạt được một số ưu điểm sau:

3.1.1.1. Tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh

- Cơ cấu bộ máy:

+ Bộ máy quản lý của Công ty tương đối gọn nhẹ thống nhất từ trên xuống dưới. Công ty cổ phần thép Miền Bắc đã xây dựng bộ máy quản lý phù hợp với yêu cầu quản lý của nền kinh tế thị trường, đảm bảo đứng vững trong điều kiện hiện nay.

+ Các phòng ban chịu sự giám sát của ban lãnh đạo có nhiệm vụ tham mưu giúp việc cho giám đốc hoặc phó giám đốc, trực tiếp phụ trách các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ của mình.

+ Việc phân công công việc rõ ràng theo hướng chuyên môn hoá sẽ có kết quả cao, giảm áp lực cho ban lãnh đạo Công ty, chuyên môn hóa chức năng quản lý.

- Cơ sở vật chất:

+ Tài sản cố định của Công ty tương đối lớn: văn phòng Công ty, các kho bãi rộng hàng nghìn mét vuông có thể chứa được khối lượng thép lớn.

+ Tài sản lưu động gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, hàng tồn kho,... Công ty luôn có biện pháp để sử dụng vốn có hiệu quả, giảm chi phí tăng lợi nhuận.

- Quản lý lao động:

+ Có đội ngũ cán bộ và nhân viên có nghiệp vụ chuyên môn giàu kinh nghiệm, năng động sáng tạo.

+ Giảm số lượng lao động dư thừa trong các bộ phận quản lý.

+ Sắp xếp lao động được điều chỉnh hàng năm bảo đảm bộ máy hoạt động hiệu quả nhất.

+ Có chương trình đào tạo cán bộ công nhân viên nâng cao nghiệp vụ tay nghề, hàng tháng Công ty đều tổ chức chơi thể thao giải trí, đi du lịch tham quan để thư giãn và nâng cao năng suất và hiệu quả công việc.

- Sản xuất kinh doanh:

+ Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại trong lĩnh vực sắt, thép. Các hàng hóa của Công ty luôn có chất lượng cao đáp

ứng được nhu cầu của người tiêu dùng.

+ Trong thời kỳ hội nhập như hiện nay việc xây dựng các công trình trọng điểm, các công trình giao thông cầu đường, cầu cảng đang diễn ra rất nhiều. Năm bắt được tình hình đó Công ty đã không ngừng mở rộng thị trường, đầu tư nâng cấp mạng lưới, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng hàng hóa. Nhờ đó mà doanh thu hàng năm của Công ty không ngừng nâng cao:

- Năm 2007: 65.340.000.000
- Năm 2008: 84.000.000.000
- Năm 2009: 148.193.055.838

- Phương thức thanh toán:

Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, mặt hàng kinh doanh chủ yếu là sắt thép- 1 loại hàng hóa có giá trị cao. Công ty bán hàng hóa với hai hình thức đó là: bán buôn & bán lẻ là chủ yếu. Cho nên ngoài việc thanh toán bằng tiền mặt thì hình thức thanh toán bằng chuyển khoản cũng đem lại rất nhiều thuận lợi, hữu ích và phổ biến hơn trong xu thế hiện nay.

#### 3.1.1.2 Tổ chức công tác kế toán :

- Mô hình bộ máy kế toán nhỏ gọn bởi phòng kế toán chỉ có bốn người bao gồm cả kế toán trưởng. Công ty sử dụng phương pháp ghép việc, tổ chức bố trí công việc của cán bộ kế toán phù hợp với chức năng và trình độ, do vậy mọi công việc đều hoàn thành có hiệu quả.

- Công ty lựa chọn hình thức kế toán tập trung, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh của Công ty, mỗi nghiệp vụ phát sinh được hạch toán nhanh chóng chính xác.

- Với mô hình kế toán này, việc hạch toán đảm bảo sự tập trung, thống nhất và chặt chẽ giúp cho việc kiểm tra chỉ đạo kinh doanh được kịp thời, chuyên môn hóa cán bộ, giảm nhẹ biên chế, tạo điều kiện áp dụng trong quản lý hạch toán.

- Trình độ cán bộ: 100% cán bộ phòng kế toán đã tốt nghiệp đại học, có kinh nghiệm.

- Sổ sách kế toán:

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung, hình thức này tương đối đơn giản, đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, dễ thu nhận xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin phù hợp với năng lực, trình độ và điều kiện kỹ thuật tính toán cũng như yêu cầu quản lý của Công ty, giúp cho việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm, dễ thấy, dễ lấy. Như vậy, hình thức nhật ký chung đã đáp ứng được yêu cầu hạch toán kế toán và quản lý của Công ty.

- Hệ thống tài khoản:

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán đặc biệt là những chuẩn mực mới và các thông tư hướng dẫn, các quyết định của Nhà Nước.

- Chứng từ sử dụng: Chứng từ mà Công ty sử dụng để hạch toán đều đúng theo mẫu biểu mà Bộ tài chính ban hành từ: phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất kho,..Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép 1 cách đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện cho việc đối chiếu kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ sách kế toán. Các chứng từ được lưu trữ cẩn thận theo từng loại, từng hợp đồng thuận lợi cho việc tìm kiếm, đối chiếu số liệu.

Hầu hết các sổ chi tiết của Công ty đều được xác định theo kết cấu đơn giản, dễ ghi chép và phản ánh đầy đủ các chỉ tiêu cần thiết lẫn nội dung kinh tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Quá trình luân chuyển chứng từ đúng trình tự kế toán.

### 3.1.1.3 Tổ chức kế toán hàng tồn kho:

- Để tồn tại và phát triển ổn định Công ty coi công tác quản lý là nhiệm vụ quán triệt hàng đầu, Công ty đặc biệt chú trọng công tác quản lý, hạch toán hàng tồn kho.

- Công tác thu mua: Công ty có biện pháp chuyên chịu trách nhiệm thu mua và bốc xếp từ cảng về đến kho của đơn vị, nguồn thu mua của Công ty là tương đối ổn định với nhiều nhà cung cấp bảo đảm cho hàng hóa luôn đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, ít có trường hợp bị ép giá hoặc thiếu hàng hóa cho tiêu dùng. Trong khâu nhập kho hàng hóa Công ty đảm bảo có sự giám sát chặt chẽ giữa phòng kế toán với bộ phận thu mua và thủ kho bằng hóa đơn giá trị gia tăng, biên

bản kiểm kê vật tư, phiếu nhập kho để xác định chính xác, đầy đủ về mặt số lượng cũng như giá trị hàng hóa nhập kho.

- Quản lý hàng tồn kho đầu kỳ: được theo dõi chính xác về số lượng và giá trị. Được bộ phận quản lý kho bãi bảo vệ đảm bảo an toàn tài sản của Công ty.

- Tổ chức quản lý hàng mua vào nhập kho

+ Mua trong nước: Quy trình tương đối đơn giản, căn cứ vào hoá đơn GTGT từ bên bán, kế toán viết phiếu nhập kho.

+ Nhập khẩu: Công ty luôn là khách hàng quen thuộc nên nhập khẩu với khối lượng thép lớn, nhanh chóng, thuận tiện.

- Tổ chức quản lý hàng bán ra:

+ Công ty căn cứ vào định mức hàng tồn kho và kế hoạch tiêu thụ để chủ động có kế hoạch mua vật tư nên lượng tồn kho rất ít, giảm chi phí lưu kho, vốn không ứ đọng, giá thành sẽ hạ bớt được phần nào.

+ Công ty luôn cung cấp thép cho các công trình trọng điểm, các công trình giao thông cầu đường, cầu cảng, khách hàng của Công ty là các tập đoàn kinh tế lớn: Vinaxin, Xi măng, dầu khí, điện lực,... Các khách hàng luôn coi Thép Miền Bắc là người bạn hàng truyền thống từ nhiều năm nay.

- Hàng tồn kho được quản lý chặt chẽ, mọi nhu cầu sản xuất kinh doanh đều được lập kế hoạch từ trước và được giám đốc thông qua. Công tác kinh doanh đảm bảo đủ giấy tờ: các phiếu, lệnh xuất. Trong khâu xuất kho, Công ty đòi hỏi sự chi tiết, rõ ràng và hợp lý về bộ phận kinh doanh và mục đích kinh doanh hàng hóa cũng như mối liên hệ thống nhất giữa bộ phận sản xuất kinh doanh, thủ kho, phòng kế toán thông qua phiếu yêu cầu xuất vật tư, phiếu xuất kho, thẻ kho.

↳ Chính sự thống nhất, chặt chẽ trong thủ tục nhập, xuất kho hàng hóa đã giúp Công ty trong công tác quản lý, hạch toán kế toán hàng tồn kho được chính xác, đảm bảo chất lượng hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Công ty đánh giá hàng hóa theo trị giá vốn thực tế và tính giá xuất kho theo phương pháp đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Việc đánh giá như vậy là hợp lý phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty thương mại.

- Công ty hạch toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi thẻ song song,

đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra đối chiếu.

- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thương xuyên nên bất cứ thời điểm nào cũng tính được trị giá nhập, xuất, tăng, giảm hiện có của hàng hóa. Như vậy Công ty có điều kiện để quản lý tốt hàng tồn kho và hạch toán chặt chẽ đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra kế toán tại Công ty.

- Trong công tác hạch toán chi tiết hàng tồn kho, giữa phòng kế toán và thủ kho có sự phối hợp chặt chẽ: thủ kho theo dõi, quản lý chi tiết hàng hóa trên các thẻ kho, kế toán theo dõi chi tiết trên các sổ chi tiết hàng hóa. Hàng tuần nhân viên kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép của thủ kho và nhận các phiếu xuất kho, phiếu nhập kho.

- Vấn đề kiểm tra tính chính xác của việc ghi chép kế toán chi tiết hàng tồn kho được thực hiện tốt. Cuối mỗi tháng, kế toán vật tư đều đối chiếu số liệu của sổ chi tiết hàng hóa với số liệu trên thẻ kho, giữa sổ cái TK156 với bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn hàng hóa.

- Vấn đề kiểm kê hàng hoá cuối kỳ:

Hàng tồn kho tại Công ty thường xuyên được kiểm tra và kiểm kê chặt chẽ dưới sự giám sát của lãnh đạo và những người trực tiếp liên quan. Kiểm kê hàng là khâu quan trọng nên Công ty luôn chú trọng đảm bảo hàng tồn kho được kiểm kê chính xác, công khai một năm bốn lần thường là vào cuối mỗi quý.

- Xử lý sau kiểm kê: Sau kiểm kê Công ty lập một hội đồng để xử lý hàng thiếu hoặc thừa vì thế đảm bảo xử lý đúng đắn, khách quan.

### **3.1.2. Nhược điểm:**

↳ Bên cạnh những ưu điểm, kế toán còn tồn tại những mặt hạn chế chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học cần thiết phải phân tích, làm sáng tỏ, từ đó có biện pháp thiết thực nhằm cung cấp hoàn thiện hơn nữa giúp cho việc cung cấp thông tin được đầy đủ, giúp cho ban lãnh đạo đưa ra được những quyết định về hoạt động quản lý, hoạt động tiêu thụ hàng hóa. Cụ thể:

#### 3.1.2.1. Hệ thống các kho hàng hóa

Các kho hàng của Công ty nằm xa trụ sở chính ảnh hưởng.

+ Nhân viên đi lại mất thời gian và chi phí



+ Chứng từ kế toán luân chuyển chậm dẫn đến quá trình tổng hợp hàng tồn kho chậm.

+ Kho quản lý hàng tại các kho

#### 3.1.2.2. Nhân sự kế toán kho

- Phòng kế toán chỉ có 4 người và công việc lại nhiều, mỗi người lại đảm nhận nhiều phần hành kế toán nên

Ảnh hưởng:

+ Giảm hiệu quả công việc

+ Không phát huy được khả năng của từng người trong việc chuyên sâu nghiệp vụ.

#### 3.1.2.3 Tìm hiểu và ứng dụng phần mềm kế toán:

Chưa sử dụng phần mềm kế toán: hạch toán kế toán ở Công ty chủ yếu là ghi chép bằng tay. Hệ thống máy tính ở phòng kế toán chưa thực sự được sử dụng hiệu quả để phục vụ cho công việc văn phòng thông thường. Công ty vẫn chưa sử dụng phần mềm kế toán để hỗ trợ cho công việc hạch toán, kế toán

Ảnh hưởng:

+ Việc hạch toán mất nhiều thời gian

+ Dễ dẫn đến sai lệch, nhầm lẫn về số liệu.

+ Tiến độ công việc sẽ bị chậm

+ Bị lạc hậu so với các Công ty khác.

#### 3.1.2.4. Hàng mua vào và bán ra

- Công ty vẫn chưa áp dụng một số biện pháp khuyến mãi như giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại khi khách hàng mua với khối lượng lớn thanh toán tiền nhanh

Ảnh hưởng:

+ Mất dần những khách hàng lớn vì trên thị trường có rất nhiều công ty đang áp dụng các biện pháp này nhằm thu hút khách hàng.

+ Không có các chính sách khuyến mãi khách hàng sẽ chậm thanh toán làm cho dòng vốn không được quay vòng nhanh.

- Quá trình xuất kho: thu hồi vốn chậm do bán hàng cho khách hàng nhỏ ảnh

hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

### 3.1.2.5 Về hạch toán kế toán hàng tồn kho

Công ty không hạch toán chi tiết cho 2 tài khoản 1561: giá trị hàng mua và 1562: chi phí thu mua và chưa mở sổ tổng hợp 156 để theo dõi một cách tổng hợp toàn bộ hàng tồn kho của Công ty:

Ảnh hưởng:

- + Mất nhiều thời gian của kế toán viên khi tập hợp thông tin cần thiết
- + Đưa ra các định hướng không kịp thời
- + Không biết được giá trị hàng mua trong kỳ và chi phí thu mua một cách cụ thể, chi tiết.

### 3.1.2.6 Về bảo quản hàng hóa ch- a tiêu thụ

- Về hàng tồn kho:

-Thép để ngoài trời, không có mái che

Ảnh hưởng:

- + Vì điều kiện thời tiết: mưa, gió... nên thép kém chất lượng, ảnh hưởng uy tín của Công ty.
- + Dễ bị các đối tượng trộm cắp lợi dụng.

### **3.1.3. Nguyên nhân của những tồn tại:**

↪ Có những nguyên nhân dẫn tới những tồn tại nói trên trong tổ chức hạch toán kế toán hàng tồn kho tại công ty cổ phần thép Miền Bắc, trong đó bao gồm cả những nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan. Sau đây là một số nguyên nhân chủ yếu.

✿ *Nguyên nhân khách quan:*

Thứ nhất là do điều kiện tự nhiên: Công ty là một doanh nghiệp kinh doanh thép nên mọi hoạt động của Công ty đều gắn với tự nhiên từ khâu thu mua, dự trữ,...nên ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng của sản phẩm và ảnh hưởng tới uy tín của Công ty.

Thứ hai Công ty phải chịu nhiều sự tác động từ các đối thủ cạnh tranh khiến cho việc tiêu thụ sản phẩm trên thị trường gặp ít nhiều khó khăn.

❁ *Nguyên nhân chủ quan:*

Thứ nhất do điều kiện tài chính hạn chế, Công ty chưa ưu tiên đầu tư cho đổi mới trong quản lý nói chung và hạch toán kế toán nói riêng, ví dụ: như việc mua một phần mềm kế toán ứng dụng có hiệu quả đối với điều kiện Công ty là khá tốn kém.

Thứ hai, do thói quen trong công việc của các cán bộ phòng kế toán đã ăn sâu vào nếp nghĩ, nếp làm khiến cho người ta không muốn thay đổi, ngại tiếp cận với những cái mới.

Thứ ba, khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển và ứng dụng ngày càng sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống cũng như trong hạch toán kế toán, do đó doanh nghiệp cũng phải đổi mới theo để công tác kế toán của Công ty được nhanh chóng và chính xác nếu không sẽ bị lạc hậu. Ngày nay phần mềm kế toán là một công cụ đắc lực giúp giảm bớt khối lượng công việc của kế toán và mang lại sự chính xác rất cao.

Thứ tư, do điều kiện học tập đề lên cao của cán bộ nhân viên còn bị hạn chế vì nhiều lý do: chỉ tiêu đi học của Công ty còn hạn chế, học tự túc thì chi phí khá cao...

### **3.2 Một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty cổ phần thép Miền Bắc**

#### **3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện**

- Nền kinh tế thị trường với những đổi mới thực sự trong cơ chế quản lý đã khẳng định vai trò, vị trí của thông tin kế toán trong doanh nghiệp. Kế toán là công cụ hữu hiệu nhất để điều hành, quản lý, kiểm tra và tính toán hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Khi xu thế cạnh tranh ngày càng lành mạnh giữa các doanh nghiệp, giá cả là yếu tố cốt yếu quyết định “ số phận ” của sản phẩm, lợi nhuận của Công ty. Như chúng ta đã biết hàng tồn kho là yếu tố quan trọng quyết định sự sống còn của doanh nghiệp thương mại. Hạch toán kế toán hàng tồn kho đầy đủ, chính xác là một trong những yếu tố đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển để từ đó doanh nghiệp tiến tới tối đa hóa lợi nhuận và khẳng định thương hiệu của mình trên thị trường.

chính vì vậy công tác hạch toán kế toán hàng tồn kho là một phần hành không thể thiếu trong các doanh nghiệp thương mại.

- Công ty cổ phần thép Miền Bắc mặc dù có rất nhiều cố gắng trong tổ chức công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán hàng tồn kho song vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục để đáp ứng hơn nữa yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời và chủ động hàng hóa để từ đó tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu cầu thị trường, tăng lợi nhuận cho Công ty. Do đó, việc nghiên cứu các biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác quản lý và hạch toán kế toán hàng tồn kho tại Công ty là vô cùng quan trọng.

- Hoàn thiện giúp Công ty có phương hướng khắc phục những điểm yếu trong công tác kế toán hàng tồn kho, giúp ban lãnh đạo Công ty nắm chắc tình hình hoạt động kinh doanh để có kế hoạch tốt hơn.

- Hoàn thiện giúp cho phòng kế toán của Công ty làm việc hiệu quả hơn, khai thác tốt hơn tiềm năng của mỗi người.

- Hoàn thiện giúp cho công tác kế toán hàng tồn kho nắm bắt chính xác số lượng, giá trị hàng tồn kho: đảm bảo chất lượng và hàng kém chất lượng, hàng chậm tiêu thụ... để kịp thời điều chỉnh.

### **3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện**

- Kế toán trong doanh nghiệp nói chung và kế toán hàng tồn kho nói riêng là công cụ đắc lực của doanh nghiệp trong quản lý sản xuất kinh doanh nên đòi hỏi nó phải luôn hướng tới sự hoàn thiện. Tuy nhiên công việc kế toán lại thay đổi thường xuyên, liên tục tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn và theo chính sách chế độ quản lý kế toán tài chính mới của Nhà Nước. Chính vì thế mà quá trình tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp phải đáp ứng những yêu cầu sau:

+ Tôn trọng nguyên tắc, chế độ, chuẩn mực kế toán mà Bộ Tài chính ban hành. Đây là yêu cầu bắt buộc, là cơ sở, nền tảng cho việc quản lý, điều hành thông nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp khác nhau có thể áp dụng những hình thức, phương pháp kế toán khác nhau nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ đúng chế độ, chuẩn mực kế toán của Nhà Nước. Đó

chính là hành lang pháp lý của công tác kế toán tạo khả năng so sánh, đối chiếu được và thuận tiện cho việc kiểm tra chỉ đạo, đào tạo đội ngũ cán bộ kế toán.

+ Tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán hàng tồn kho nói riêng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp về tổ chức sản xuất, kinh doanh và về công tác quản lý. Mỗi doanh nghiệp có đặc điểm sản xuất kinh doanh khác nhau thì sẽ chọn cho mình một hình thức kế toán, phương pháp kế toán khác nhau ( phương pháp kế toán hàng tồn kho, phương pháp tính giá vốn xuất kho...) để đảm bảo sự phù hợp đó. Nếu doanh nghiệp chỉ áp dụng cứng nhắc một hình thức , một phương pháp kế toán nào đó không thích hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp tất yếu sẽ tạo ra sự bất hợp lý trong khi hạch toán và không đem lại hiệu quả trong công tác hạch toán kế toán như mong muốn. Tuy vậy việc lựa chọn này dù linh động đến đâu vẫn phải đảm bảo các chế độ chuẩn mực của Nhà Nước.

+ Công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Yêu cầu này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đưa ra các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp. Nếu thông tin kế toán không đáp ứng được những yêu cầu cơ bản này thì quyết định kế toán không đáp ứng được những yêu cầu cơ bản này thì quyết định kế toán của doanh nghiệp sẽ không đảm bảo được tính thích hợp, đúng đắn, sát với thực tế. Hơn nữa thông tin kế toán được cung cấp còn là một bức tranh toàn cảnh về doanh nghiệp. Nó là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư, các ngân hàng... vì thế thông tin kế toán được cung cấp như thế nào sẽ quyết định sự thắng lợi của doanh nghiệp trong cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

+ Hoàn thiện kế toán hàng tồn kho phải trong mối quan hệ thống nhất với các phần hành kế toán khác nhau, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán tài chính và kế toán quản trị, kế toán hàng tồn kho cũng như các phần hành kế toán khác chỉ là một biện pháp trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp. Giữa chúng có mối quan hệ mật thiết, khăng khít với nhau, không thể thiếu một bộ phận nào. Vì vậy bất kỳ một phần hành kế toán nào yếu kém đều ảnh hưởng tới các phần hành kế toán khác và do đó tác động tới tất cả hệ thống kế toán của doanh nghiệp.

↳ Chỉ có trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu trên thì kế toán hàng tồn kho mới thực hiện tốt vai trò của mình và trở thành công cụ quản lý hữu ích của doanh

nghiệp.

### **3.3.3. Nguyên tắc của việc hoàn thiện kế toán hàng tồn kho**

Các thông tin kế toán là thông tin rất quan trọng và cần thiết cho công tác quản lý hiện nay, nhất là trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Trong điều kiện cạnh tranh để tìm chỗ đứng trên thị trường, các doanh nghiệp cần phải có thông tin thật chính xác về tình hình tài chính của mình để có thể đề ra những biện pháp thích hợp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Do đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp nói chung và kế toán hàng tồn kho nói riêng cần phải hoàn thiện để đáp ứng mọi nhu cầu cao trong quản lý.

↳ Để đáp ứng yêu cầu quản lý về hàng tồn kho trong doanh nghiệp được tốt hơn không phải là làm bất cứ thay đổi gì chỉ để phù hợp với điều kiện doanh nghiệp mình mà cần phải dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ chế độ tài chính kế toán hiện hành, các văn bản pháp luật của Nhà nước có liên quan, đồng thời tiến tới hòa nhập với các thông lệ chung và chuẩn mực kế toán Quốc tế. Công ty có thể vận dụng chế độ linh hoạt, sáng tạo phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty nhưng vẫn phải tuân thủ theo nguyên tắc chung của chế độ kế toán Việt Nam.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty. Mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh, trình độ và yêu cầu quản lý. Do vậy việc vận dụng hệ thống chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện kế toán là nhằm hướng tới làm tốt hơn vai trò cung cấp thông tin cho cấp quản trị trong doanh nghiệp và những người quan tâm được biết về tình hình tài chính của Công ty.

- Để đáp ứng được các yêu cầu hoàn thiện đưa ra thì kế toán hàng tồn kho phải tiến hành hoàn thiện trên các mặt theo phương hướng sau:

+ Trước hết, hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin phải nhanh chóng, kịp thời chính xác phục vụ cho người quản lý nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh, từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao sản xuất kinh doanh

toàn doanh nghiệp và đạt hiệu quả cao.

+ Cần củng cố và tăng cường vai trò cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình nhập xuất tồn kho của hàng hóa từ các sổ kế toán tổng hợp của Công ty.

+ Phản ánh giá trị của hàng hóa một cách xác thực hơn phù hợp hơn với giá cả của hàng hóa tại thời điểm sử dụng.

+ Phản ánh đúng nội dung kinh tế của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ, tạo điều kiện cung cấp chính xác trong hạch toán kế toán.

+ Hoàn thiện song phải dựa trên nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.

### **3.3.4. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty**

#### **Ý kiến 1: Hệ thống các kho hàng hóa:**

- Các kho hàng của Công ty nằm xa trụ sở chính nên có kế toán kho hàng thực hiện nghiệp vụ hạch toán để cuối tháng tập hợp gửi lên Công ty.

- Tuyển kế toán bán hàng tại kho.

↳ Tác dụng: + Giảm thời gian và chi phí đi lại

+ Chứng từ kế toán sẽ luân chuyển nhanh hơn làm cho quá trình tổng hợp hàng tồn kho dễ dàng hơn.

+ Quản lý tốt hơn hàng tồn kho.

#### **Ý kiến 2: Nhân sự kế toán kho:**

- Phòng kế toán ít người mà công việc lại nhiều

Nên: + Tuyển thêm kế toán có nghiệp vụ, có năng lực, xử lý nghiệp vụ kế toán nhanh nhạy.

+ Tuyển thông qua báo, đài, qua mạng hoặc qua trung tâm dịch vụ lao động.

↳ Tác dụng: + Có người theo dõi, quản lý và xử lý nghiệp vụ kịp thời

+ Tăng hiệu quả công việc

+ Giảm thời gian và chi phí cho Công ty.

#### **Ý kiến 3: Tìm hiểu và ứng dụng phần mềm kế toán:**

↳ Tác dụng: + Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán; giải phóng cho kế toán chi tiết khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu tính toán,

tổng hợp 1 cách đơn điệu nhằm chán , mệt mỏi để họ giành nhiều thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, bán hàng.

+ Hiện tại phòng kế toán của Công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán. Từ đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong công việc kiểm tra , đối chiếu số liệu. Phần mềm kế toán được ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả trực tiếp, thiết thực cho doanh nghiệp.

+Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán mà Công ty có thể sử dụng như: Ad sorf, Sas innova, Fast accounting...

**Ý kiến 4: Hàng mua vào và bán ra:**

- Vấn đề mua vào:

+ Nên thương lượng với bên bán để được hưởng chiết khấu thương mại, giảm giá vốn hàng mua vào.

↳ Tác dụng: Giảm các khoản chi phí phát sinh trong quá trình mua hàng.

- Vấn đề bán ra:

+ Nên có chính sách khuyến khích hàng mua vào như: chiết khấu thanh toán cho bên mua nếu họ trả sớm hoặc trả trước, khuyến mãi hoặc giảm giá hàng bán đối với khách hàng mua hàng với số lượng lớn

↳ Tác dụng: Đẩy mạnh hàng bán ra và giúp Công ty thu hồi vốn nhanh hơn nếu khách hàng chấp nhận yêu cầu trên.



**Ý kiến 5: Về hạch toán kế toán hàng tồn kho**

Công ty nên mở sổ theo dõi cho TK 1561: Trị giá mua hàng hoá và TK 1562: Chi phí thu mua hàng hoá

Mẫu:

**SỔ THEO DÕI TK 1561**

Trị giá mua hàng hoá

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Nhập kho		
	Số	Ngày			Đơn giá (đ)	Số lượng(kg)	Thành tiền
1	PN56	15/11	Nhập kho thép tấm	331	12.000	5.000	60.000.000

**SỔ THEO DÕI TK 1562**

Chi phí mua hàng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền (đ)
	Số	Ngày		
1	PN56	15/11	Chi phí thu mua	1.500.000

↪ Tác dụng:

Nắm được một cách cụ thể và chính xác giá mua và chi phí thu mua của từng loại hàng hoá.



## KẾT LUẬN

Hàng tồn kho là một trong những yếu tố quan trọng, đặc biệt với những công ty chuyên về thương mại như Công ty cổ phần thép Miền Bắc. Hàng tồn kho biểu hiện vốn của doanh nghiệp chưa luân chuyển, chuẩn bị cho luân chuyển. Vì vậy kế toán hàng tồn kho có vị trí và tầm quan trọng đặc biệt trong việc mua vào bán ra đảm bảo có hiệu quả, sinh lời, duy trì sự tồn tại của doanh nghiệp thương mại. Đồng thời phát triển mở rộng kinh doanh tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động trong các doanh nghiệp.

Khoá luận “**Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty cổ phần thép Miền Bắc**” đã đề cập được những vấn đề lý luận cơ bản, những tình hình thực tế và đưa ra một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty.

1. Về lý luận: Đã nêu được một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản về hàng tồn kho và hạch toán kế toán hàng tồn kho trong các doanh nghiệp thương mại.

2. Về thực tiễn: Phản ánh tình hình kế toán hàng tồn kho của Công ty cổ phần thép Miền Bắc thông qua số liệu thực tế năm 2009.

3. Những biện pháp hoàn thiện: Qua việc tìm hiểu kế toán hàng tồn kho tại Công ty đối chiếu với lý luận, khoá luận đã đưa ra một số kiến nghị về bộ máy kế toán, vấn đề nhập xuất, tồn kho hàng hoá nhằm góp phần hoàn thiện kế toán hàng tồn kho tại Công ty. Tuy nhiên, vì chưa có kinh nghiệm, chưa am hiểu kỹ càng về thực tế nên những biện pháp còn nặng về lý thuyết, tính khả thi chưa cao song dù sao cũng là những ý kiến để Công ty tham khảo.

Vì thời gian thực tập có hạn, kiến thức bản thân hạn chế, vấn đề nghiên cứu còn mới nhưng với sự nhiệt tình giúp đỡ của ban lãnh đạo Công ty, các anh chị trong phòng kế toán của Công ty và của thầy giáo hướng dẫn em đã hoàn thành bài khoá luận này.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Công ty, các anh chị phòng kế toán Công ty và thầy giáo hướng dẫn đã giúp đỡ để em hoàn thành bài khoá luận này.

Sinh viên

Phạm Hoài Thu

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 1 - Bộ tài chính - Nhà xuất bản tài chính, Hà Nội, 2006.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 2 - Bộ tài chính - Nhà xuất bản tài chính, Hà Nội, 2006.
3. Các sổ sách chứng từ của Công ty cổ phần Thép Miền Bắc.
4. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính - TS. Nguyễn Văn Công - Nhà xuất bản tài chính.

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG I NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HÀNG TỒN KHO VÀ KẾ TOÁN HÀNG HOÁ TỒN KHO TRONG CÁC DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI</b> .....	3
<b>1.1. Những vấn đề chung về hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại</b> .....	3
<i>1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại</i> .....	3
<i>1.1.1.1. Khái niệm về hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại</i> .....	3
<i>1.1.1.2. Đặc điểm hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại</i> .....	3
<b>1.1.2. Phân loại hàng tồn kho trong các doanh nghiệp thương mại</b> .....	4
<i>1.1.2.1. Phân loại hàng hóa</i> .....	4
<i>1.1.2.2. Lập danh điểm hàng hóa</i> .....	5
<b>1.1.3. Yêu cầu và nhiệm vụ cơ bản của kế toán hàng tồn kho</b> .....	6
<i>1.1.3.1. Yêu cầu quản lý hàng hóa</i> .....	6
<i>1.1.3.2. Nhiệm vụ của kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại</i> .....	6
<b>1.2. Kế toán hàng tồn kho trong các doanh nghiệp thương mại</b> .....	8
<b>1.2.1. Quy định chung về hạch toán hàng tồn kho</b> .....	8
<i>1.2.1.1. Yêu cầu đánh giá hàng hóa</i> .....	8
<i>1.2.1.2. Xác định giá trị nhập - xuất hàng tồn kho</i> .....	8
<i>1.2.1.3. Xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ</i> .....	9
<i>1.2.1.4. Đối với vật t- hàng hóa mua bằng ngoại tệ</i> .....	9
<i>1.2.1.5. Kế toán chi tiết về giá trị và hiện vật theo từng loại hàng hóa tồn kho</i> .....	10
<i>1.2.1.6. Phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho</i> .....	14
<b>1.2.1.6.1. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:</b> ...	15
<i>1.2.1.6.1.1. Đặc điểm của phương pháp</i> .....	15
<i>1.2.1.6.1.2. Công thức tính giá hàng tồn kho</i> .....	15
<i>1.2.1.6.1.3. Các phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho</i> .....	15
<b>1.2.1.6.2. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:</b> .....	19

<i>1.2.1.6.2.1. Đặc điểm của phương pháp kiểm kê định kỳ</i> .....	19
<i>1.2.1.6.2.2. Tài khoản sử dụng</i> .....	19
<i>1.2.1.6.2.3. Công thức trị giá hàng xuất dùng trong kỳ:</i> .....	20
<i>1.2.2.1 Trị giá tồn kho đầu kỳ</i> .....	22
<i>1.2.2.2 Trị giá hàng nhập kho trong kỳ</i> .....	22
<i>1.2.2.3 Trị giá hàng xuất bán trong kỳ</i> .....	29
<b>1.2.3 Kế toán tổng hợp hàng tồn kho</b> .....	30
<i>1.2.3.1 Tài khoản sử dụng</i> .....	30
<i>1.2.3.2 Chứng từ kế toán sử dụng</i> .....	31
<i>1.2.3.3 Mô hình hạch toán tổng hợp</i> .....	31
<b>1.2.4 Vấn đề kiểm kê và đánh giá lại hàng tồn kho</b> .....	33
<i>1.2.4.1 Khái niệm</i> .....	33
<i>1.2.4.2. Ph- ơng pháp hạch toán khi kiểm kê</i> .....	34
<i>1.2.4.4. Đánh giá lại hàng hóa</i> .....	37
<b>1.2.5. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b> .....	38
<i>1.2.5.1. Khái niệm</i> .....	38
<i>1.2.5.2. Thời điểm lập</i> .....	39
<i>1.2.5.3. Đối t- ượng lập</i> .....	39
<i>1.2.5.4. Điều kiện lập</i> .....	39
<i>1.2.5.5. Ph- ơng pháp xác định mức dự phòng</i> .....	39
<i>1.2.5.6. Ph- ơng pháp hạch toán kế toán</i> .....	40
<b>CHƯƠNG II HÀNG TỒN KHO VÀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO</b>	
<b>TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC</b> .....	42
<b>2.1 Khái quát chung về Công ty cổ phần thép Miền Bắc</b> .....	42
<i>2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần thép Miền Bắc</i> 42	
<i>2.1.2. Những thành tích cơ bản của doanh nghiệp</i> .....	43
<i>2.1.3 Những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp</i> .....	45
<i>2.1.3.1.Thuận lợi:</i> .....	45
<i>2.1.3.2.Khó khăn:</i> .....	46

<b>2.1.4 Định hướng phát triển của công ty cổ phần thép Miền Bắc</b> .....	46
<b>2.1.5 Đặc điểm sản xuất kinh doanh thương mại của Công ty</b> .....	48
<u>2.1.5.1 Hình thức pháp lý</u> .....	48
<u>2.1.5.2 Ngành nghề kinh doanh, lĩnh vực và phạm vi hoạt động</u> .....	48
<u>2.1.5.3 Nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất</u> .....	49
<b>2.1.6 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý</b> .....	52
<u>2.1.6.1. Ban giám đốc</u> .....	52
<u>2.1.6.2. Các phòng ban</u> .....	53
<b>2.1.7. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty</b> .....	56
<u>2.1.7.1. Tổ chức công tác kế toán :</u> .....	56
<u>2.1.7.2. Nhiệm vụ bộ máy kế toán</u> .....	56
<u>2.1.7.3 Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty</u> .....	59
<b>2.2. Hạch toán kế toán hàng hoá tồn kho tại Công ty cổ phần thép Miền Bắc</b>	60
<b>2.2.1. Những mặt hàng kinh doanh chủ yếu và lượng hàng tồn kho của Công ty</b> .....	61
<u>2.2.1.1. Những mặt hàng chủ yếu</u> .....	61
<u>2.2.2.2 Trị giá hàng tồn kho đầu kỳ</u> .....	62
<u>2.2.2.3 Trị giá hàng mua vào trong kỳ</u> .....	62
<u>2.2.2.4 Trị giá hàng xuất bán trong kỳ</u> .....	73
<b>2.2.3 Kế toán tổng hợp hàng tồn kho</b> .....	81
<u>2.2.3.1 Tài khoản sử dụng</u> .....	81
<u>2.2.3.2 Chứng từ kế toán sử dụng</u> .....	81
<u>2.2.3.3 Mô hình hạch toán tổng hợp</u> .....	82
<b>2.2.4 Kiểm kê và đánh giá lại hàng hóa</b> .....	83
<u>2.2.4.1 Kiểm kê thừa, thiếu hàng hóa</u> .....	83
<u>2.2.4.2. Xử lý kết quả kiểm kê</u> .....	85
<b>2.2.5 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b> .....	88

<b>CHƯƠNG III MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC</b> .....	90
<b>3.1. Những đánh giá chung về công tác tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, tổ chức công tác kế toán và tổ chức kế toán hàng tồn kho</b> .....	90
<b>3.1.1. Ưu điểm:</b> .....	91
<u>3.1.1.1. Tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh</u> .....	92
<u>3.1.1.2 Tổ chức công tác kế toán :</u> .....	93
<u>3.1.1.3 Tổ chức kế toán hàng tồn kho:</u> .....	94
<b>3.1.2. Nhược điểm:</b> .....	96
<u>3.1.2.1. Hệ thống các kho hàng hóa</u> .....	96
<u>3.1.2.2. Nhân sự kế toán kho</u> .....	97
<u>3.1.2.3 Tìm hiểu và ứng dụng phần mềm kế toán:</u> .....	97
<u>3.1.2.4. Hàng mua vào và bán ra</u> .....	97
<u>3.1.2.5 Về hạch toán kế toán hàng tồn kho</u> .....	98
<u>3.1.2.6 Về bảo quản hàng hóa ch- a tiêu thụ</u> .....	98
<b>3.1.3. Nguyên nhân của những tồn tại:</b> .....	98
<b>3.2 Một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty cổ phần thép Miền Bắc</b> .....	99
<b>3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện</b> .....	99
<b>3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện</b> .....	100
<b>3.3.3. Nguyên tắc của việc hoàn thiện kế toán hàng tồn kho</b> .....	102
<b>3.3.4. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty</b> .....	103
<b>KẾT LUẬN</b> .....	107
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	108